SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BẢN CÁO BẠCH
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 14/07/2015)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số ....423/QĐ/SGDHCM- QĐ do Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày .....tháng.....năm.....)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày .... /tháng.....năm ..... tại

TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Địa chỉ : Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84.4) 22205544 Fax: (84.4) 22200399
Website : www.bidv.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (BSC)
Trụ sở chính: Tầng 10-11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84.4) 39352722 Fax: (84.4) 22200669
Website : www.bsc.com.vn

Chi nhánh: Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84.8) 38218886 Fax: (84.8) 38218510

Phụ trách công bố thông tin:

Ông : Quách Hùng Hiệp – Phó Tổng Giám đốc BIDV
Điện thoại : (84.4) 22205544 Fax: (84.4) 22200399

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 14/07/2015)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Loại cổ phiếu : Cổ phiếu
Mã cổ phiếu : BID
Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết : 336.921.100 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết : 3.369.211.000.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CTCP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam (BSC)

Trụ sở chính : Tầng 10 – 11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (84.4) 39352722 Fax: (84.4) 22200669
Website : www.bsc.com.vn

Chi nhánh : Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84.8) 38218886 Fax: (84.8) 38218510

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Địa chỉ : Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại : (84.4)62883568 Fax: (84.4) 62885678
Website : www.deloitte.com/vietnam

MỤC LỤC

PHẦN 1. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 9

1. Rủi ro về lãi suất 9
2. Rủi ro về tín dụng 9
3. Rủi ro về ngoại hối 11
4. Rủi ro về thanh toán 11
5. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng 12
6. Rủi ro luật pháp 12
7. Rủi ro về hoạt động 13
8. Rủi ro khác 13

PHẦN 2. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 14

1. Tổ chức niêm yết 14
2. Tổ chức tư vấn 14

PHẦN 3. CÁC KHÁI NIỆM 15

PHẦN 4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT 16

1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết 16
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển: 17
3. Quá trình tăng vốn điều lệ 21
4. Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty 22

4.1. Cơ cấu tổ chức 22

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý 24

5. Danh sách cổ đông lớn và cơ cấu cổ đông 27

5.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của BIDV tại 18/08/2015 27

5.2. Danh sách cổ đông sáng lập 27

5.3. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 18/08/2015 27

6. Danh sách công ty liên quan 27

6.1. Công ty mẹ của BIDV 27

6.2. Công ty con của BIDV, các công ty mà BIDV nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối 28

6.3. Danh sách các công ty liên kết của BIDV 30

6.4. Danh sách các công ty nắm quyền kiểm soát và chi phối BIDV 30
7. Hoạt động kinh doanh 30
7.1. Ngành nghề kinh doanh chính của BIDV 30
7.2. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn 53
7.3. Công nghệ thông tin 61
7.4. Thị trường hoạt động 63
7.5. Các dự án kinh doanh đang thực hiện 70
8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 74
8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh giai đoạn 2013-30/06/2015 74
8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm báo cáo 76
9. Vị thế của BIDV so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 78
9.1. Vị thế của BIDV trong ngành 78
9.2. Triển vọng phát triển của ngành 85
9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của BIDV với định hướng của ngành .. 87
10. Chính Sách Lao Động 88
10.1. Số lượng và cơ cấu lao động 88
10.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp 89
11. Chính sách cổ tức 90
12. Tình hình hoạt động tài chính 91
13. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng 92
13.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng Quản trị 92
13.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên BKS 115
13.3. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Giám đốc 120
14. Tài sản 133
14.1. Tài sản cố định 133
14.2. Tình hình quản lý và sử dụng đất 134
14.3. Tình hình quản lý đầu tư nhà cửa, vật kiến trúc, và hệ thống công nghệ thông tin .. 135
15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo 136
15.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo 136
15.2. Căn cứ để thực hiện kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 137

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 138
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết 139
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán 139
PHẦN 5. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT 140
1. Loại chứng khoán 140
2. Mệnh giá 140
3. Tổng số cổ phiếu niêm yết 140
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết 140
5. Phương pháp tính giá 141
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài 142
7. Các loại thuế có liên quan 142
7.1. Thuế đối với BIDV 142
7.2. Thuế đối với hoạt động giao dịch chứng khoán 142
PHẦN 6. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT NIÊM YẾT 144
1. TỔ CHỨC TƯ VẤN: 144
2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN: 144
PHẦN 7. PHỤ LỤC 145

MỤC LỤC BẢNG

Bảng 1: Chặng đường phát triển của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam 18
Bảng 2: Các danh hiệu & phần thưởng cao quý BIDV được trao trong thời gian qua 19
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 18/08/2015 27
Bảng 4: Danh sách công ty con tại thời điểm 30/06/2015 28
Bảng 5: Danh sách các công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm 30/06/2015 30
Bảng 6: Nguồn vốn huy động 2013, 2014 và 30/06/2015 32
Bảng 7: Cơ cấu tiền gửi khách hàng 2013, 2014 và 30/06/2015 32
Bảng 8: Huy động tiền gửi khách hàng theo kỳ hạn 2013, 2014 và 30/06/2015 33
Bảng 9: Huy động Tiền gửi khách hàng theo đồng tiền 2013, 2014 và 30/06/2015 33
Bảng 10: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn 2013, 2014 và 30/06/2015 34
Bảng 11: Dư nợ tín dụng theo loại hình doanh nghiệp 2013, 2014 và 30/06/2015 35
Bảng 12: Dư nợ tín dụng theo ngành nghề 2013, 2014 và 30/06/2015 35
Bảng 13: Phân loại nợ 2013, 2014 và 30/06/2015 37
Bảng 14: Dư quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng của BIDV giai đoạn 38
Bảng 15: Kết quả hoạt động bảo lãnh năm 2013, 2014 và lũy kế đến 30/06/2015 39
Bảng 16: Thu nhập hoạt động dịch vụ năm 2013, 2014 và lũy kế đến 30/06/2015 39
Bảng 17: Kết quả hoạt động thanh toán năm 2013, 2014 và lũy kế đến 30/06/2015 41
Bảng 18: Hoạt động kinh doanh thẻ 2013, 2014 và 30/06/2015 42
Bảng 19: Tình hình quản lý các Dự án Tài chính Nông thôn BIDV 2013, 2014 và 30/06/2015 44
Bảng 20: Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối giai đoạn 2013- 30/06/2015 45
Bảng 21: Tổng hợp danh mục đầu tư góp vốn dài hạn 2013, 2014 và 30/06/2015 46
Bảng 22: Tổng hợp chứng khoán kinh doanh của BIDV 2013, 2014 và 30/06/2015 47
Bảng 23: Tổng hợp chứng khoán đầu tư của BIDV 2013 và 2014 47
Bảng 24: Một số chỉ tiêu chủ yếu của BSC giai đoạn 2013-30/06/2015 49
Bảng 25: Một số chỉ tiêu chủ yếu của BIC giai đoạn 2013-30/06/2015 51

Bảng 26: Một số chỉ tiêu chủ yếu của BLC giai đoạn 2013 – 30/06/2015 52
Bảng 27: Một số chỉ tiêu chủ yếu của BAMC năm 2013, 2014 và 30/06/2015 52
Bảng 28: Số lượng các điểm mạng lưới truyền thống của BIDV giai đoạn 2013-30/06/2015 63
Bảng 29: Một số chỉ tiêu tài chính của BIDV và một số NHTM tại 31/12/2014 68
Bảng 30: Các dự án đầu tư xây dựng công trình đang triển khai đến thời điểm 30/06/2015 70
Bảng 31: Các dự án đầu tư công nghệ đến thời điểm 30/06/2015 73
Bảng 32: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính theo BCTC riêng lẻ giai đoạn 74
Bảng 33: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính theo BCTC hợp nhất giai đoạn 2013 - 30/06/2015 75
Bảng 34: Mạng lưới của một số NHTM lớn của Việt Nam tính đến 31/12/2014 81
Bảng 35. Tình hình chi trả cổ tức của BIDV giai đoạn 2012-2014 90
Bảng 36: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu theo BCTC riêng lẻ giai đoạn 2013 - 30/06/2015 91
Bảng 37: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu theo BCTC Hợp nhất giai đoạn 2013 - 30/06/2015 92
Bảng 38: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị BIDV 92
Bảng 39: Danh sách thành viên Ban kiểm soát BIDV 115
Bảng 40: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc BIDV 120
Bảng 41: Chi tiết tài sản cố định tại 30/06/2015 theo BCTC riêng lẻ 133
Bảng 42: Chi tiết tài sản cố định tại 30/06/2015 theo BCTC hợp nhất 134
Bảng 43: Tình hình sử dụng đất tại 30/06/2015 134
Bảng 44: Kế hoạch năm 2015 137
Bảng 45: Chi tiết các khoản nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra tại 30/06/2015 của BIDV 139

MỤC LỤC HÌNH VẼ

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của BIDV 23
Hình 2: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của BIDV 24
Hình 3: Mô hình tổ chức chi nhánh của BIDV 26
Hình 4: Mạng lưới khối ngân hàng của BIDV theo năm 80
Hình 5: Quy mô Tổng tài sản, Vốn chủ sở hữu của một số NHTM tại 31/12/2014 81
Hình 6: Quy mô Dư nợ và Huy động vốn của một số Ngân hàng TMCP 82
Hình 7: Lợi nhuận sau thuế và tỷ lệ nợ xấu của BIDV và một số NHTM tại 31/12/2014 83

PHẦN 1. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất bao gồm rủi ro lãi suất Sổ ngân hàng và rủi ro lãi suất Sổ kinh doanh. Rủi ro lãi suất Sổ ngân hàng là khả năng xảy ra tổn thất đối với thu nhập ròng từ lãi và giá trị kinh tế vốn của BIDV do sự biến động bất lợi của lãi suất. Trong khi đó rủi ro lãi suất Sổ kinh doanh là khả năng xảy ra tổn thất đối với danh mục kinh doanh của BIDV do sự biến động bất lợi của lãi suất, ảnh hưởng đến giá trị danh mục.

- Đối với rủi ro lãi suất Sổ ngân hàng: tổn thất có thể xảy ra do sự chênh lệch về giá trị giữa tài sản có nhạy cảm lãi suất và tài sản nợ nhạy cảm lãi suất theo từng dải kỳ hạn và do sự chênh lệch giữa thời lượng bình quân của tổng tài sản có và tổng tài sản nợ. Khi lãi suất thị trường biến động, tùy thuộc vào trạng thái khe hở tài sản nhạy cảm lãi suất và khe hở thời lượng, thu nhập ròng từ lãi và giá trị kinh tế vốn của BIDV có thể sẽ bị ảnh hưởng. Để hạn chế những rủi ro có thể phát sinh này, BIDV đã thiết lập hạn mức đối với các công cụ quản lý rủi ro lãi suất sổ ngân hàng bao gồm: hạn mức khe hở tài sản nhạy cảm lãi suất; hạn mức biến động thu nhập ròng từ lãi; hạn mức khe hở thời lượng; hạn mức biến động giá trị kinh tế vốn của ngân hàng. Các công cụ này được BIDV thực hiện đo lường và giám sát hàng ngày. Ngoài ra, BIDV cũng đang trong quá trình nghiên cứu và triển khai công cụ thử nghiệm khủng hoảng và tính vốn yêu cầu tối thiểu đối với rủi ro lãi suất sổ ngân hàng, tiến đến quản lý rủi ro lãi suất sổ ngân hàng theo Basel II và thông lệ tốt trên thế giới.
- Đối với rủi ro lãi suất Sổ kinh doanh: tổn thất có thể xảy ra do sự chênh lệch giữa giá trị thị trường của danh mục kinh doanh và giá trị mua vào của danh mục. Khi lãi suất thị trường biến động bất lợi, tùy thuộc vào tính chất của danh mục, chênh lệch này có thể sẽ biến động và gây tổn thất cho BIDV. Để hạn chế rủi ro lãi suất Sổ kinh doanh, BIDV thực hiện đo lường và giám sát hàng ngày đối với hệ thống công cụ hạn mức bao gồm: Hạn mức trạng thái; Hạn mức lãi lỗ lũy kế thực tế và dự kiến; Hạn mức VaR; Hạn mức BPV. Ngoài ra BIDV cũng thực hiện quản lý rủi ro lãi suất sổ kinh doanh thông qua các công cụ: Thời lượng điều chỉnh của trái phiếu; Độ lồi của trái phiếu; Kiểm nghiệm giả thuyết (backtest); Kiểm nghiệm khủng hoảng (stresstest); Tính vốn yêu cầu tối thiểu theo Basel II.

  (Các nội dung chi tiết về công tác quản lý rủi ro thị trường và rủi ro lãi suất Sổ ngân hàng của BIDV xin vui lòng tham chiếu mục 7.2.4 tài liệu này.)

2. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro cơ bản đối với hầu hết các NHTM nói chung và BIDV nói riêng do hoạt động cho vay vẫn là hoạt động chính tại các ngân hàng. Rủi ro này xảy ra khi khách hàng được cấp tín dụng, bên có nghĩa vụ hoặc đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần

hoặc toàn bộ nghĩa vụ theo cam kết đã ký trong hợp đồng. Rủi ro tín dụng phát sinh từ các nguyên nhân chính như:

- Từ bản thân các ngân hàng: Do chính sách và quy trình tín dụng chưa chặt chẽ, công tác quản trị rủi ro chưa hữu hiệu, việc xác định nhu cầu, thời hạn cấp tín dụng của khách hàng chưa phù hợp, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của một số cán bộ tín dụng còn chưa đáp ứng yêu cầu…
- Từ khách hàng: Do năng lực quản trị điều hành của bộ máy lãnh đạo đơn vị còn hạn chế, công nghệ sản xuất của khách hàng lỗi thời và không đủ khả năng tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh cao, khách hàng không có đủ tiềm lực về vốn để thực hiện phương án kinh doanh theo kế hoạch, khách hàng cố tình lừa đảo…
- Từ phía môi trường kinh doanh: Do nguyên nhân bất khả kháng (thiên tai, địch họa…), thay đổi từ chính sách kinh tế vĩ mô và môi trường pháp lý, suy giảm đối với ngành mà khách hàng hoạt động hoặc của nền kinh tế nói chung, nguyên nhân do thông tin không cân xứng.

Trong điều kiện kinh doanh có nhiều thay đổi như hiện nay và các chủ thể kinh tế có mối quan hệ qua lại lẫn nhau, việc quản lý rủi ro tín dụng trở nên phức tạp. BIDV đã tập trung đẩy mạnh, triển khai đồng bộ các biện pháp, giải pháp (trong đó đặc biệt chú trọng công tác nắm bắt, theo sát thông tin khách hàng, thị trường, đào tạo cán bộ, ứng dụng công nghệ thông tin) nhằm tăng cường khả năng quản trị rủi ro, đặc biệt là rủi ro tín dụng, cụ thể như sau:

- Đối với rủi ro tín dụng, hàng năm, BIDV xác định cơ cấu, giới hạn tín dụng trong từng ngành nghề, lĩnh vực, thời hạn vay, loại tiền, khu vực địa lý… khác nhau.
- Xây dựng mức thẩm quyền phán quyết tín dụng của các Chi nhánh trên cơ sở đánh giá năng lực quản lý của từng Chi nhánh, tiềm năng của từng vùng.
- Đã xây dựng quy trình thẩm định, xét duyệt tại Chi nhánh và Trụ sở chính theo hướng phân tách trách nhiệm giữa các khâu Front Office (Quan hệ Khách hàng), Middle Office (Quản lý Rủi ro) và Back Office (Quản trị Tín dụng) nhằm đảm bảo hạn chế các rủi ro phát sinh.
- Kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng đối với từng khách hàng cụ thể bằng cách thiết lập giới hạn cấp tín dụng tối đa đối với từng khách hàng tương ứng với năng lực tài chính, khả năng sử dụng nguồn vốn và mức độ rủi ro mà ngân hàng có thể chấp nhận. BIDV cũng thực hiện kiểm soát nhóm các khách hàng liên quan, đã ban hành quy định nội bộ về nhóm khách hàng liên quan.
- Việc kiểm soát sau cho vay được BIDV coi trọng, đảm bảo phát hiện kịp thời các rủi ro phát sinh để có ứng xử phù hợp. BIDV đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho

phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác.

- Để phục vụ cho việc quản lý rủi ro tín dụng, BIDV luôn chú trọng hoàn thiện hệ thống thông tin liên quan đến khách hàng. BIDV đã hoàn thành dự án hiện đại hoá, mọi thông tin liên quan đến khách hàng được quản lý tập trung, thống nhất trong toàn hệ thống góp phần phục vụ có hiệu quả theo yêu cầu của các cấp điều hành. Hệ thống thông tin này có tác dụng tích cực trong việc cảnh báo sớm các rủi ro có thể phát sinh.
- BIDV đã xây dựng chính sách phân loại nợ và trích lập DPRR nhằm thực hiện phân loại nợ và trích lập DPRR theo thông lệ quốc tế, phù hợp với quy định của NHNN nhằm đánh giá chính xác chất lượng khoản vay và khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ theo cam kết.
- BIDV thường xuyên thành lập các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ nhằm đảm bảo việc thống nhất và tuân thủ các quy chế, quy định các mảng nghiệp vụ trong toàn hệ thống, phát hiện những sai sót từ đó đưa ra cảnh báo, kiến nghị với Ban lãnh đạo.

3. Rủi ro về ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là khả năng xảy ra tổn thất đối với trạng thái ngoại tệ của BIDV do sự biến động bất lợi của tỷ giá.

Rủi ro ngoại hối của BIDV hiện nay phát sinh từ các hoạt động kinh doanh, phục vụ khách hàng và hoạt động đầu tư của Sở ngân hàng. Trạng thái ngoại tệ được quản lý tập trung tại Trụ sở chính.

4. Rủi ro về thanh toán

Rủi ro thanh khoản có thể bắt nguồn từ việc BIDV không thể lường trước và dự phòng đầy đủ những giảm sút về nguồn vốn, từ đó có thể dẫn tới những ảnh hưởng bất lợi đến khả năng đáp ứng của BIDV đối với các nghĩa vụ thanh toán đến hạn.

Thời gian qua, bên cạnh việc tiếp tục tạo dựng uy tín đối với các khách hàng tiền gửi lớn/truyền thống, BIDV đã tích cực chú trọng gia tăng huy động vốn từ các khách hàng mới, theo đó, số dư huy động vốn tăng trưởng đều qua các năm. Đồng thời BIDV tiếp tục duy trì khối lượng tài sản có tính lỏng cao nhằm đảm bảo khả năng chi trả trong các điều kiện bình thường, bất thường, tuân thủ đúng các tỷ lệ về đảm bảo an toàn thanh khoản theo quy định của NHNN.

Hướng đến quản lý rủi ro thanh khoản theo thông lệ ngân hàng hiện đại, BIDV đã xây dựng quy định quản lý thanh khoản trong đó nêu rõ hệ thống công cụ quản lý, hệ thống hạn mức RRTK; phương pháp xây dựng kịch bản thanh khoản trong các điều kiện rủi ro, bình thường; trách nhiệm của từng đơn vị thực hiện, biện pháp xử lý, khắc phục trong trường hợp rủi ro thanh khoản xảy ra. Đặc biệt, thực hiện theo lộ trình triển khai Basel II của NHNN tại công văn số 1601/NHNN-TTGSNH ngày 17/03/2014, BIDV đã và đang triển dự án Basel, theo đó bổ sung toàn diện về phương pháp luận cũng như những kỹ thuật quản lý RRTK hiện đại như xây dựng mô hình hành vi

khách hàng, hệ thống chỉ tiêu cảnh báo sớm, kiện toàn hệ thống hạn mức quản lý rủi ro thanh khoản...

5. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Hoạt động ngoại bảng của ngân hàng là các nghiệp vụ kinh doanh được phản ánh trên mục "Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán" của ngân hàng như bảo lãnh, thư tín dụng,... Rủi ro của hoạt động này phát sinh khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng, khi đó ngân hàng sẽ phải thay khách hàng thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết và các nghĩa vụ này sẽ được hạch toán như các khoản tín dụng nội bảng.

Để phòng ngừa và hạn chế các rủi ro này, BIDV đã ban hành quy định cụ thể đối với các nghiệp vụ như bảo lãnh, cam kết bảo lãnh, thư tín dụng…, trong đó:

- Đối với nghiệp vụ bảo lãnh: BIDV đã ban hành Quy chế bảo lãnh đối với khách hàng, trong đó: Quy định rõ các điều kiện cấp bảo lãnh, quản lý, thẩm định, xét duyệt cấp bảo lãnh, thẩm quyền ký hợp đồng cấp bảo lãnh, cam kết bảo lãnh, biện pháp bảo đảm; Đồng thời, quy định về trình tự, thủ tục và thẩm quyền phê duyệt cấp bảo lãnh được thực hiện chặt chẽ như một khoản vay (áp dụng quy trình như phê duyệt cho vay).
- Đối với nghiệp vụ phát hành thư tín dụng: Quy trình, thủ tục, thẩm quyền cấp tín dụng cũng được thực hiện tương tự như đối với khoản vay. Tuy nhiên, ngoài các nội dung yêu cầu thẩm định, đánh giá bắt buộc trong quy trình cấp tín dụng, đối với nghiệp vụ mở L/C: Bộ phận quan hệ khách hàng sẽ chuyển hồ sơ mở L/C cho Bộ phận Thanh toán quốc tế xem xét đánh giá sự phù hợp/không phù hợp về mặt thông lệ quốc tế; Trên cơ sở ý kiến của Bộ phận Thanh toán quốc tế, Bộ phận Quan hệ khách hàng lập đề xuất đảm bảo nguồn vốn thanh toán mở L/C. Tùy trường hợp cụ thể, báo cáo đề xuất của Bộ phận Quan hệ khách hàng sẽ tiếp tục được chuyển cho bộ phận quản lý rủi ro để tiến hành độc lập phân tích rà soát, đánh giá lại toàn bộ các rủi ro liên quan, xác định mức độ rủi ro tín dụng và đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro.

Ngoài ra, một phần hoặc toàn bộ các khoản mục ngoại bảng này đều có tài sản cầm cố, thế chấp (bất động sản, máy móc thiết bị, hàng hóa…) hoặc đảm bảo bằng giá trị ký quỹ với tỷ lệ tùy thuộc vào kết quả định hạng tín dụng và chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng nhằm giảm thiểu các tổn thất do rủi ro gây ra.

6. Rủi ro luật pháp

BIDV là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh có điều kiện (ngân hàng – tài chính – tiền tệ), do vậy, bên cạnh việc phải tuân thủ các quy định pháp luật chung tại Luật Doanh Nghiệp, BIDV còn chịu sự điều chỉnh chặt chẽ của pháp luật chuyên ngành ngân hàng như Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Ngân hàng nhà nước... Hiện nay, Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng với nền kinh tế toàn cầu, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính – tiền tệ, do vậy hệ thống pháp luật của Việt

Nam đang không ngừng được xây dựng nhằm nội luật hóa các cam kết của Việt Nam tại các điều ước quốc tế nhằm hướng tới mục tiêu hoàn thiện một khung pháp lý mới chặt chẽ hơn cho các tổ chức tín dụng ("TCTD") tại Việt Nam, trong đó có các ngân hàng thương mại cổ phần như BIDV.

Từ năm 2010 cho đến nay, Quốc hội Việt Nam đã thông qua một số đạo luật quan trọng nhằm hoàn thiện khung pháp lý cho môi trường kinh doanh và hoạt động của các tổ chức tín dụng tại Việt Nam, gồm: Luật số 46/2010/QH12 về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Luật số 47/2010/QH12 về Các tổ chức tín dụng (có hiệu lực từ ngày 01/01/2011 và Luật số 68/2014/QH13 về Doanh nghiệp và Luật số 67/2014/QH13 về Đầu tư thay thế các luật cũ (có hiệu lực từ ngày 01/07/2015).

Trên thực tế, mặc dù Chính phủ, Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn luật nhằm chi tiết hóa các luật liên quan tới các tổ chức tín dụng, từ đó, góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý và giúp cơ quan có thẩm quyền quản lý chặt chẽ hoạt động của các tổ chức tín dụng và thị trường tài chính, nhưng cho đến nay, nhiều văn bản hướng dẫn luật, đặc biệt là Luật Các tổ chức tín dụng vẫn còn cần tiếp tục được hoàn thiện hoặc chờ ban hành. Việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa ban hành các chính sách, văn bản, quy định hướng dẫn luật có thể đặt ra các thách thức không nhỏ cho các tổ chức tín dụng (trong đó có BIDV) vì việc chưa được hướng dẫn áp dụng đầy đủ, kịp thời, đồng bộ các văn bản pháp luật điều chỉnh có thể dẫn đến rủi ro về mặt pháp lý đối với hoạt động ngân hàng.

Sau khi cổ phần hóa và niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, BIDV còn phải tuân thủ quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán (Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành dưới luật). Hiện nay, các văn bản luật và văn bản dưới luật điều chỉnh hoạt động của thị trường chứng khoán đang trong quá trình tiếp tục được sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung bởi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do đó nếu có sự thay đổi thì có thể ảnh hưởng đến tình hình giao dịch cổ phiếu và hoạt động của BIDV.

7. Rủi ro về hoạt động

Rủi ro hoạt động là loại rủi ro có thể xuất hiện trong hầu hết các hoạt động của ngân hàng, là rủi ro cố hữu, gắn liền với hoạt động ngân hàng nhưng lại rất khó lường. Rủi ro hoạt động có thể xuất phát từ yếu tố con người (cẩu thả, gian lận), do sơ hở trong các quy trình nội bộ, sự yếu kém trong hệ thống thông tin, hệ thống kiểm soát nội bộ; hoặc từ những thay đổi các yếu tố bất thường bên ngoài (cơ chế, chính sách của nhà nước, thiên tai, địch họa).

8. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trình bày ở trên, BIDV còn có thể phải chịu các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... nếu xảy ra sẽ ít nhiều tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của BIDV.

PHẦN 2. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông: Trần Bắc Hà	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông: Phan Đức Tú	Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Bà: Tạ Thị Hạnh	Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà: Võ Bích Hà	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Bà: Trần Thị Thu Thanh Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo Quyết định ủy quyền số 202/QĐ-BSC ngày 10/02/2015 của Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cung cấp.

PHẦN 3. CÁC KHÁI NIỆM

- "BIDV", "Tổ chức niêm yết": Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- "BSC", "Tổ chức tư vấn": Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và Phát triển Việt Nam
- "ĐHĐCĐ": Đại Hội đồng Cổ đông
- "HĐQT": Hội đồng Quản trị
- "BGĐ": Ban Giám đốc
- "BKS": Ban Kiểm soát
- "CBCNV": Cán bộ công nhân viên
- "ISO": Chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng
- "SXKD": Sản xuất kinh doanh
- "ATM": Máy rút tiền tự động
- "POS": Thiết bị bán hàng
- "CMTND": Chứng minh thư nhân dân
- "CTCP": Công ty Cổ phần
- "NHTM": Ngân hàng Thương mại
- "NHNN": Ngân hàng nhà nước
- "UBCKNN": Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- "TNHH": Trách nhiệm hữu hạn
- "USD": Đồng đô la Mỹ
- "VND": Việt Nam Đồng
- "DNVVN": Doanh nghiệp vừa và nhỏ
- "NHNN&PTNT": Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

PHẦN 4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

- **Tên tiếng Việt:** Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- **Tên tiếng Anh:** Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam
- **Tên viết tắt:** BIDV
- **Mã chứng khoán:** BID
- **Logo:**

- **Vốn điều lệ:** 31.481.237.440.000 VNĐ (Bằng chữ: *Ba mươi mốt nghìn bốn trăm tám mươi mốt tỷ hai trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*)
- **Trụ sở chính:** Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- **Điện thoại:** (84.8) 22200588
- **Fax:** (84.8) 22200399
- **Website:** www.bidv.com.vn
- **Mã số thuế:** 0100150619
- **Đăng ký kinh doanh:**

  Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619, đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 14/07/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

  Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần số 84/GP-NHNN ngày 23 tháng 04 năm 2012.

Sứ mệnh Tầm nhìn

BIDV luôn đồng hành, chia sẻ và cung cấp dịch vụ tài chính-ngân hàng hiện đại, tốt nhất cho ***khách hàng***; cam kết mang lại giá trị tốt nhất cho ***các cổ đông***; tạo lập môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, cơ hội phát triển nghề nghiệp và lợi ích xứng đáng cho mọi ***nhân viên***; và là ngân hàng tiên phong trong hoạt động phát triển ***cộng đồng***.

Trở thành Tập đoàn Tài chính Ngân hàng có chất lượng, hiệu quả, uy tín hàng đầu tại Việt Nam.

Các lĩnh vực hoạt động

BIDV là một Ngân hàng thương mại cổ phần đa năng, hướng tới hình thành tập đoàn tài chính – ngân hàng với các lĩnh vực kinh doanh:

- Hoạt động ngân hàng thương mại: bao gồm các hoạt động chính như huy động vốn, hoạt

động tín dụng, dịch vụ thanh toán và ngân quỹ, các hoạt động kinh doanh và dịch vụ ngân hàng thương mại khác;

- Hoạt động ngân hàng bán lẻ, tập trung phục vụ các tầng lớp dân cư, phát triển các sản phẩm, dịch vụ huy động vốn/cho vay/thanh toán đáp ứng mọi nhu cầu tài chính của cá nhân; phát triển các sản phẩm thẻ;
- Hoạt động ngân hàng đầu tư: BIDV thực hiện hoạt động ngân hàng đầu tư dưới hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty tài chính hoặc loại hình công ty khác mà BIDV nắm giữ cổ phần hoặc có phần vốn góp theo quy định của pháp luật. Hoạt động ngân hàng đầu tư bao gồm nhưng không hạn chế ở các loại hình sau:
  - Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư, tư vấn phát hành chứng khoán, IPO, tư vấn niêm yết;
  - Bảo lãnh phát hành chứng khoán; đại lý phát hành chứng khoán;
  - Môi giới và tự doanh chứng khoán;
  - Quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư;
  - Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
  - Dịch vụ lưu ký chứng khoán, ngân hàng giám sát;
  - Dịch vụ quản lý tài sản;
  - Hoạt động nghiên cứu;
  - Các hoạt động ngân hàng đầu tư khác theo quy định của pháp luật.
- Bảo hiểm: BIDV thực hiện cung ứng dịch vụ bảo hiểm sau đây dưới hình thức thành lập công ty có liên quan hoặc làm đại lý cho các công ty bảo hiểm theo quy định của pháp luật:
  - Bảo hiểm nhân thọ;
  - Bảo hiểm phi nhân thọ;
  - Tái bảo hiểm;
  - Các dịch vụ bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tiền thân là Ngân hàng Kiến thiết Việt Nam, được thành lập theo Quyết định 177/TTg ngày 26/04/1957 của Thủ tướng Chính phủ, với chức năng ban đầu là cấp phát và quản lý vốn kiến thiết cơ bản từ nguồn vốn ngân sách phục vụ tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Ngày 08/11/1994 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 654/QĐ-TTg về việc chuyển giao nhiệm vụ cấp phát vốn ngân sách và tín dụng theo Kế hoạch nhà nước từ BIDV về Tổng cục

Đầu tư (trực thuộc Bộ Tài chính) và Quyết định 293/QĐ-NH9 ngày 18/11/1994 của Thống đốc NHNN Việt Nam cho phép BIDV được kinh doanh đa năng như một Ngân hàng Thương mại, BIDV đã thực hiện những bước chuyển đổi cấu trúc cơ bản, định hướng kinh doanh mạnh mẽ theo hướng một ngân hàng thương mại đa năng, hoạt động đa ngành, kinh doanh đa lĩnh vực vì mục tiêu lợi nhuận. Những nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên BIDV đã góp phần tích cực trong sự nghiệp đổi mới kinh tế, thực hiện công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước; khẳng định vai trò và vị trí của BIDV trong hoạt động ngân hàng; và đặc biệt, đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận với danh hiệu "Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới".

Qua 58 năm trưởng thành và phát triển, đến nay BIDV là một trong bốn ngân hàng thương mại lớn nhất ở Việt Nam, được tổ chức hoạt động theo mô hình Ngân hàng thương mại cổ phần, trong đó Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối.

Bảng 1: Chặng đường phát triển của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Năm	Sự kiện
1957	Được thành lập với tên gọi Ngân hàng Kiến thiết Việt Nam, trực thuộc Bộ Tài Chính, 100% sở hữu Nhà nước.
1981	Đổi tên thành Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng Việt Nam (trực thuộc Ngân hàng Nhà nước).
1990	Đổi tên thành Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
1992	Bắt đầu hoạt động với các đối tác nước ngoài.
1995	Chuyển sang hoạt động như một Ngân hàng thương mại với số vốn điều lệ là 1.100 tỷ đồng.
1996	Là Ngân hàng thương mại đầu tiên tại Việt Nam được các công ty kiểm toán quốc tế thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo chuẩn mực Việt Nam và quốc tế, và áp dụng liên tục cho tới nay (18 năm).
2001	Ngân hàng thương mại đầu tiên tại Việt Nam nhận chứng chỉ ISO 9001:2000.
2001 - 2006	Thực hiện đề án tái cơ cấu ngân hàng. Tăng vốn điều lệ từ 1.100 tỷ đồng lên 4.077 tỷ đồng.
2006	Là ngân hàng đầu tiên của Việt Nam được tổ chức xếp hạng tín nhiệm uy tín toàn cầu Moody's thực hiện xếp hạng tín nhiệm, và được áp dụng liên tục cho tới nay (08 năm).
2008	Chuyển đổi mô hình tổ chức theo dự án hỗ trợ kỹ thuật giai đoạn 2 do World Bank tài trợ. Tăng vốn điều lệ lên 8.756 tỷ đồng.
2009	Tăng vốn điều lệ lên 10.498 tỷ đồng.
2010	Tiếp tục tăng vốn điều lệ, đạt mức 14.600 tỷ đồng. Bắt đầu tiến hành định hạng năng lực tài chính bởi tổ chức định hạng quốc tế S&P.
2011	Điều chỉnh giảm vốn điều lệ xuống mức 12.947 tỷ đồng do thực hiện bóc tách các khoản đầu tư vào thị trường Campuchia theo chỉ đạo của Chính phủ. Ngày 28/12/2011, tiến hành IPO thành công với việc phát hành 3% vốn điều lệ (tương

Năm	Sự kiện
	đương với 847,5 tỷ đồng), giá đấu thành công bình quân là 18.583 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần).
08/03/2012	Tiến hành Đại hội đồng cổ đông lần đầu và thông qua đề án Tái cơ cấu 2011-2015 và chiến lược phát triển nhằm đưa BIDV trở thành ngân hàng kinh doanh đa dạng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, hoạt động theo thông lệ quốc tế, có chất lượng và hiệu quả hàng đầu trong các định chế tài chính tại Việt Nam.
27/04/2012	Chính thức chuyển đổi thành Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619 (đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, thay đổi lần thứ 13 ngày 27/04/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp) với số vốn điều lệ là 23.012 tỷ đồng.
06/08/2013	Tăng vốn điều lệ lên 28.112.026.440.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và chào bán cổ phần phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu
24/01/2014	Chính thức giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán tp.Hồ Chí Minh (HSX)
22/05/2015	Hoàn thành phát hành cổ phiếu hoán đổi để sáp nhập MHB vào BIDV

Bảng 2: Các danh hiệu & phần thưởng cao quý BIDV được trao trong thời gian qua

STT	Phần thưởng được nhận
A	**Đánh giá ghi nhận của Đảng và Nhà nước.**
1	Là ngân hàng đầu tiên được Nhà nước phong tặng danh hiệu "Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới" (2000).
2	Huân chương Hồ Chí Minh (2007).
3	Huân chương Độc lập hạng Ba (1999), Độc lập hạng Nhất (2002 và 2012).
4	Huân chương Lao động hạng Nhất (1997)
5	53 Huân chương Độc lập, Huân chương lao động cho các tập thể và cá nhân.
6	133 bằng khen của Chính phủ cho tập thể và cá nhân
7	79 cờ thi đua của Chính phủ, Thống đốc NHNN và UBND các tỉnh, thành phố.
8	Cùng hàng ngàn bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ ngành, UBND các tỉnh, thành phố cho các tập thể, cá nhân xuất sắc trong toàn hệ thống BIDV
B	**Đánh giá ghi nhận của Đảng, Nhà nước, Chính phủ nước CHDCND Lào**
1	Huân chương tự do hạng Nhì (2012), Huân chương Hữu nghị (2007)
2	Huân chương lao động hạng nhì (2002)
3	06 Huân chương hạng 3 và nhiều phần thưởng cao quý khác cho tập thể, cá nhân trong toàn hệ thống BIDV.
C	**Đánh giá ghi nhận của Chính phủ Campuchia**
1	Huân chương Hoàng Gia hạng Nhất của Quốc vương Campuchia (2012)
D	**Đánh giá ghi nhận của các tổ chức, định chế tài chính trong nước và quốc tế.**
1	Các giải thưởng của ADFIAP (Hiệp hội các định chế tài chính Phát triển Châu Á-Thái Bình Dương) trao tặng:

STT	Phần thưởng được nhận
	Tài trợ phát triển giảm nghèo 2004 Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ 2005 Phát triển kinh tế địa phương 2005
2	Các giải thưởng về thanh toán quốc tế "Ngân hàng có chất lượng thanh toán qua SWIFT tốt nhất do AMEX, Bank of New York, Citibank và HSBC trao tặng (2001 – 2005).
3	UNDP xếp hạng là 1 trong 4 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (2007).
4	Finance Asia xếp BIDV trong top 100 ngân hàng của Châu Á (2007).
5	Ngân hàng nội địa cung ứng dịch vụ FX tốt nhất do AsiaMoney trao tặng (2007, 2008, 2009, 2013, 2014).
6	Giải thưởng "Thương hiệu Mạnh Việt Nam" do Bộ Công Thương, Thời báo Kinh tế Việt Nam trao tặng (2005, 2006, 2008, 2009).
7	"Ngân hàng Thanh toán quốc tế và quản lý tiền tệ tốt nhất 2010" do HSBC trao tặng.
8	Bằng khen về thành tích xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán giai đoạn 2001 – 2005; giai đoạn 2006 – 2010 do Bộ Tài chính trao tặng.
9	Giải thưởng "Ngân hàng có dịch vụ huy động vốn tốt nhất" và "Ngân hàng có dịch vụ tín dụng doanh nghiệp tốt nhất" do Diễn đàn kinh tế Việt Nam và Báo Vietnamnet tổ chức bình chọn năm 2010.
10	Liên tục từ năm 2007 đến nay, BIDV giữ vị trí hàng đầu Vietnam ICT Index (Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin) và nằm trong TOP 10 CIO (lãnh đạo Công nghệ Thông tin) tiêu biểu của Khu vực Đông Dương năm 2009 và Khu vực Đông Nam Á năm 2010, 2013.
11	Giải Sao khuê 2011, Nhân tài Đất Việt 2012 cho sản phẩm phần mềm Cổng thanh toán chứng khoán trực tuyến (BIDV@Securities).
12	Giải thưởng "Ngôi sao chất lượng quốc tế 2011" do tổ chức Định hướng sáng kiến doanh nghiệp BID Quality Award (trụ sở tại Tây Ban Nha) trao tặng.
13	Giải thưởng "Ngân hàng nội địa cung cấp sản phẩm tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam năm 2012" do EuroMoney trao tặng.
14	Giải thưởng "Ngân hàng của năm- "House of the year" năm 2012, 2013 và 2014, 2015 do Asia Risk trao tặng.
15	Top 1000 World Bank năm 2013 do Tạp chí The banker bầu chọn
16	Giải thưởng "Ngân hàng Quản lý tiền tệ của năm 2013" trong hệ thống giải thưởng Ngân hàng bán buôn năm 2013 do Asian Banking and Finance tổ chức.
17	Giải thưởng "Ngân hàng Quản lý tiền tệ tốt nhất Việt nam" do Tạp chí Asian Banker trao tặng năm 2014
18	Giải thưởng "Ngân hàng bán lẻ tốt nhất Việt nam" do Tạp chí Asian Banker trao tặng năm 2015
19	Giải thưởng "Ngân hàng Việt Nam tốt nhất về Công nghệ và Vận hành 2015" do Tạp chí Asian Banking and Finance trao tặng.

3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Vốn điều lệ khi Ngân hàng chuyển sang hoạt động theo hình thức ngân hàng cổ phần là 23.011.705.420.000 đồng. Từ đó đến nay, BIDV đã thực hiện tăng vốn 02 lần với chi tiết như sau:

Lần 1:

- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và chào bán thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu
- Số vốn điều lệ tăng thêm: 5.100.321.020.000 đồng
- Nguồn tăng vốn:
  - Phát hành cổ phiếu trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận giữ lại: 1.041.849.090.000 đồng
  - Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu: 4.058.471.930.000 đồng
- Ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền: 25/06/2013
- Tỷ lệ phân bố quyền:
  - Phát hành cổ phiếu trả cổ tức: 4,53%
  - Phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu: 17,63%
- Giá phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phần
- Ngày phát hành: 05/07/2013
- Kết quả phát hành: phát hành thêm 510.032.102 cổ phần trong đó
  - Số cổ phần phát hành để trả cổ tức: 104.184.909 cổ phần
  - Số cổ phần chào bán thành công: 405.847.193 cổ phần
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 28.112.026.440.000 đồng
- Ngày hoàn thành đợt phát hành và báo cáo UBCKNN: 06/08/2013

Lần 2

- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu hoán đổi để sáp nhập Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long
- Số vốn điều lệ tăng thêm: 3.369.211.000.000 đồng
- Nguồn tăng vốn:
  - Phát hành cổ phiếu để hoán đổi với cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long

- Ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền: 08/05/2015
- Tỷ lệ hoán đổi: 1:1
- Mệnh giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Ngày phát hành: 12/05/2015
- Kết quả phát hành: phát hành thêm 336.921.100 cổ phiếu để hoán đổi với 336.921.100 cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 31.481.237.440.000 đồng
- Ngày hoàn thành đợt phát hành và báo cáo UBCKNN: 22/05/2015

Hiện nay, BIDV đang triển khai kế hoạch phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phần số 52/GCN-UBCK đã được UBCKNN cấp ngày 29/07/2015. Thông tin chi tiết về đợt phát hành này như sau:

- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- Số vốn điều lệ tăng thêm: 2.705.915.920.000 đồng
  - Nguồn tăng vốn: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- Ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền: 18/8/2015
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 1:0.08595329
- Mệnh giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Thời hạn thực hiện quyền mua: từ ngày 01/09/2015 đến ngày 21/09/2015
- Vốn điều lệ sau khi phát hành dự kiến: 34.187.153.360.000 đồng

4. Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty

4.1. Cơ cấu tổ chức

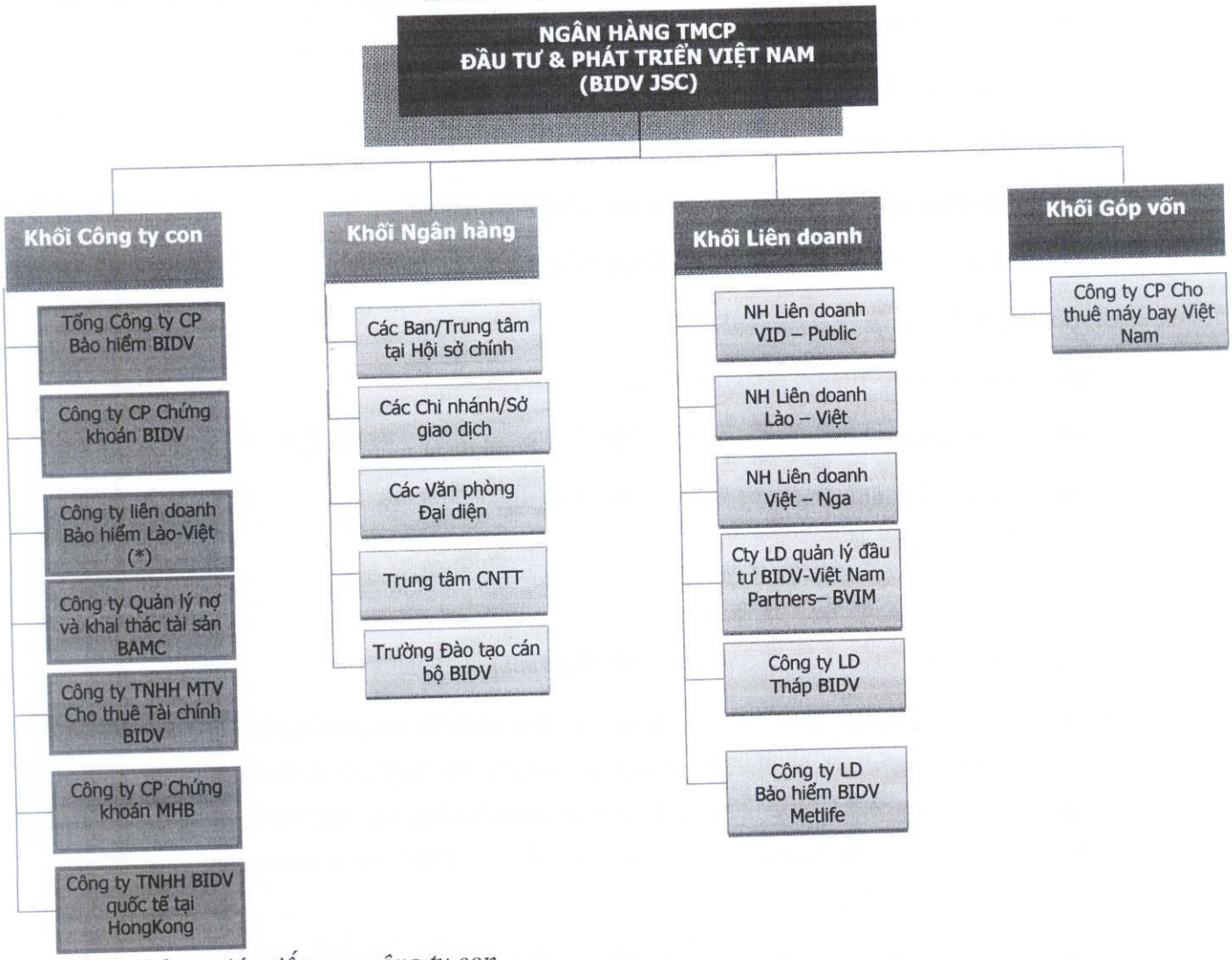
Tính đến thời điểm 30/06/2015, BIDV có mạng lưới như sau:

- Khối ngân hàng: Hội sở chính và 180 chi nhánh (bao gồm 01 Sở giao dịch, 3 chi nhánh bán lẻ và 176 chi nhánh hỗn hợp), 798 Phòng giao dịch, 16 Quỹ tiết kiệm/Điểm giao dịch; Trường đào tạo cán bộ BIDV; Trung tâm Công nghệ Thông tin; các Văn phòng đại diện: VPĐD tại Tp. Hồ Chí Minh, VPĐD tại Đà Nẵng, VPĐD tại Campuchia, VPĐD tại Myanmar, VPĐD tại Lào, VPĐD tại Séc.
- Khối công ty con: 07 Công ty bao gồm Công ty cho thuê tài chính TNHH Một thành viên

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BLC), Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC), Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC), Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản (BAMC), Công ty TNHH BIDV Quốc tế tại Hong Kong (BIDVI), Công ty liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt (LVI), Công ty Cổ phần Chứng khoán MHB (MHBS).

- Khối liên doanh: gồm 06 đơn vị liên doanh: Ngân hàng liên doanh VID Public Bank (VPB), Ngân hàng liên doanh Việt - Nga (VRB), Công ty liên doanh quản lý đầu tư BIDV-Việt Nam Partners (BVIM), Ngân hàng liên doanh Lào – Việt (LVB), Công ty liên doanh Tháp BIDV, Công ty liên doanh bảo hiểm BIDV Metlife.
- Khối các đơn vị liên kết: Công ty cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC).

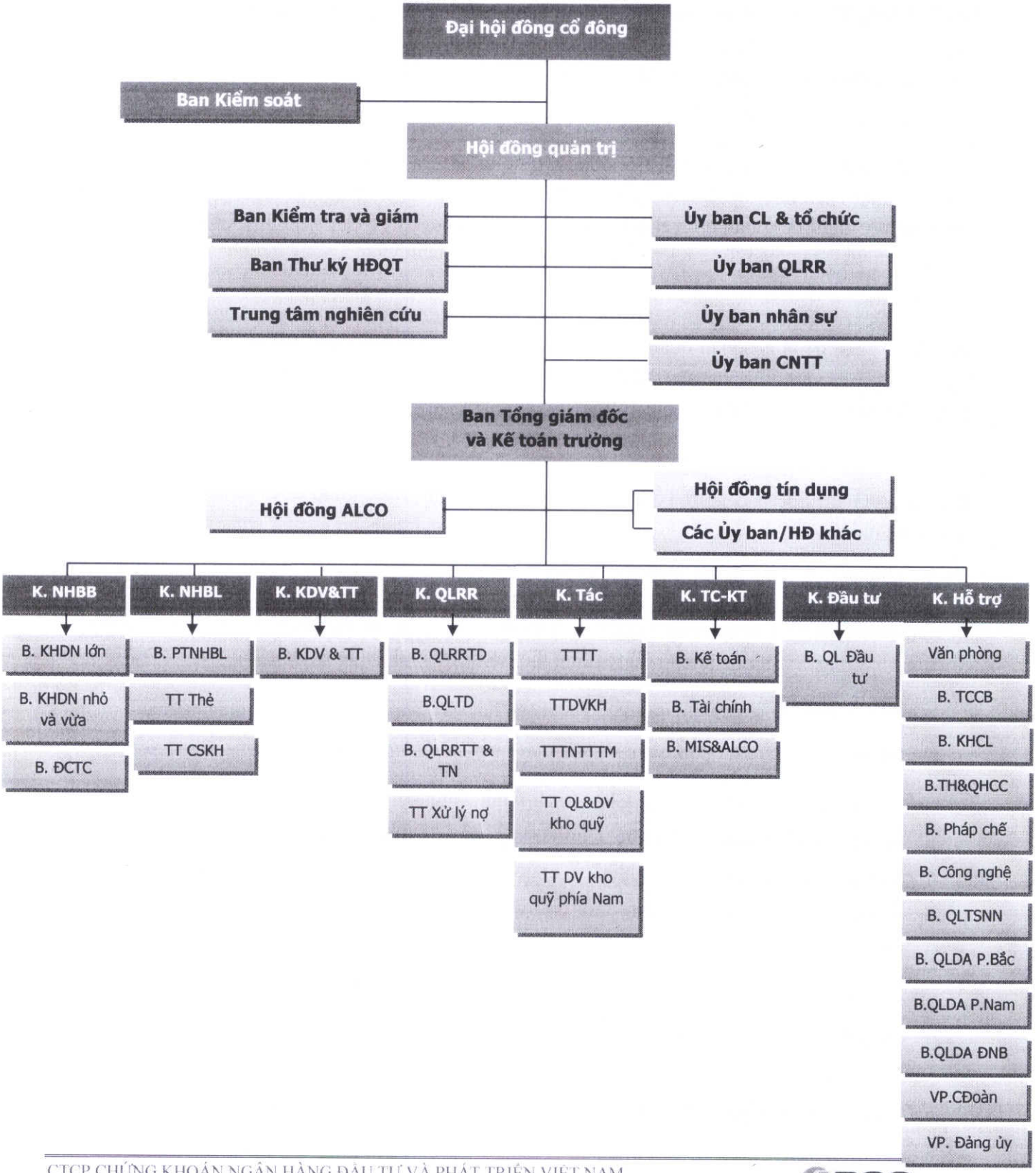
Hình 1: Cơ cấu tổ chức của BIDV



(*) Sở hữu gián tiếp qua công ty con

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

Hình 2: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của BIDV



4.2.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của BIDV, bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên, Đại hội đồng Cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

4.2.2. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, thay mặt các Cổ đông để kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành BIDV, thực trạng tài chính BIDV và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Ban Kiểm soát BIDV gồm 03 thành viên.

4.2.3. Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị BIDV, có toàn quyền nhân danh BIDV để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của BIDV trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng quản trị BIDV gồm 15 thành viên.

4.2.4. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, do Hội đồng Quản trị BIDV bổ nhiệm.

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số các thành viên Hội đồng quản trị, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước Pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của BIDV và về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4.2.5. Các khối chức năng tại Hội sở chính:

Trụ sở chính của BIDV được tổ chức theo 8 khối chức năng bao gồm:

- Khối Ngân hàng bán buôn: Chịu trách nhiệm duy trì và phát triển quan hệ của ngân hàng với các khách hàng là tổ chức. Cụ thể, khối này có trách nhiệm giới thiệu các sản phẩm tới các khách hàng là doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ...; đồng thời chịu trách nhiệm quản lý khả năng sinh lợi của các sản phẩm này.
- Khối Ngân hàng bán lẻ: Chịu trách nhiệm đối với hoạt động marketing, phát triển và kinh doanh các sản phẩm được chuẩn hóa cho các khách hàng bán lẻ.
- Khối Kinh doanh vốn và tiền tệ: Chịu trách nhiệm thực hiện giao dịch kinh doanh vốn và tiền tệ phục vụ yêu cầu quản lý của Hội đồng quản lý tài sản Nợ - Có (ALCO) cho Sở Ngân

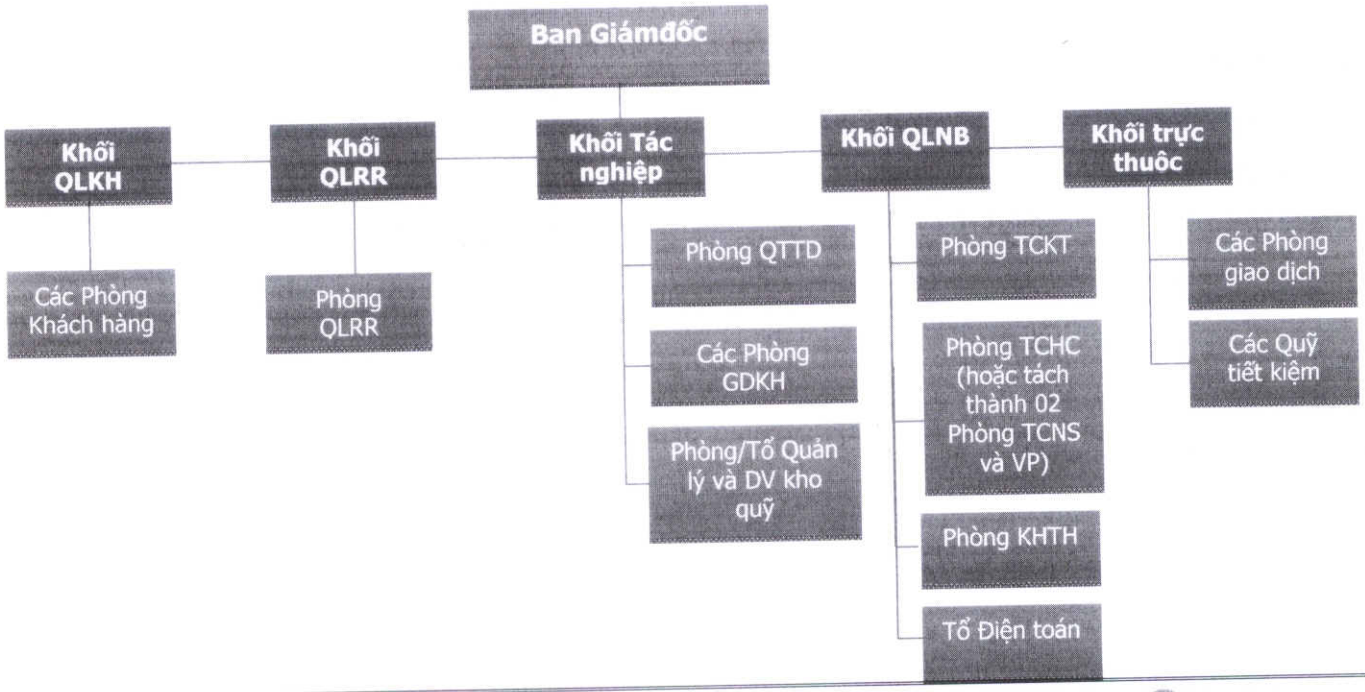
hàng, tiếp thị và trực tiếp giao dịch các sản phẩm kinh doanh vốn và tiền tệ với khách hàng và đơn vị kinh doanh trong nội bộ ngân hàng nhằm mục tiêu sinh lời và đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

- Khối Quản lý rủi ro: Chịu trách nhiệm kiểm soát các hoạt động tín dụng và các rủi ro khác mà ngân hàng có thể gặp phải. Khối này thực hiện kiểm tra các hoạt động kinh doanh tiềm năng được các khối kinh doanh khác đề xuất.
- Khối Tác nghiệp: Chịu trách nhiệm về các khoản thanh toán và thu chi trực tiếp, cụ thể: Thanh toán trong nước, chuyển tiền quốc tế và chuyển điện SWIFT; quản lý các khoản vay, dịch vụ khách hàng, dịch vụ kho quỹ và hoạt động tài trợ thương mại.
- Khối Tài chính Kế toán: Phụ trách thông tin về tài chính kế toán của ngân hàng và các công ty con, truyền tải thông tin quản lý về bộ phận kế toán Trụ sở chính và kế toán chung; quản lý tài chính, đồng thời chịu trách nhiệm phân tích tài chính và giám sát.
- Khối Đầu tư: Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động đầu tư của toàn hệ thống.
- Khối hỗ trợ: Thực hiện hỗ trợ các hoạt động kinh doanh nói chung và tổng thể của ngân hàng.

4.2.6. Cấu trúc các chi nhánh

Tính đến 30/06/2015, BIDV có 180 chi nhánh (bao gồm 01 Sở giao dịch, 3 chi nhánh bán lẻ và 176 chi nhánh hỗn hợp). Mô hình Sở Giao dịch và chi nhánh hỗn hợp có cơ cấu tổ chức như sau:

Hình 3: Mô hình tổ chức chi nhánh của BIDV



Đối với 03 chi nhánh bán lẻ có mô hình rút gọn hơn so với mô hình chi nhánh hỗn hợp nêu trên.

Trong thời gian tới, theo khuyến nghị tại Dự án hỗ trợ kỹ thuật giai đoạn II – TA2 do Ngân hàng Thế giới (WB) tài trợ, BIDV sẽ tiếp tục triển khai tách bạch các chi nhánh theo mô hình chi nhánh bán buôn hoặc chi nhánh bán lẻ để mang đến dịch vụ tốt hơn cho khách hàng và phù hợp hơn với tầm nhìn dài hạn của BIDV.

5. Danh sách cổ đông lớn và cơ cấu cổ đông

5.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của BIDV tại 18/08/2015

Nhà nước là cổ đông lớn của BIDV, nắm giữ 2.999.506.693 cổ phần, tương đương với 95,28% vốn điều lệ của BIDV. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại BIDV.

5.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Không có.

5.3. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 18/08/2015

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 18/08/2015

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Nhà nước	**1**	**2.999.506.693**	**95,28%**
Trong nước	**23.278**	**94.846.256**	**3,01%**
Cá nhân	23.109	68.415.161	2,17%
Tổ chức	169	26.431.095	0,84%
Nước ngoài	**152**	**53.770.795**	**1,71%**
Cá nhân	98	796.344	0,03%
Tổ chức	54	52.974.451	1,68%
Tổng cộng	**23.431**	**3.148.123.744**	**100,00%**

6. Danh sách công ty liên quan

6.1. Công ty mẹ của BIDV

Không có

6.2. Công ty con của BIDV, các công ty mà BIDV nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Bảng 4: Danh sách công ty con tại thời điểm 30/06/2015

STT	Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Địa chỉ	Đơn vị	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn điều lệ thực góp	Vốn đăng ký của BIDV	Vốn thực góp của BIDV	Tỷ lệ sở hữu của BIDV
1	Công ty cho thuê Tài chính TNHH Một thành viên BIDV (BLC)	Cho thuê Tài chính	472-472A-472C Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh.	*Tỷ đồng*	447,8	447,8	447,8	447,8	100,00
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC)	Chứng khoán	Tầng 10,11 Tháp BIDV, 35 hàng vôi, phường lý thái tổ, quận hoàn kiếm, HN	*Nt*	865	865	762,2	762,2	88,12
3	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV (BIC)	Bảo hiểm	Tầng 16, Tháp A Vincom, 191 Bà Triệu, HN	*Nt*	762	693	543	543	78,38
4	Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản BIDV (BAMC)	Quản lý nợ và Khai thác tài sản	Tầng 20, Tháp A Vincom, 191 Bà Triệu, HN	*Nt*	30	30	30	30	100,00

STT	Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Địa chỉ	Đơn vị	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn điều lệ thực góp	Vốn đăng ký của BIDV	Vốn thực góp của BIDV	Tỷ lệ sở hữu của BIDV
5	Công ty TNHH BIDV Quốc tế[1] tại Hồng Kông (BIDVI)	Quản lý quỹ, tư vấn	16-19F Prince Building, 10 Charter Road Central, Hongkong	*Nt*	0	0	0	0	0
6	Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt (LVI)	Bảo hiểm, tài chính	3rd, LVB Tower, No.44 Lanexang Avenue, Hatsady Village, Chamthaboul y District, Viêntian, Lao PDR.	*USD*	3.000.000	3.000	1.528.410	1.528.410	50,95
7	Công ty cổ phần Chứng khoán MHB (MHBS)	Chứng khoán	Tòa nhà MHB, 153 Hai Bà Trưng, phường 6, quận 3, Hồ chí minh.	*Tỷ đồng*	170	170	102	102	60%

1 Do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế, việc huy động quỹ đầu tư và triển khai các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, trong năm 2010, BIDVI đã được chuyển sang trạng thái "không hoạt động" theo quy định của pháp luật Hong Kong. BIDVI sẽ xem xét triển khai lại hoạt động khi môi trường hoạt động thuận lợi hơn.

6.3. Danh sách các công ty liên kết của BIDV

Bảng 5: Danh sách các công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm 30/06/2015

STT	Tên Công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của BIDV (%)	Lĩnh vực hoạt động
I	**Các công ty liên doanh**			
1	Ngân hàng liên doanh VID Public Bank (VPB)	62,5 triệu USD	50	Tài chính Ngân hàng
2	Công ty liên doanh Quản lý đầu tư BIDV – Việt Nam Partners (BVIM)	25 tỷ đồng	50	Quản lý quỹ đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư tại Việt Nam, nhận ủy thác và quản lý danh mục đầu tư, cung cấp dịch vụ tư vấn liên quan đến tái cơ cấu tài chính, mua bán và sáp nhập
3	Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga (VRB)	168,5 triệu USD	50	Tài chính Ngân hàng
4	Ngân hàng liên doanh Lào – Việt (LVB)	70 triệu USD	65	Tài chính ngân hàng
5	Công ty liên doanh Tháp BIDV	13,1 triệu USD	55	Xây dựng và cho thuê văn phòng
6	Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ BIDV Metlife	1.000 tỷ	38,92	Bảo hiểm nhân thọ
II	**Các công ty liên kết**			
1	Công ty cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam (VALC)	1.336 tỷ đồng	27,24	Cho thuê máy bay

6.4. Danh sách các công ty nắm quyền kiểm soát và chi phối BIDV

Nhà nước là cổ đông lớn của BIDV, nắm quyền kiểm soát và cổ phần chi phối BIDV.

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Ngành nghề kinh doanh chính của BIDV

Các sản phẩm dịch vụ của BIDV bao gồm:

- Dịch vụ tài khoản
- Dịch vụ huy động vốn
- Dịch vụ cho vay
- Dịch vụ bảo lãnh
- Dịch vụ chiết khấu chứng từ

- Dịch vụ thanh toán quốc tế
- Dịch vụ chuyển tiền
- Dịch vụ thẻ
- Dịch vụ mua bán ngoại tệ
- Dịch vụ ngân hàng đại lý
- Dịch vụ bao thanh toán
- Các dịch vụ khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

7.1.1. Hoạt động huy động vốn

Năm 2014 đến nay, tiếp theo xu hướng từ các năm trước, trong điều kiện các kênh đầu tư khác như bất động sản, chứng khoán vẫn chưa thực sự hấp dẫn và chứa đựng nhiều rủi ro, huy động vốn trên thị trường 1 thuận lợi, theo đó bên cạnh việc gia tăng về quy mô một cách hợp lý, phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn, BIDV đã tích cực triển khai các biện pháp để tái cơ cấu nguồn vốn, tăng tính ổn định của nền vốn. Các chiến lược huy động vốn của BIDV luôn đảm bảo tính linh hoạt, bám sát diễn biến thị trường, tuân thủ đúng quy định của NHNN, cụ thể:

- Đa dạng hóa nguồn vốn huy động, tăng dần tỷ trọng tiền gửi dân cư và đa dạng hoá khách hàng tổ chức, giảm dần tỷ trọng tiền gửi tập trung vào các khách hàng lớn, tăng dần độ ổn định của nguồn vốn huy động.
- Gia tăng huy động vốn tại các nhóm khách hàng có chi phí vốn thấp, giảm chỉ tiêu huy động vốn tại các nhóm khách hàng có chi phí vốn cao nhằm giảm chi phí vốn đầu vào; sử dụng công cụ lãi suất để khuyến khích/hạn chế huy động vốn tại các kỳ hạn phù hợp.
- Tích cực đẩy mạnh các kênh huy động vốn dài hạn; hoàn thiện hệ thống sản phẩm dịch vụ theo hướng chuẩn hoá, tăng tiện ích, đa dạng gắn với quản trị rủi ro.
- Tăng cường hợp tác với các tổ chức tài chính quốc tế, bộ ngành Chính phủ để tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn trên thị trường tài chính quốc tế.
- Tích cực, đa dạng hóa sản phẩm kinh doanh vốn trên thị trường.

Nguồn vốn huy động của BIDV tại 30/06/2015 là 657.122 tỷ đồng bao gồm:

- Tiền gửi của khách hàng
- Phát hành giấy tờ có giá, phát hành trái phiếu tăng vốn
- Tiền vay Bảo hiểm xã hội
- Tiền gửi và vay các TCTD khác
- Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN

Bảng 6: Nguồn vốn huy động 2013, 2014 và 30/06/2015

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013		2014		30/06/2015	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tiền gửi của khách hàng	338.902	72%	440.472	75%	531.063	81%
Phát hành giấy tờ có giá, Trái phiếu tăng vốn	33.254	7%	20.077	3%	15.038	2%
Tiền vay bảo hiểm xã hội	31.500	7%	23.000	4%	21.950	3%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	47.799	10%	86.186	15%	74.043	11%
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN	16.496	4%	20.121	3%	15.028	2%
Tổng cộng	**467.951**	**100%**	**589.856**	**100%**	**657.122**	**100%**

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán tại 31/12/2013, 31/12/2014, 30/06/2015

Tại thời điểm 30/06/2015 tổng nguồn vốn huy động của BIDV đạt 657.122 tỷ đồng, tăng mạnh 67.267 tỷ đồng tương đương 11,4% so với 31/12/2014. Trong đó, cơ cấu nguồn vốn huy động có cải thiện theo hướng gia tăng tỷ trọng tiền gửi khách hàng từ 72% năm 2013 lên 75% năm 2014 và 81% tại thời điểm 30/06/2015.

- Tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi của khách hàng luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nguồn vốn huy động, tăng dần từ 72% tại 31/12/2013 lên 81% tại 30/06/2015.

Bảng 7: Cơ cấu tiền gửi khách hàng 2013, 2014 và 30/06/2015

STT	Khoản mục	2013	2014	30/06/2015
	Tổng tiền gửi khách hàng (tỷ đồng)	**338.902**	**440.472**	**531.063**
1	**Phân theo khách hàng (%)**			
	Dân cư	60,1%	56,5%	60,0%
	Tổ chức kinh tế, đối tượng khác	39,9%	43,5%	40,0%
2	**Phân theo kỳ hạn (%)**			
	Không kỳ hạn	19,0%	18,2%	16,7%
	Có kỳ hạn	81,0%	81,8%	83,3%
3	**Phân theo loại tiền (%)**			
	VND	90,7%	91,8%	92,6%
	Ngoại tệ	9,3%	8,2%	7,4%
4	**Phân theo nhóm khách hàng**			

STT	Khoản mục	2013	2014	30/06/2015
	Khách hàng trong nước	99,6%	99,3%	99,4%
	Khách hàng nước ngoài (*)	0,4%	0,7%	0,6%

Nguồn: BIDV

Ghi chú: (*): *số liệu tiền gửi khách hàng nước ngoài được lấy trên cân đối IBS riêng ngân hàng.*

Tiền gửi khách hàng dân cư chiếm tỷ trọng lớn trong Tổng tiền gửi khách hàng ở mức 60% (năm 2014 tỷ trọng tiền gửi dân cư giảm nhẹ do huy động vốn thuận lợi nên BIDV ưu tiên tăng trưởng nguồn vốn giá rẻ), điều này thể hiện BIDV đang thực hiện thành công chiến lược thu hút vốn theo định hướng phát triển hoạt động bán lẻ.

Bảng 8: Huy động tiền gửi khách hàng theo kỳ hạn 2013, 2014 và 30/06/2015

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013		2014		30/06/2015	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Không kỳ hạn	64.380	19,0%	80.247	18,2%	88.883	16,7%
Có kỳ hạn	274.522	81,0%	360.225	81,8%	442.180	83,3%
Tổng	**338.902**	**100,0%**	**440.472**	**100,0%**	**531.063**	**100,0%**

Nguồn: BIDV

Tiền gửi nội tệ tại 30/06/2015 tăng so với năm trước cả về khối lượng (tăng 87,386 tỷ đồng) và tỷ trọng (năm 2014 chiếm 91,8% và đến 30/06/2015 chiếm 92,6% tổng giá trị Tiền gửi của khách hàng).

Bảng 9: Huy động Tiền gửi khách hàng theo đồng tiền 2013, 2014 và 30/06/2015

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013		2014		30/06/2015	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
VND (tỷ đồng)	307.402	90,7%	404.211	91,8%	491.597	92,6%
Ngoại tệ (quy triệu USD)	1.497	9,3%	1.707	8,2%	1.821	7,4%
Tổng (tỷ đồng)	**338.902**	**100.0%**	**440.472**	**100.0%**	**531.063**	**100.0%**

Nguồn: BIDV

7.1.2. Hoạt động tín dụng

Hoạt động tín dụng luôn là hoạt động cốt lõi trong sự phát triển của BIDV. Đến ngày 30/06/2015, BIDV có tổng dư nợ tín dụng cho vay khách hàng đạt 518.253 tỷ đồng, tăng 9,2% so với thời điểm 31/12/2014. Chất lượng chất lượng tín dụng được đảm bảo, tỷ lệ nợ xấu luôn được kiểm soát ở mức dưới 3% (lần lượt là 2,73%, 2,03% và 2,8% tại thời điểm cuối

2013, 2014 và tháng 6/2015 – chi tiết phân loại nợ, phân loại tín dụng xem Bảng 12 và 13). BIDV hiện là một trong những ngân hàng có thị phần dư nợ tín dụng lớn nhất tại Việt Nam. Hoạt động tín dụng cũng là hoạt động thu lãi rất quan trọng, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của BIDV.

- Quy mô và tốc độ tăng trưởng tín dụng

Tăng trưởng tín dụng BIDV được kiểm soát chặt chẽ gắn với chất lượng tín dụng, quản lý cơ cấu tín dụng hợp lý. BIDV tập trung ưu tiên vốn cho sản xuất và xuất khẩu, các công trình trọng điểm quốc gia, hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp hỗ trợ, ứng dụng công nghệ cao,... được kiểm soát theo đúng chỉ đạo kế hoạch tăng trưởng tín dụng của HĐQT BIDV và đảm bảo tuân thủ chỉ đạo của NHNN.

Bảng 10: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn 2013, 2014 và 30/06/2015

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013		2014		30/06/2015	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	220.539	56.4%	256.607	57.57%	296.443	57,2%
Nợ trung dài hạn	170.496	16.2%	189.086	42.43%	221.810	42,8%
Tổng	**391.035**	**100%**	**445.693**	**100%**	**518.253**	**100%**

Nguồn: BIDV

- Cơ cấu tín dụng

BIDV đang thực hiện chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo hướng tích cực, thông qua việc xây dựng nền khách hàng vững chắc, ưu tiên hướng vào thị trường mới là khối khách hàng cá nhân, DNNVV; thực hiện đa dạng hoá hơn nữa danh mục tín dụng theo ngành nghề, chú trọng vào các ngành có tiềm năng phát triển dài hạn, hạn chế cho vay những ngành có rủi ro cao, đồng thời tăng cường cho vay đối với các doanh nghiệp ngoài nhà nước.

BIDV xác định tăng trưởng tín dụng phải gắn với nhiệm vụ huy động vốn đồng thời phát triển dịch vụ. Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng và đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN.

Bảng 11: Dư nợ tín dụng theo loại hình doanh nghiệp 2013, 2014 và 30/06/2015

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013		2014		30/06/2015	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Cá nhân	58.828	15,0%	80.218	18,0%	114.676	22,1%
Doanh nghiệp nhà nước	93.730	24,0%	88.510	19,9%	94.162	18,2%
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	7.041	1,8%	7.836	1,7%	11.922	2,3%
DN ngoài nhà nước và các tổ chức khác	231.436	59,2%	269.129	60,4%	297.492	57,4%
Tổng cộng	**391.035**	**100%**	**445.693**	**100%**	**518.253**	**100%**

Nguồn: BIDV

Tỷ trọng cho vay khách hàng là doanh nghiệp ngoài quốc doanh tăng dần, từ 59,1% năm 2013 tới 60,4% năm 2014.

BIDV cũng thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu hướng tới hoạt động ngân hàng bán lẻ. Dư nợ tín dụng bán lẻ đã có mức tăng trưởng tốt từ năm 2011, tỷ trọng cho vay đối với khách hàng cá nhân tăng từ 15% năm 2013 lên 18% năm 2014, và có xu hướng tiếp tục tăng dần trong các năm tiếp theo.

Bảng 12: Dư nợ tín dụng theo ngành nghề 2013, 2014 và 30/06/2015

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	2013		2014		30/06/2015	
		Dư nợ	Tỷ trọng	Dư nợ	Tỷ trọng	Dư nợ	Tỷ trọng
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	19.116	4,9%	24.249	5,4%	30.499	5,9%
2	Khai khoáng	11.116	2,8%	13.352	3,0%	14.082	2,7%
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	84.745	21,7%	85.084	19,1%	88.783	17,1%
4	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng	35.170	9,0%	32.156	7,2%	33.643	6,5%
5	Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác, nước thải	831	0,2%	1.109	0,2%	1.389	0,3%
6	Xây dựng	56.268	14,4%	70.567	15,8%	81.718	15,8%
7	Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe	88.416	22,6%	103.097	23,1%	117.502	22,7%

STT	Chỉ tiêu	2013		2014		30/06/2015	
		Dư nợ	Tỷ trọng	Dư nợ	Tỷ trọng	Dư nợ	Tỷ trọng
	máy						
8	Vận tải kho bãi	10.644	2,7%	9.737	2,2%	10.761	2,1%
9	Dịch vụ lưu trữ, ăn uống	11.948	3,1%	13.211	3,0%	13.590	2,6%
10	Thông tin và truyền thông	637	0,2%	645	0,1%	598	0,1%
11	Hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	698	0,2%	1.714	0,4%	4.407	0,9%
12	Hoạt động kinh doanh bất động sản	27.888	7,1%	31.623	7,1%	39.227	7,6%
13	Chuyên môn, khoa học và công nghệ	145	0,0%	110	0,0%	121	0.0%
14	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	100	0,0%	97	0,0%	933	0,2%
15	Hoạt động của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý Nhà nước, an ninh quốc phòng, bảo đảm xã hội bắt buộc	2.945	0,8%	4.467	1,0%	0,2	0,0%
16	Giáo dục và đào tạo	225	0,1%	224	0,1%	312	0,1%
17	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	2.089	0,5%	2.664	0,6%	2.618	0,5%
18	Nghệ thuật, vui chơi, giải trí	1.503	0,4%	1.966	0,4%	2.408	0,5%
19	Hoạt động làm thuê hộ gia đình	1	0,0%	0	0,0%	0,1	0,0%
20	Hoạt động dịch vụ khác	36.550	9,3%	49.622	11,1%	75.661	14,6%
Tổng		**391.035**	**100%**	**445.693**	**100%**	**518.253**	**100%**

Nguồn: BIDV

Cơ cấu cho vay một số ngành nghề của BIDV tại thời điểm 30/06/2015: (i) Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ôtô xe máy chiếm tỷ trọng 22,7%; (ii) Công nghiệp chế biến chế tạo chiếm tỷ trọng 17,1%; (iii) Xây dựng chiếm tỷ trọng 15,8%; (iv) Kinh doanh BĐS chiếm tỷ trọng 7,6%; (v) Sản xuất và phân phối điện, khí đốt chiếm tỷ trọng 6,5%.

- Chất lượng tín dụng

BIDV định hướng chú trọng quan hệ tín dụng đối với những khách hàng có tình hình tài chính lành mạnh, hạn chế cho vay khách hàng nhóm 2 và không cho vay những khách hàng ở nhóm nợ xấu. Danh mục tín dụng được rà soát thường xuyên để phát hiện kịp thời các khách hàng có biểu hiện yếu kém về tài chính và có tình hình đột biến, có nguy cơ không trả được nợ để chuyển xuống nhóm nợ xấu và đồng thời có biện pháp, kế hoạch xử lý.

Mặc dù suy thoái kinh tế ảnh hưởng nhiều đến tình hình tài chính của khách hàng và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, song chất lượng tín dụng của BIDV luôn được kiểm soát tốt. BIDV tiếp tục kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng theo thông lệ quốc tế với các biện pháp giảm nợ xấu được tăng cường một cách hiệu quả. Tại thời điểm 30/06/2015, tỷ lệ nợ xấu của dư nợ cho vay tổ chức kinh tế dân cư là 2,8%. Đặc biệt, 92,9% dư nợ cho vay tổ chức kinh tế, dân cư thuộc nhóm nợ đủ tiêu chuẩn, tỷ lệ nhóm nợ cần chú ý tiếp tục giảm dần về chỉ còn mức 4,3%.

Bảng 13: Phân loại nợ 2013, 2014 và 30/06/2015

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013		2014		30/06/2015	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	339.092	90,84%	417.288	93,63%	481.210	92,9%
Nợ cần chú ý	25.338	6,79%	19.348	4,34%	22.523	4,3%
Nợ dưới tiêu chuẩn	3.946	1,06%	4.714	1,06%	6.930	1,3%
Nợ nghi ngờ	684	0,18%	1.076	0,24%	1.324	0,3%
Nợ có khả năng mất vốn	4.209	1,13%	3.267	0,73%	6.266	1,2%
Tổng cộng	**373.269**	**100%**	**445.693**	**100%**	**518.253**	**100%**
Tỷ lệ nợ xấu		2,37%		2,03%		2,80%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 31/12/2013, 31/12/2014, 30/06/2015

Từ thời điểm 01/06/2014, BIDV thực hiện việc phân loại các khoản cho vay đồng thời theo phương pháp định lượng quy định tại Điều 10 của Thông tư 02/2013/TT-NHNN (Sau đây gọi là "Thông tư 02") và phương pháp định tính quy định tại Điều 11 của Thông tư này bằng việc áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ. Đối với các khách hàng không đủ điều kiện xếp hạng tín dụng nội bộ, BIDV thực hiện việc phân loại các khoản cho vay theo phương pháp định lượng dựa trên các quy định tại Điều 10 của Thông tư 02.

Phương thức phân loại nợ dựa trên phương pháp định tính kết hợp với định lượng tiệm cận với thông lệ quốc tế, góp phần đánh giá thực chất hơn chất lượng tín dụng, kiểm soát được nợ xấu, có biện pháp ngăn ngừa và xử lý rủi ro kịp thời.

BIDV đang từng bước chuẩn bị các điều kiện để áp dụng Basel II vào cuối năm 2015. Về khung quản lý rủi ro, BIDV đã ban hành quy định về khung quản lý rủi ro bao gồm: (i) xây dựng chiến lược quản lý rủi ro và hoàn thiện chính sách, quy trình quản lý rủi ro theo từng loại rủi ro; (ii) xác định khẩu vị rủi ro; (iii) tạo lập được cơ cấu tổ chức hướng dẫn theo thông lệ quốc tế nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị rủi ro. Mặt khác, BIDV đang tích cực áp dụng công

nghệ thông tin trong xây dựng, hoàn thiện công cụ quản lý chất lượng như hệ thống các công cụ đo lường rủi ro, hệ thống khởi tạo khoản vay (LOS),...

Bảng 14: Dư quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng của BIDV giai đoạn 2013 –30/06/2015

Đơn vị: tỷ đồng

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/12/2013	3.480	2.665	6.145
31/12/2014	3.484	3.139	6.623
30/06/2015	5.937	3.840	9.237

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 31/12/2013, 31/12/2014, 30/06/2015

- Chính sách tín dụng

Chính sách tín dụng của BIDV được xây dựng trên cơ sở chiến lược kinh doanh của BIDV với mục tiêu kiểm soát rủi ro, đảm bảo an toàn và hiệu quả tối ưu. Chính sách tín dụng được xây dựng theo đối tượng khách hàng như khách hàng doanh nghiệp, khách hàng cá nhân và định chế tài chính. Thêm vào đó, BIDV xây dựng những chính sách riêng dành cho đối tượng khách hàng đặc thù như các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, các khách hàng lớn, khách hàng chiến lược…

BIDV đã ban hành và thường xuyên bổ sung chỉnh sửa các cơ chế, quy trình, quy định tín dụng, sổ tay tín dụng để đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường. Bên cạnh đó, với mục đích tăng cường mối quan hệ gắn kết giữa ngân hàng với khách hàng, góp phần đẩy mạnh tăng trưởng gắn với hiệu quả trong hoạt động tín dụng, BIDV đã hoàn thiện, cập nhật đầy đủ hệ thống các văn bản, chính sách quy định cụ thể tiếp thị khách hàng, cấp tín dụng, lãi suất, bảo đảm tiền vay, dịch vụ, phí dịch vụ, tiền gửi.

- Tín dụng doanh nghiệp

Hoạt động tín dụng dành cho doanh nghiệp luôn được coi là hoạt động trọng tâm của BIDV. Trong giai đoạn từ 2006 đến nay, nền khách hàng doanh nghiệp ngày càng được mở rộng. Đến thời điểm 30/06/2015, tổng số lượng khách hàng doanh nghiệp đang có dư nợ tại BIDV là 19.583 khách hàng với mức dư nợ là 403.577 tỷ đồng. BIDV chủ trương gia tăng quan hệ với các doanh nghiệp vừa và nhỏ có tình hình hoạt động kinh doanh tốt, khẳng định vai trò là một trong những ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam về cung cấp dịch vụ tài chính cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Tín dụng bán lẻ

Trong giai đoạn 2006 - 2013, BIDV thuộc nhóm 5 ngân hàng thương mại có dư nợ tín dụng bán lẻ lớn nhất trong hệ thống ngân hàng. Từ 2014 đến nay BIDV trở thành ngân hàng đứng đầu về dư nợ tín dụng bán lẻ trong hệ thống ngân hàng thương mại cổ phần. Quy mô dư nợ tín

dụng bán lẻ tăng mạnh từ 17.339 tỷ đồng năm 2007 lên đến 80.218 tỷ đồng năm 2014, như vậy sau 7 năm dư nợ tín dụng cá nhân đã tăng gấp gần 4,6 lần. Đến 30/6/2015 quy mô tín dụng bán lẻ đạt 114.637 tỷ đồng, tăng trưởng 43% trong đó dư nợ từ khối CN sáp nhập đóng góp gần ½ số tăng trưởng trên.

- Hoạt động bảo lãnh

Hoạt động bảo lãnh là một phần của hoạt động cấp tín dụng và là thế mạnh của BIDV. Trong năm 2014, BIDV tiếp tục khẳng định ưu thế và vị trí dẫn đầu thị trường trong hoạt động này với số dư bảo lãnh đạt 67.996 tỷ đồng. Bên cạnh các sản phẩm bảo lãnh trong nước gắn liền với thương hiệu của BIDV trong lĩnh vực xây dựng, BIDV tích cực phát triển các loại hình bảo lãnh quốc tế, các loại hình bảo lãnh mới với hàm lượng công nghệ cao như bảo lãnh thanh toán thuế xuất nhập khẩu online (BIDV là một trong hai ngân hàng đầu tiên triển khai dịch vụ này).

Tính đến thời điểm 30/06/2015, hoạt động bảo lãnh đã đem lại nguồn thu 582 tỷ đồng (bằng 53,4% so với cả năm 2014), tập trung chủ yếu ở bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, thực hiện hợp đồng và bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng.

Bảng 15: Kết quả hoạt động bảo lãnh năm 2013, 2014 và lũy kế đến 30/06/2015

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013	2014	30/06/2015
Số dư bảo lãnh, L/C	75.850	97.063	93.826
Thu từ hoạt động bảo lãnh	894,5	1.089	582

Nguồn: BIDV

7.1.3. Hoạt động dịch vụ

Bên cạnh hai hoạt động chính là huy động vốn và tín dụng, BIDV luôn chú trọng đầu tư và phát triển hoạt động dịch vụ, thu dịch vụ ròng giai đoạn 2012 – 2014 của BIDV tăng trưởng bình quân 16%/năm, liên tục nhiều năm giữ vị trí dẫn đầu trong hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam về thu dịch vụ ròng. Tỷ lệ thu dịch vụ ròng/Tổng thu nhập hoạt động giai đoạn 2012 – 2014 duy trì ổn định ở mức 8% và ở mức 9,5% trong 6 tháng đầu năm 2015. Kết quả hoạt động dịch vụ của BIDV đang trên đà tăng trưởng tích cực, năm 2014 tăng trưởng 15% so với năm trước và 6 tháng đầu năm 2015 tăng trưởng 25% so với cùng kỳ năm trước.

Bảng 16: Thu nhập hoạt động dịch vụ năm 2013, 2014 và lũy kế đến 30/06/2015

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013	2014	30/06/2015
Thu từ hoạt động thanh toán	943	1.127	659
Thu từ hoạt động ngân quỹ	32	27	17

Chỉ tiêu	2013	2014	30/06/2015
Thu từ hoạt động đại lý ủy thác	111	140	74
Thu từ hoạt động bảo hiểm và thu dịch vụ khác	1.335	1.687	996
Tổng thu nhập từ hoạt động dịch vụ	2.420	2.981	1.746
Chi phí hoạt động dịch vụ	(853)	(1.178)	(699)
Thu dịch vụ ròng	**1.567**	**1.803**	**1.047**

Nguồn: BIDV

- Hoạt động thanh toán

Dịch vụ thanh toán (bao gồm thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế) là dòng sản phẩm đóng góp đứng thứ 2 trong tổng thu dịch vụ BIDV năm 2014 với hơn 1.126 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 19% tổng thu nhập hoạt động dịch vụ.

- Dịch vụ Thanh toán trong nước

Đây là dịch vụ thế mạnh của BIDV, được hỗ trợ bởi hệ thống các kênh thanh toán đa dạng, tốc độ xử lý nhanh, an toàn và bảo mật. Ngoài việc tham gia tất cả các kênh thanh toán do NHNN tổ chức như thanh toán điện tử liên ngân hàng (IBPS), thanh toán bù trừ, BIDV còn chủ động xây dựng chương trình kết nối thanh toán song phương với 5 đối tác và kết nối thanh toán đa phương với 22 đối tác là các ngân hàng thương mại, các định chế tài chính. Hơn thế, BIDV là ngân hàng chỉ định thanh toán cho thị trường chứng khoán Việt Nam và cũng là ngân hàng quyết toán bù trừ duy nhất cho các giao dịch nội địa thẻ Master tại Việt Nam. Để không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ thanh toán, BIDV đã triển khai các kênh giao dịch hiện đại như Internetbanking và Mobile banking.

Bên cạnh các sản phẩm dịch vụ thanh toán truyền thống, BIDV ngày càng khẳng định thương hiệu của mình trong việc đón đầu xu thế cung cấp dịch vụ Nộp thuế điện tử, thanh toán hóa đơn Online, Thu chi hộ điện tử, Quản lý doanh thu ưu việt cho các khách hàng doanh nghiệp. Các sản phẩm dịch vụ này không chỉ được khách hàng đánh giá cao mà còn được các Tổ chức uy tín trong và ngoài nước công nhận danh hiệu như: (i) Top 10 Sản phẩm Vàng với sản phẩm Thu chi hộ điện tử 02 năm liên tiếp (2012, 2013) và danh hiệu Nhân tài đất Việt năm 2012 cho hệ thống công nghệ BIDV@Securities dành cho các Công ty chứng khoán; (ii) Giải thưởng "Ngân hàng nội địa cung cấp dịch vụ quản lý tiền tệ tốt nhất" (Best overall domestic cash management services) và "Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản lý tiền tệ xuyên biên giới tốt nhất" (Best overall cross-border cash management services) do Tạp chí Asiamoney tổ chức năm 2012, 2013; (iii) Giải thưởng "Ngân hàng Quản lý tiền mặt của năm" (Vietnam domestic Cash Management Bank of the Year) do tạp chí Asian Banking and Finance bình chọn năm 2013, 2014; (iv) Giải thưởng "Ngân hàng Quản lý tiền tệ tốt nhất" (Vietnam Best domestic Cash Management Bank) do Tạp chí The Asian Banker bình chọn năm 2014; (v) Giải thưởng "Đột phá trong cải cách thủ tục hành chính" cho dịch vụ Nộp thuế điện tử của

Tin và Dùng Việt Nam 2014 do Thời báo kinh tế Việt nam tổ chức; (vi) Giải thưởng Sao Khuê năm 2014 cho sản phẩm nộp thuế điện tử và thanh toán hóa đơn online.

- Dịch vụ thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại

Với hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài trợ thương mại, là 1 trong 3 ngân hàng có hoạt động tài trợ thương mại lớn nhất tại Việt Nam. BIDV cung cấp đầy đủ các sản phẩm thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại truyền thống, đồng thời không ngừng phát triển các sản phẩm mới, chú trọng tăng tính tiện ích, giảm thiểu hồ sơ thủ tục và thời gian xử lý, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của Khách hàng. Với mạng lưới hơn 1.600 ngân hàng đại lý, giao dịch tài khoản trực tiếp với gần 50 ngân hàng trên toàn thế giới và nền tảng công nghệ hiện đại đã mang lại khả năng thanh toán an toàn, chính xác và nhanh chóng.

Bảng 17: Kết quả hoạt động thanh toán năm 2013, 2014 và lũy kế đến 30/06/2015

Chỉ tiêu	2013	2014	30/06/2015
Thu từ dịch vụ thanh toán (triệu đồng)	942.581	1.126.722	621.100
Thanh toán trong nước			
Số lượng giao dịch (triệu)	11,7	14,9	8,05
Doanh số thanh toán (nghìn tỷ đồng)	5.843	8.886	5.067
Thanh toán quốc tế và TTTM			
Doanh số thanh toán XNK (tỷ USD)	10,6	13	8,24

Nguồn: BIDV

- Hoạt động kinh doanh thẻ

Với mục tiêu trở thành nhà cung cấp dịch vụ ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam, BIDV đã và đang phát triển các dịch vụ ngân hàng bán lẻ, trong đó chú trọng đẩy mạnh kinh doanh dịch vụ thẻ. Các sản phẩm dịch vụ thẻ đã được phát triển mạnh mẽ và đa dạng trong những năm qua.

Về sản phẩm thẻ ghi nợ nội địa, BIDV hiện phát hành ba nhãn hiệu thẻ BIDV Etrans, BIDV Harmony và BIDV Moving, cùng hàng loạt các sản phẩm thẻ sinh viên, thẻ liên kết, thẻ đồng thương hiệu với các nhà phân phối bán lẻ có uy tín và thương hiệu mạnh trong các lĩnh vực siêu thị, tiêu dùng như BIDV-CoopMart, BIDV-Maximark, BIDV-Hiway… Bên cạnh các tính năng tiện ích cơ bản, sản phẩm thẻ ghi nợ nội địa của BIDV còn mang lại cho khách hàng nhiều dịch vụ giá trị gia tăng như nạp tiền điện thoại, thanh toán vé máy bay, phí bảo hiểm, thanh toán hóa đơn tiền điện, thanh toán cước phí điện thoại... qua ATM và thanh toán trực tuyến. Nguồn khách hàng của BIDV tương đối ổn định và tăng trưởng đều qua các năm, với tốc độ bình quân 30%/năm. Đến hết tháng 6/2015, số lượng thẻ ghi nợ nội địa do BIDV đã phát hành hơn 8.5 triệu thẻ, chiếm hơn 10% thị phần thẻ ghi nợ nội địa tại Việt Nam. Khách hàng là chủ thẻ ghi nợ nội địa BIDV có thể thực hiện giao dịch tại hơn 16 nghìn ATM và gần 200 nghìn POS của các ngân hàng trên toàn quốc.

Về sản phẩm thẻ tín dụng, BIDV đã triển khai dịch vụ thẻ tín dụng quốc tế đa dạng đáp ứng nhu cầu của nhiều đối tượng khách hàng mang thương hiệu VISA và MasterCard với các nhãn hiệu thẻ BIDV Precious (Visa Gold), BIDV Flexi (Visa Classic), BIDV VISA Platinum, MasterCard Platinum, BIDV Viettravel (thương hiệu MasterCard hạng Classic và hạng Platinum). Sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế BIDV với lợi thế cạnh tranh về tính năng sản phẩm đa dạng phong phú, nhiều loại thẻ kết hợp đồng thương hiệu với các tổ chức lớn trong và ngoài nước (thẻ tín dụng BIDV – ManU, thẻ tín dụng BIDV –Viettravel) mang lại lợi ích kép cho khách hàng, chất lượng dịch vụ ổn định, và chính sách chăm sóc khách hàng tốt, đã nhanh chóng thâm nhập và có chỗ đứng vững trên thị trường. Đến hết tháng 6/2015, BIDV đã phát hành hơn 114 nghìn thẻ tín dụng (chiếm gần 4% thị phần).

Về sản phẩm thẻ ghi nợ quốc tế, đây là sản phẩm được BIDV triển khai từ năm 2013 và nhanh chóng trở thành sản phẩm được yêu thích trên thị trường với gần 212 nghìn thẻ phát hành tính đến hết tháng 6/2015. Đặc biệt sản phẩm thẻ ghi nợ quốc tế đồng thương hiệu với Câu lạc bộ bóng đá Manchester United (Anh quốc) với nhãn hiệu thẻ BIDV-ManU đứng đầu Top 100 sản phẩm Tin và Dùng do Thời báo Kinh tế Việt Nam - Tạp chí Tư vấn Tiêu & Dùng trao tặng năm 2013.

Về dịch vụ chấp nhận thanh toán thẻ: Mạng lưới ATM và POS của BIDV từ năm 2009 đến nay liên tục được mở rộng và phủ khắp 63 tỉnh thành của cả nước. Đến hết tháng 6/2015, BIDV đã có hơn 1.800 ATM và gần 20 nghìn POS đứng thứ 3 thị trường. Ngoài việc chấp nhận các nhãn hiệu thẻ do BIDV phát hành, hệ thống ATM và POS của BIDV còn chấp nhận thanh toán thẻ mang nhãn hiệu của các Tổ chức thẻ quốc tế Visa, MasterCard, JCB và UnionPay. Trong các năm tới, BIDV có chiến lược tiếp tục mở rộng mạng lưới ATM/POS của mình nhằm phục vụ tối đa nhu cầu sử dụng thẻ của khách hàng với chất lượng và dịch vụ tốt nhất, qua đó tối đa hóa lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh thẻ.

Trong năm 2014 và nửa đầu năm 2015, vị thế và uy tín trong lĩnh vực kinh doanh thẻ của BIDV đã được khẳng định và nâng cao nằm trong Top các ngân hàng dẫn dầu thị trường tại Việt Nam. BIDV liên tiếp nhận 04 giải thưởng từ các Tổ chức thẻ uy tín quốc tế VISA và MasterCard, bao gồm các giải thưởng Top 3 Ngân hàng có doanh số chấp nhận thanh toán thẻ VISA qua POS cao nhất năm 2014, Ngân hàng có sản phẩm ấn tượng nhất trong năm dành cho sản phẩm thẻ ghi nợ quốc tế BIDV-Manchester United, Top 3 ngân hàng có doanh số sử dụng thẻ ghi nợ quốc tế MasterCard cao nhất, Top 3 ngân hàng có doanh số chấp nhận thanh toán thẻ MasterCard qua POS cao nhất 2013-14.

Bảng 18: Hoạt động kinh doanh thẻ 2013, 2014 và 30/06/2015

Chỉ tiêu	2013	2014	30/06/2015
Số lượng thẻ ghi nợ nội địa (triệu thẻ)	5.84	7.15	8.18
Số lượng thẻ ghi nợ quốc tế (nghìn thẻ)	47	170	212
Số lượng thẻ tín dụng quốc tế (nghìn thẻ)	70	105	114
POS (nghìn máy)	9	14	20
Số máy ATM	1.495	1.503	1.813

Nguồn: Hiệp hội thẻ ngân hàng Việt Nam

- Hoạt động ngân hàng đại lý và dự án Tài chính nông thôn

Hoạt động Ngân hàng đại lý

BIDV là ngân hàng thương mại đã có uy tín, nhiều kinh nghiệm, chuyên nghiệp trong quản lý, giải ngân các nguồn vốn ODA với phần lớn hoạt động này được triển khai tại Sở Giao dịch III. Trong thời gian qua, BIDV đã được 15 nhà tài trợ quốc tế và các Bộ/ Ngành tin tưởng giao là cơ quan cho vay lại gần 160 chương trình/dự án với tổng dư nợ cho vay ủy thác (nguồn vốn mà BIDV không phải chịu rủi ro tín dụng) tính đến hết năm 2014 do Sở Giao dịch III quản lý là 44,81 nghìn tỷ đồng, trong đó số vốn do Sở Giao dịch III trực tiếp cho vay lại là 25,07 nghìn tỷ đồng và cho vay qua chi nhánh là 19,74 nghìn tỷ đồng. Phí đại lý ủy thác từ hoạt động ngân hàng đại lý do Sở Giao dịch III quản lý bình quân trong năm 2013 và năm 2014 đạt khoảng 53,68 tỷ đồng/năm. 6 tháng đầu năm 2015, phí đại lý ủy thác Sở Giao dịch III đã thu được là 25,8 tỷ đồng.

Dự án Tài chính nông thôn

BIDV tiếp nhận nguồn vốn trong khuôn khổ Dự án Tài chính Nông thôn từ Ngân hàng Thế giới thông qua Bộ Tài chính. Các nguồn vốn này sau đó được giải ngân đến các định chế tài chính, từ đó cho vay đến các hộ gia đình, doanh nghiệp nhằm mục đích phát triển các cộng đồng nông thôn và xóa đói giảm nghèo. Trên báo cáo tài chính đã kiểm toán, các khoản vay này thuộc phần Cho vay các ngân hàng khác.

BIDV chịu trách nhiệm thực hiện Dự án, trong đó bao gồm quản lý tài chính các Dự án Tài chính Nông thôn I, II và III. Các công việc gồm có quản lý nguồn vốn, đánh giá và lựa chọn các định chế tham gia dự án (các PFI), cấp hạn mức tín dụng cho các PFI, giải ngân và thu hồi nợ, giám sát, nhằm đảm bảo nguồn vốn được sử dụng một cách hiệu quả và đúng mục đích, kiểm tra tác động của các tiểu dự án đối với môi trường, quản lý và đánh giá tiến độ thực hiện dự án. BIDV chịu rủi ro tín dụng ở cấp độ của các PFI.

Trong suốt quá trình thực hiện dự án, BIDV chịu sự giám sát chặt chẽ của WB và các cơ quan quản lý nguồn vốn ODA của Chính phủ. Theo như đánh giá của WB, BIDV đã thực hiện rất tốt vai trò quản lý Dự án Tài chính Nông thôn, thực hiện đánh giá rủi ro tín dụng của các PFI với tính chuyên nghiệp cao, nỗ lực để đảm bảo các dự án mà PFI cấp vốn đều phù hợp với các mục tiêu của dự án, đồng thời BIDV đã đáp ứng tất cả các chỉ tiêu giải ngân và quản lý dự án tuân thủ với các hướng dẫn và yêu cầu của WB. Tất cả các báo cáo kiểm toán liên quan đến dự án đều không có điểm ngoại trừ và hệ thống quản lý tài chính đều được đánh giá là ổn định vững chắc.

Bảng 19: Tình hình quản lý các Dự án Tài chính Nông thôn BIDV 2013, 2014 và 30/06/2015

Chỉ tiêu	2013	2014	30/06/2015
Tổng số các PFI đã được lựa chọn cho 03 dự án Tài chính Nông thôn I, II, III (đơn vị)	36	34	33*
Tổng hạn mức tín dụng đã cấp cho 03 dự án Tài chính Nông thôn I, II, III (tỷ đồng)	7.632	7.763,6	6.863,6*
Tổng thu lãi (tỷ đồng)	**502**	**470,9**	**209**

Nguồn: BIDV

** Do 01 PFI là MHB đã sáp nhập vào BIDV từ tháng 5/2015. Theo qui định của Dự án, hạn mức tín dụng của MHB đã được BIDV thu hồi và hiện đang được xem xét để cấp cho các PFI khác.*

Vào thời điểm cuối năm 2014, dư nợ cho vay nguồn vốn các Dự án TCNT I, II và III đạt 7.742 tỷ đồng, thu lãi đạt 470,9 tỷ đồng. Kết quả 6 tháng đầu năm 2015, dư nợ cho vay các Dự án TCNT đạt 6.858 tỷ đồng, thu lãi đạt 209 tỷ đồng.

- Dịch vụ tư vấn thu xếp và phát hành trái phiếu

Nắm bắt xu hướng phát triển của thị trường vốn quốc tế và đón đầu nhu cầu của thị trường vốn trong nước, năm 2007, BIDV là một trong những tổ chức tiên phong trong việc nghiên cứu, tạo lập và cung cấp dịch vụ tư vấn, thu xếp phát hành trái phiếu cho doanh nghiệp trong nước. Với mạng lưới rộng khắp, nền khách hàng lớn, kinh nghiệm và uy tín trong lĩnh vực tài trợ vốn trung và dài hạn, sau hơn 8 năm phát triển, hiện BIDV đã trở thành tổ chức tư vấn thu xếp phát hành trái phiếu doanh nghiệp lớn và chuyên nghiệp hàng đầu Việt Nam, đóng góp quan trọng vào sự phát triển của thị trường trái phiếu trong nước sát với chuẩn mực thông lệ quốc tế. Trong 02 năm liên tiếp 2013-2014, vượt qua nhiều định chế tài chính lớn, BIDV đã được Tạp chí Asiamoney trao tặng giải thưởng Ngân hàng cung cấp sản phẩm thị trường vốn nợ xuất sắc nhất Việt Nam bao gồm tư vấn phát hành và kinh doanh trái phiếu và các dịch vụ đại lý đi kèm. Bên cạnh thực hiện phát hành trái phiếu BIDV, BIDV đã tư vấn phát hành trái phiếu thành công cho các doanh nghiệp hàng đầu trong nhiều lĩnh vực, có thể kể đến như Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin), Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam (Vinaconex), Tập đoàn Vingroup, Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai,….

7.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

Trong giai đoạn 2006 đến nay, hoạt động kinh doanh ngoại tệ và phái sinh của BIDV đã đạt được nhiều kết quả khả quan, với các thành tích nổi bật như: 5 lần nhận giải thưởng của tạp chí Asia Money dành cho Ngân hàng nội địa cung ứng dịch vụ ngoại hối tốt nhất trong các năm 2007, 2008 2009, 2012, 2013, 2014 do các Định chế Tài chính và Doanh nghiệp bình chọn; 3 lần liên tiếp nhận giải thưởng Ngân hàng của năm Việt Nam về quản trị rủi ro và kinh doanh các sản phẩm phái sinh trong các năm 2012, 2013 và 2014 do tạp chí AsiaRisk trao

tặng; Giải thưởng ADFIAP do Hiệp hội các Định chế Tài chính Châu Á - Thái Bình Dương trao tặng năm 2007; Giải thưởng của tạp chí Asia Money dành cho Ngân hàng nội địa có hoạt động phái sinh lãi suất tốt nhất, Ngân hàng nội địa có hoạt động kinh doanh sản phẩm phái sinh hàng hóa tốt nhất, Ngân hàng nội địa có hoạt động nghiên cứu và phân tích ngoại hối tốt nhất năm 2013, 2014 và nhiều giải thưởng quốc tế danh giá khác.

- Dịch vụ ngoại hối

BIDV cung cấp dịch vụ mua bán ngoại tệ đối với trên 100 loại tiền tệ khác nhau thông qua các sản phẩm: mua bán ngoại tệ giao ngay, mua bán ngoại tệ kỳ hạn, hoán đổi ngoại tệ và quyền chọn ngoại tệ với nhiều đối tượng khách hàng khác nhau (tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh tế, khách hàng cá nhân,...). BIDV luôn đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu khách hàng bằng việc cung cấp tỷ giá cạnh tranh và phương thức giao dịch linh hoạt, qua đó góp phần hỗ trợ phát triển các hoạt động khác của ngân hàng như hoạt động tín dụng, thanh toán quốc tế, huy động tiền gửi bằng ngoại tệ...; đồng thời, đưa hoạt động kinh doanh ngoại tệ trở thành hoạt động có đóng góp lớn trong tổng thu nhập dịch vụ tại BIDV.

Giai đoạn 2009-2014, lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ liên tục tăng trưởng với mức tăng bình quân 23,5%/năm. Năm 2014, BIDV đã thu được khoản lợi nhuận 265,19 tỷ đồng từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ và vàng trong bối cảnh thị trường gặp nhiều khó khăn.

Bảng 20: Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối giai đoạn 2013- 30/06/2015

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013	2014	30/06/2015
Thu nhập từ hoạt động KD ngoại hối	1.711,1	1.754,93	504,673
Chi phí hoạt động KD ngoại hối	(1.548,8)	(1.489,74)	452,451
Lãi thuần từ hoạt động KD ngoại hối	162,3	265,19	52,222

Nguồn: BIDV

- Dịch vụ phái sinh

BIDV bắt đầu triển khai cung cấp các sản phẩm phái sinh trên toàn hệ thống từ cuối năm 2006. Hiện BIDV là ngân hàng Việt Nam tiên phong trong việc nghiên cứu, triển khai các sản phẩm phái sinh phòng ngừa rủi ro tỷ giá, lãi suất, giá cả hàng hóa trên thị trường Việt Nam và được các ngân hàng đối tác nước ngoài đánh giá rất cao. Từ chỗ bắt đầu với một vài sản phẩm cơ bản năm 2006, đến nay BIDV đã triển khai hơn 20 sản phẩm phái sinh khác nhau trong 02 mảng phái sinh bao gồm phái sinh tài chính và phái sinh hàng hóa như hoán đổi lãi suất một đồng tiền, hoán đổi tiền tệ chéo, đầu tư cơ cấu, hàng hóa tương lai, hoán đổi giá cả hàng hóa, phái sinh hàng hóa OTC... Tổng doanh số giao dịch phái sinh tài chính lũy kế đạt xấp xỉ 2 tỷ USD kể từ năm 2007 đến hết năm 2014, tương đương với 42.800 tỷ đồng. Về hoạt động phái sinh hàng hóa, BIDV là một trong những ngân hàng có thị phần phái sinh hàng hóa lớn nhất trên thị trường, có quan hệ đối tác và phát sinh giao dịch thực tế với hầu hết các định chế tài chính trên thị trường, là cầu nối giúp thị trường hoạt động thông suốt và ổn định.

7.1.5. Hoạt động góp vốn và đầu tư chứng khoán

- Hoạt động góp vốn

Hoạt động đầu tư góp vốn của BIDV chủ yếu là tập trung trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính. Bắt đầu thực hiện từ những năm 1990 qua việc tham gia mua cổ phần của một số NHTMCP, sau đó là góp vốn liên doanh thành lập VID Public Bank, LVB, Bảo hiểm Việt Úc và thành lập các công ty trực thuộc Leasing 1,2, BSC, BAMC. BIDV hiện đang góp vốn vào 07 công ty con (trong đó, 03 công ty con BIDV nắm giữ 100% vốn, 01 công ty con BIDV nắm trên 80% vốn, 02 công ty con BIDV nắm giữ dưới 80% vốn, 01 công ty BIDV nắm giữ gián tiếp qua công ty con là BIC) và 06 công ty liên doanh, 01 công ty liên kết.

Một số khoản đầu tư khác, chủ yếu BIDV thực hiện trong giai đoạn 2005 – 2008. BIDV thông qua việc góp vốn thành lập công ty với tư cách là cổ đông sáng lập để triển khai các dự án trong lĩnh vực năng lượng, viễn thông, hàng không, tài nguyên - khoáng sản..., tham gia là cổ đông chiến lược, mua cổ phần tại các doanh nghiệp nhà nước khi cổ phần hóa để gia tăng hiệu quả hoạt động của BIDV.

Bảng 21: Tổng hợp danh mục đầu tư góp vốn dài hạn 2013, 2014 và 30/06/2015

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013	2014	30/06/2015
Đầu tư vào công ty con	1.783	1.783	1.885
Đầu tư vào công ty liên doanh	3.010	3.360	3.753
Đầu tư vào công ty liên kết	402	364	364
Đầu tư dài hạn khác	809	544	533

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng lẻ kiểm toán 2013-30/06/2015 của BIDV

- Hoạt động đầu tư chứng khoán

Bên cạnh hoạt động góp vốn, đầu tư dài hạn vào các công ty con, liên doanh, dự án và các doanh nghiệp khác, phần lớn danh mục đầu tư của BIDV tập trung vào đầu tư chứng khoán trong đó chủ yếu là các công cụ nợ có lãi suất cố định như trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Kho bạc Nhà nước, trái phiếu Chính quyền địa phương... Danh mục chứng khoán bao gồm chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ, chứng khoán vốn được Ngân hàng mua và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá. Tại thời điểm 30/06/2015, số dư chứng khoán kinh doanh là 3.563 tỷ đồng (chưa bao gồm dự phòng giảm giá).

Bảng 22: Tổng hợp chứng khoán kinh doanh của BIDV 2013, 2014 và 30/06/2015

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	2013	2014	30/06/2015
1	**Chứng khoán Nợ**	**1.411**	**8.228**	**3.314,7**
	Chứng khoán Nợ Chính phủ	1.411	8.228	3.314,7
2	**Chứng khoán Vốn**	**179**	**233**	**248,3**
	Do các tổ chức tín dụng khác phát hành	3	1	1,4
	Do các Tổ chức kinh tế trong nước phát hành	176	232	246,9
3	**Tổng**	**1.590**	**8.461**	**3.563**
4	**Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh**	**(32)**	**(30)**	**(39)**
	Tổng cộng	**1.558**	**8.431**	**3.524**

Nguồn: BIDV

Chứng khoán đầu tư được phân thành chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn dựa theo mục đích nắm giữ chứng khoán. Đến 31/12/2014, số dư chứng khoán đầu tư đạt 91.817 tỷ đồng, tăng gần 35% so với thời điểm 31/12/2013, trong đó số dư chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và số dư chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn lần lượt là 73.993 tỷ đồng và 19.528 tỷ đồng. Trong danh mục chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán, chứng khoán nợ Chính phủ chiếm tỷ trọng lớn nhất, cụ thể chiếm 82,8%. Đầu tư vào chứng khoán, đặc biệt là trái phiếu Chính phủ là biện pháp quan trọng để BIDV quản lý cơ cấu Tài sản Có theo hướng nâng cao khả năng sinh lời, giảm thiểu rủi ro, tạo nguồn thanh khoản khi cần thiết.

Bảng 23: Tổng hợp chứng khoán đầu tư của BIDV 2013 và 2014

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013	2014	30/06/2015
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	**56.842**	**73.993**	**70.911**
Chứng khoán Nợ (mệnh giá)	55.732	73.008	70.016
Chứng khoán Nợ - Chính phủ	*43. 842*	*61.256*	*57.899*
Chứng khoán Nợ - Tổ chức tín dụng	*3.572*	*4.367*	*5.995*
Chứng khoán Nợ - Tổ chức kinh tế	*8.318*	*7.386*	*6.122*
Chứng khoán Vốn (ghi nhận theo giá gốc)	1.110	985	895
Đầu tư vào các tổ chức tín dụng	*141*	*204*	*116*
Đầu tư vào tổ chức kinh tế khác	*969*	*781*	*779*
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	**(335)**	**(470)**	**(443)**
Dự phòng rủi ro chứng khoán nợ sẵn sàng để bán		**(105)**	**(216)**
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	**11.565**	**19.528**	**30.242**

Chỉ tiêu	2013	2014	30/06/2015
Chứng khoán Chính phủ	1.371	1.371	1.604
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	10.194	18.157	28.638
Dự phòng giảm giá CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	**0**	**(1.129)**	**(1.536)**
Tổng cộng	**68.072**	**91.817**	**98.958**

Nguồn: BIDV

7.1.6. Hoạt động kinh doanh chứng khoán

Hoạt động kinh doanh chứng khoán của BIDV được thực hiện thông qua Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – BSC.

Năm 1999, khi thị trường chứng khoán Việt Nam đang trong quá trình chuẩn bị hình thành, BIDV đã thành lập Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC) - một trong hai công ty đầu tiên tại Việt Nam tham với mức vốn Điều lệ ban đầu là 55 tỷ đồng, hoạt động với đầy đủ các nghiệp vụ của công ty chứng khoán gồm: Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Sát cánh cùng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các Sở giao dịch chứng khoán, BSC đã góp những viên gạch đầu tiên xây dựng nền móng hệ thống quy trình, sản phẩm của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Trong 5 năm đầu tiên, khi thị trường chứng khoán chưa thu hút được sự quan tâm của đông đảo công chúng, các hoạt động chủ yếu diễn ra ở thị trường sơ cấp thì BSC là một trong những đơn vị tiên phong thực hiện thành công tư vấn cổ phần hóa và tư vấn phát hành, niêm yết cho các doanh nghiệp đầu tiên của thị trường như Công ty CP Sữa Việt Nam Vinamilk (VNM), Công ty Cổ phần đầu tư công nghệ (FPT)… cho đến nay đây vẫn là những mã chứng khoán có thị giá cao và đóng vai trò dẫn dắt trên thị trường.

Trải qua quá trình hoạt động, để đáp ứng yêu cầu theo quy định của UBCKNN và sự phát triển của công ty, từ năm 2003 đến 2007, BSC đã thực hiện tăng vốn 4 lần, từ 55 tỷ lên 700 tỷ đồng. Năm 2010, BSC đã thực hiện cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần từ 01/01/2011 với vốn điều lệ là 865 tỷ đồng, trong đó BIDV sở hữu 88,12%.

Sau thời kỳ phát triển bùng nổ những năm 2006-2007, thị trường chứng khoán Việt Nam do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới bắt đầu lao dốc. Những khó khăn của nền kinh tế Việt Nam (lãi suất tăng, lạm phát vẫn ở mức cao, thị trường bất động sản đóng băng...) đã ảnh hưởng nặng nề đến thị trường chứng khoán và hoạt động của các công ty chứng khoán. Đây cũng là giai đoạn chứng kiến sự ra đời của hàng loạt công ty chứng khoán, tạo ra cuộc chiến giành thị phần khốc liệt, khiến cho hoạt động kinh doanh của BSC gặp nhiều khó khăn. Trong bối cảnh đó, BSC vẫn kiên định mục tiêu kinh doanh an toàn, tập trung đầu tư vào con người và công nghệ để xây dựng, phát triển các sản phẩm chất lượng phục vụ khách hàng. Nhờ vậy

BSC đã tránh được những hệ lụy phát triển nóng của thị trường mà hệ quả là nhiều công ty chứng khoán bị mất kiểm soát, thu hẹp hoạt động hoặc phá sản.

Sau giai đoạn khó khăn, kể từ năm 2012 đến nay, nhờ những diễn biến tích cực hơn từ thị trường chứng khoán Việt Nam cũng như sự nỗ lực từ tập thể cán bộ nhân viên, hoạt động kinh doanh của BSC đã khởi sắc và đạt được một số kết quả khả quan. Doanh thu môi giới chứng khoán năm 2014 đạt 113,9 tỷ đồng, tăng 113% so với năm 2013 và LNTT đạt 75,4 tỷ đồng, gấp 5 lần so với năm 2013. Thị phần môi giới liên tục tăng qua các năm, từ mức 1,8% năm 2011 lên 2,2% năm 2012, 3,1% năm 2013 và tiếp tục tăng lên mức 3,5% trong năm 2014, giúp BSC nằm trong Top 10 Công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và dẫn đầu về thị phần môi giới Trái phiếu trên thị trường.

Đến hết Quý II/2015, dù thị trường chứng khoán tương đối trầm lắng nhưng BSC vẫn tiếp tục giữ vững đà tăng trưởng với việc lọt vào Top 6 có thị phần môi giới lớn nhất tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với thị phần nắm giữ 5,08% và Top 10 thị phần môi giới tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM với thị phần 3,99%. Tổng doanh thu kinh doanh chứng khoán Quý II/2015 đạt 212,5 tỷ đồng, tăng 4,3% so với cùng kỳ năm 2014. Lợi nhuận sau thuế 6T/2015 đạt 55,5 tỷ đồng.

Bên cạnh các số liệu tăng trưởng ấn tượng trên, uy tín và thương hiệu của BSC trên thị trường chứng khoán cũng ngày càng được nâng cao. Trên thị trường sơ cấp, BSC hiện là nhà tư vấn tài chính, thu xếp vốn, nhà môi giới tin cậy cho nhiều doanh nghiệp, tập đoàn lớn của Việt Nam như Tập đoàn Dệt may Việt Nam (Vinatex), Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin), Vietnam Airlines…Trong hai năm 2014, 2015, BSC đã liên tiếp nhận được giải thưởng "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam 2014", "Nhà thu xếp chứng khoán nợ tốt nhất Việt Nam năm 2015" và "Nhà tư vấn thu xếp chứng khoán vốn tốt nhất Việt Nam năm 2015" do các tạp chí uy tín hàng đầu Châu Á là Finance Asia và Alpha South East Asia trao tặng. Trên thị trường thứ cấp, BSC tham gia tạo lập thị trường bằng những giao dịch tự doanh và môi giới trái phiếu điển hình cho các tổ chức tín dụng, các ngân hàng, công ty bảo hiểm có quy mô lớn. Đây là những kết quả hết sức tích cực, thể hiện những bước tiến ổn định, vững chắc của BSC trong thời gian qua.

Bảng 24: Một số chỉ tiêu chủ yếu của BSC giai đoạn 2013-30/06/2015

Đơn vị: tỷ đồng

Khoản mục	2013	2014	30/06/2015
Vốn điều lệ	865	865	865
Tổng tài sản	1.541,8	1.842,5	1.898,2
Doanh thu kinh doanh chứng khoán	218,5	530,7	212,5
Lợi nhuận trước thuế	15,1	75,4	55,5

Nguồn: BSC

7.1.7. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm của BIDV chủ yếu được thực hiện thông qua Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam – BIC.

Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt nam (BIC) được chính thức đổi tên và đi vào hoạt động từ năm 2006 trên cơ sở BIDV mua lại toàn bộ phần vốn góp của QBE tại Công ty Liên doanh bảo hiểm Việt Úc (được thành lập năm 1999).

Năm 2010, BIC đã thực hiện cổ phần hóa thành công và chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần từ 01/10/2010, đổi tên thành Tổng công ty CP Bảo hiểm BIDV với vốn điều lệ là 693 tỷ đồng (trong đó BIDV sở hữu 78,38%).

Giai đoạn 2009 – 2011, trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều khó khăn và thách thức, BIC đã triển khai nhiều biện pháp để thúc đẩy kinh doanh và đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận: tốc độ tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm bình quân là 32%, luôn cao hơn so với tăng trưởng bình quân của thị trường, liên tục duy trì vị trí đứng thứ 6/29 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ tại thị trường Việt Nam xét về thị phần bảo hiểm gốc, tỷ lệ nợ phí, tỷ lệ tái tục được cải thiện qua các năm.

Trong giai đoạn 2012-2014, mặc dù vẫn chịu ảnh hưởng từ những khó khăn của nền kinh tế, BIC vẫn đạt được được những kết quả đáng ghi nhận với tốc độ tăng trưởng doanh thu phí bình quân 17,5%, cao hơn mức tăng bình quân thị trường. BIC hiện là một trong 8 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đứng đầu thị trường về doanh thu phí bảo hiểm gốc với tỷ lệ bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại luôn được kiểm soát trong mức giới hạn 40% và thấp hơn mức bồi thường chung toàn thị trường.

Đến 30/6/2015, tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc của BIC đạt 631 tỷ đồng, tăng 33% so với cùng kỳ năm trước và bằng 65,4% doanh thu phí năm 2014, cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ; lợi nhuận trước thuế hợp nhất đến 30/06/2015 đạt 74,4 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước. Chiến lược tập trung phát triển kênh bán lẻ (kênh Bancassurance và Bảo hiểm trực tuyến) đã đạt được những thành công nhất định với sự tăng trưởng nhanh về doanh thu, thị phần, số lượng khách hàng và góp phần phát triển thương hiệu BIC là một trong những doanh nghiệp có thế mạnh về sản phẩm Bancassurance.

Về mạng lưới hoạt động: Đến nay, BIC đã có 25 Công ty thành viên và 121 Phòng Kinh doanh khu vực, cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu bao phủ trên phạm vi cả nước. Không chỉ dừng ở đó, BIC đã phát triển mạng lưới kinh doanh bảo hiểm trên toàn khu vực Đông Dương thông qua việc thành lập Công ty Liên doanh bảo hiểm Lào - Việt (LVI) vào tháng 6/2008 trong đó BIC sở hữu 51% và được BIDV giao quản lý hoạt động Công ty Bảo hiểm Campuchia – Việt Nam (CVI) từ tháng 9/2009. Hiện tỷ lệ sở hữu của BIC tại LVI đã lên đến 65%.

Bảng 25: Một số chỉ tiêu chủ yếu của BIC giai đoạn 2013-30/06/2015

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013	2014	30/06/2015
Vốn điều lệ	660	762	762
Tổng tài sản	1.756	2.386	2.616
Tổng DT phí, trong đó:	895	1.116	730
Doanh thu phí Bảo hiểm gốc	*792*	*991*	*630*
Doanh thu tái Bảo hiểm	*103*	*125*	*100*
Tỷ lệ bồi thường (%)	39,4%	37,8%	43,9%
Lợi nhuận trước thuế	113	138	74,4
Thị phần bảo hiểm gốc (%)	3,22%	3,6%	n/a

Nguồn: BIC

7.1.8. Hoạt động cho thuê tài chính

Hoạt động cho thuê tài chính của BIDV được thực hiện thông qua Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – BLC.

Năm 1998, với mục tiêu tạo thêm kênh tài trợ vốn trung, dài hạn cho doanh nghiệp, đặc biệt là với các Doanh nghiệp vừa và nhỏ không có nhiều nguồn lực; đồng thời cũng là một kênh cung cấp các sản phẩm tài chính bổ sung cho hoạt động tín dụng, BIDV đã thành lập Công ty CTTC BIDV với mức VĐL ban đầu là 55 tỷ đồng có trụ sở chính tại Hà Nội. Công ty CTTC cũng là công ty trực thuộc đầu tiên của BIDV và là một trong hai công ty cho thuê tài chính đầu tiên hoạt động trên thị trường công ty tài chính của Việt Nam lúc đó.

Với những kết quả đạt được khả quan của Công ty CTTC BIDV và tiềm năng kinh doanh tại địa bàn Hồ Chí Minh, tháng 12/2004, BIDV đã thành lập Công ty CTTC 2 trên cơ sở tách và nâng cấp chi nhánh của Công ty CTTC tại Thành phố Hồ Chí Minh với mức Vốn Điều lệ 150 tỷ đồng để phục vụ nhu cầu thuê tài chính của khách hàng tại Hồ Chí Minh – địa bàn có hoạt động kinh tế năng động với quy mô và tốc độ tăng trưởng mạnh nhất trong cả nước.

Năm 2010, thực hiện chủ trương chung của Chính phủ và NHNN về việc tái cấu trúc hệ thống các TCTD trong nước nhằm nâng cao năng lực tài chính và hiệu quả hoạt động, tăng khả năng cạnh tranh cho Công ty CTTC cũng như đưa hoạt động CTTC thực sự là một mảng kinh doanh bổ trợ hiệu quả cho các hoạt động kinh doanh khác của BIDV, BIDV đã sáp nhập Công ty Cho thuê Tài chính 2 BIDV tại Thành phố Hồ Chí Minh vào Công ty Cho thuê Tài chính BIDV và đưa Công ty CTTC TNHH MTV BIDV chính thức đi vào hoạt động vào tháng 11/2011 với Vốn Điều lệ 447,8 tỷ đồng, đặt trụ sở chính tại Tp. Hồ Chí Minh với 02 Chi nhánh tại Hà nội và Đà nẵng.

Giai đoạn 2010 – nay, Công ty tập trung vào việc sáp nhập, ổn định mô hình tổ chức và cơ cấu lại hoạt động sau sáp nhập để cải thiện chất lượng, nâng cao năng lực quản trị, năng lực tài chính với mục tiêu phát triển bền vững và hoạt động mang lại hiệu quả. Sau quá trình triển khai tái cơ cấu, từ năm 2014 đến nay, hoạt động của Công ty có nhiều cải thiện, chấm dứt tình trạng lỗ, tỷ lệ nợ xấu giảm so với năm 2013 và đạt mức dưới 3% tại thời điểm 30/6/2015.

Bảng 26: Một số chỉ tiêu chủ yếu của BLC giai đoạn 2013 – 30/06/2015

Đơn vị: tỷ đồng

Khoản mục	2013	2014	30/06/2015
Vốn điều lệ	447,8	447,8	447,8
Tổng tài sản	2.565	2.602	2.302
Dư nợ cho thuê	2.135	2.100	1.835
Lợi nhuận trước thuế	26,4	35,6	170,6

Nguồn: BLC

7.1.9. Hoạt động mua bán nợ và khai thác tài sản

Hoạt động mua bán nợ và khai thác tài sản của BIDV được thực hiện thông qua Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – BAMC.

Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BAMC) được thành lập vào năm 2001 và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 20/02/2002 với mức vốn điều lệ ban đầu là 30 tỷ đồng nhằm thực hiện xử lý nợ tồn đọng của BIDV theo quyết định của TTCP năm 2001 và là một trong những bước đi của BIDV nhằm thực hiện Đề án cơ cấu lại ngân hàng.

Trong quá trình hoạt động, BAMC đã tiếp nhận và thu hồi nợ chủ yếu là các khoản nợ tồn đọng phát sinh trước năm 2001 của BIDV. Công ty đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được giao, hỗ trợ hiệu quả BIDV trong quá trình xử lý nợ tồn đọng đồng thời có kết quả kinh doanh đảm bảo có lãi. Năm 2009, đánh giá hoạt động của BAMC đã hoàn thành nhiệm vụ hỗ trợ BIDV thu hồi các khoản nợ trước năm 2000, BIDV đã thực hiện cơ cấu lại hoạt động BAMC theo hướng duy trì pháp nhân, đồng thời thu gọn mô hình hoạt động, nhân sự. Với những kết quả đạt được sau 7 năm ra đời, BAMC đã góp phần không nhỏ trong việc làm lành mạnh hóa cơ cấu nợ và tăng năng lực tài chính của BIDV. Hiện tại, BAMC đang trong quá trình nghiên cứu thị trường, khung pháp lý để xây dựng phương án kinh doanh với các nghiệp vụ mới để triển khai hoạt động lại vào thời điểm thích hợp.

Bảng 27: Một số chỉ tiêu chủ yếu của BAMC năm 2013, 2014 và 30/06/2015

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013	2014	30/06/2015
Tổng tài sản	33,9	33,5	33,07
Lợi nhuận trước thuế	3,1	2,2	0,04

Nguồn: BAMC

7.2. *Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn*

7.2.1. Tổng quan

BIDV đã và đang xây dựng hệ thống quản lý rủi ro đầy đủ, toàn diện theo quy định của NHNN và dần tiến đến áp dụng các chuẩn mực theo đúng thông lệ quốc tế (Basel II).

BIDV phân biệt rủi ro thành 3 loại cơ bản để quản lý là rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro tác nghiệp. Đồng thời, BIDV sử dụng một hệ thống quản lý thông tin tập trung cho mục đích quản lý kinh doanh và quản lý rủi ro.

Năm 2005, dựa trên các thông lệ quốc tế tốt nhất được khuyến nghị theo Dự án hiện đại hóa Ngân hàng (TA1) do Ngân hàng thế giới tài trợ, BIDV thành lập Hội đồng Quản lý tài sản nợ - có (ALCO) và trở thành ngân hàng thương mại Việt Nam đầu tiên thành lập bộ phận chuyên trách quản lý rủi ro, qua đó đặt nền tảng cho việc hoàn thiện công tác quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng. Khối Quản lý rủi ro được kiện toàn vào năm 2008 trong giai đoạn II của Dự án hiện đại hóa Ngân hàng.

Khối Quản lý rủi ro bao gồm Ban Quản lý rủi ro tín dụng, Ban Quản lý tín dụng và Ban Quản lý rủi ro thị trường & tác nghiệp. Thêm vào đó, Ban Thông tin quản lý & hỗ trợ ALCO có trách nhiệm hỗ trợ việc quản lý rủi ro thanh khoản, giám sát các giới hạn an toàn trong hoạt động kinh doanh; Ban Pháp chế phụ trách quản lý các rủi ro pháp lý, Bộ phận quản lý quan hệ cổ đông thuộc Ban Thư ký Hội đồng thư ký quản trị và Ban Thương hiệu và quan hệ công chúng phụ trách quản lý rủi ro uy tín.

7.2.2. Quản lý rủi ro tín dụng

Nhận thức được tầm quan trọng của việc quản lý RRTD, BIDV đã và đang xây dựng hệ thống quản lý RRTD đầy đủ, toàn diện theo quy định của NHNN và dần tiến đến áp dụng các chuẩn mực theo đúng thông lệ quốc tế (Basel II). Việc quản lý rủi ro tín dụng được tiến hành một cách có hệ thống từ việc xác định khẩu vị rủi ro, đo lường đến việc phòng ngừa, xử lý rủi ro tín dụng. BIDV đã triển khai đồng bộ các biện pháp nhằm quản lý rủi ro tín dụng hiệu quả trong toàn hệ thống.

- Định hướng hoạt động tín dụng

Hoạt động tín dụng của BIDV tăng trưởng ổn định, bền vững. Trong từng năm, Ngân hàng luôn xác định cơ cấu, giới hạn tín dụng trong từng ngành nghề, lĩnh vực, thời hạn vay, loại tiền, khu vực địa lý … khác nhau.

- Mô hình quản lý rủi ro:

Hiện nay, BIDV thực hiện phân cấp thẩm quyền trong phán quyết tín dụng từ các cấp tại Hội sở chính (Hội đồng quản trị, Ủy Ban Quản lý rủi ro, Hội đồng Tín dụng TW, Ban điều hành...) đến các cấp, chức danh tại Chi nhánh. Việc phân cấp cho các cấp, chức danh điều hành tại Chi nhánh đảm bảo phù hợp theo các quy trình cấp tín dụng bán buôn, bán lẻ và mức

phân cấp được Hội sở chính rà soát, giao hàng năm cho từng chi nhánh căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế, mục tiêu kiểm soát rủi ro tín dụng của chi nhánh. Các tiêu chí để xác định mức thẩm quyền phán quyết tín dụng đối với Chi nhánh bao gồm: (i) hiệu quả tín dụng; (ii) chất lượng hoạt động tín dụng; (iii) quy mô dư nợ của Chi nhánh; (iv) hiệu quả, năng lực quản trị điều hành của chi nhánh và (v) các căn cứ khác theo chỉ đạo của Tổng Giám đốc trong từng thời kỳ.

Mô hình tổ chức phê duyệt và quản lý rủi ro tín dụng tại BIDV được thành lập với 3 khối chính: Khối quan hệ khách hàng (bán buôn và bán lẻ), Khối quản lý rủi ro và Khối tác nghiệp. BIDV đã thành lập Ủy ban Quản lý Rủi ro trực thuộc HĐQT; Hội đồng Tín dụng trung ương trực thuộc Tổng giám đốc và Hội đồng tín dụng cơ sở thuộc chi nhánh. Bên cạnh đó, hệ thống kiểm soát nội bộ được xây dựng tại ba miền và quản lý tập trung tại Trụ sở chính, luôn tiến hành các đợt kiểm tra rà soát tính tuân thủ chính sách, quy trình nội bộ của BIDV cũng như các quy định của pháp luật, đảm bảo BIDV có thể phòng ngừa và hạn chế được rủi ro trong hoạt động tín dụng.

- Quy trình đánh giá rủi ro tín dụng:

Quy trình đánh giá rủi ro tín dụng được thực hiện tại cấp chi nhánh và Trụ sở chính, trong đó tách biệt giữa bộ phận đề xuất tín dụng – thẩm định rủi ro – quản trị tác nghiệp...

Sau khi khách hàng có đơn đề nghị cấp tín dụng cùng với hồ sơ vay vốn, bộ phận quan hệ khách hàng sẽ thực hiện thẩm định khoản vay bao gồm: đánh giá chung về khách hàng, tình hình sản xuất kinh doanh, năng lực tài chính, chấm điểm khách hàng, đánh giá phân tích phương án/kế hoạch sản xuất kinh doanh, dự án đầu tư, khả năng vay trả của khách hàng, thẩm định tài sản đảm bảo, đánh giá toàn diện rủi ro và các biện pháp phòng ngừa, xác định mức cấp tín dụng, hình thức cấp tín dụng, lãi suất... và lập báo cáo đề xuất tín dụng. Tùy trường hợp cụ thể, báo cáo đề xuất tín dụng sẽ được chuyển cho bộ phận quản lý rủi ro để tiến hành độc lập phân tích rà soát, đánh giá lại toàn bộ các rủi ro liên quan, xác định mức độ rủi ro tín dụng và đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro. Báo cáo đề xuất tín dụng và Báo cáo thẩm định rủi ro (trường hợp phải qua thẩm định rủi ro) sau khi hoàn thành cùng hồ sơ tín dụng sẽ được trình lên cấp có thẩm quyền phê duyệt. Khoản tín dụng sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt sẽ tiếp tục được Bộ phận Quan hệ khách hàng, phối hợp cùng Bộ phận QLRR kiểm tra, giám sát, thu hồi, thực hiện các biện pháp xử lý rủi ro theo đúng quy định.

- Công cụ quản lý rủi ro:

Ngay sau khi quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN được ban hành, BIDV là NHTM đầu tiên được NHNN chấp thuận cho phép áp dụng Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ (ICRS) từ quý IV/2006, đảm bảo sàng lọc, kiểm soát tốt nền khách hàng. Hệ thống bao gồm các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính để đánh giá toàn diện về khách hàng như tình hình tài chính, khả năng trả nợ, chiều hướng phát triển của doanh nghiệp cũng như những ảnh hưởng từ các điều kiện kinh tế vĩ mô, xu hướng phát triển của ngành nghề.

Ngân hàng áp dụng chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng dựa trên hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ. Chính sách cấp tín dụng là cơ sở để sàng lọc, lựa chọn khách hàng tốt, có chính sách ứng xử phù hợp, thống nhất đối với từng khách hàng.

Trên cơ sở kết quả xếp hạng theo ICRS (đối với những khách hàng đủ điều kiện xếp hạng) hoặc tình hình trả nợ của khách hàng (nợ quá hạn, nợ cơ cấu – đối với những khách hàng không đủ điều kiện xếp hạng), BIDV thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của NHNN (từ ngày 01/06/2014, BIDV đã thực hiện phân loại nợ theo Thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 của NHNN).

Dự phòng chung được tính bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ, các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Dự phòng cụ thể được tính bằng giá trị còn lại của khoản nợ trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định của NHNN:

Hạng khách hàng	Nhóm	Phân loại nợ	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
AAA, AA, A	1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
BBB, BB	2	Nợ cần chú ý	5%
B, CCC, CC	3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
C	4	Nợ nghi ngờ	50%
D	5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Trong quá trình vận hành, BIDV tiếp tục tiến hành cập nhật ICRS nhằm phản ánh tốt hơn chất lượng tín dụng của khách hàng cũng như đảm bảo tính tuân thủ đối với các quy định mới của NHNN về quản lý rủi ro tín dụng. Hệ thống ICRS sau khi chỉnh sửa sẽ giúp BIDV đáp ứng tốt hơn đối với các yêu cầu về việc phân loại nợ và trích lập dự phòng được quy định theo Thông tư 02/2013/TT-NHNN của NHNN.

BIDV duy trì hệ thống thông tin báo cáo để phục vụ cả mục tiêu quản lý nội bộ và nhằm báo cáo các cơ quan chức năng. BIDV đã hoàn tất dự án hiện đại hoá, theo đó BIDV có thể khai thác thông tin về khách hàng, nhóm khách hàng, danh mục tín dụng tự động từ hệ thống. Các thông tin về danh mục tín dụng, nợ xấu, các khoản nợ cần chú ý, chất lượng tín dụng … đều được báo cáo định kỳ lên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành.

Hiện tại, BIDV cũng đang triển khai các dự án nhằm nâng cao hơn nữa năng lực quản lý rủi ro tín dụng như Dự án Khung quản lý rủi ro tổng thể, dự án Hệ thống khởi tạo khoản vay (LOS), Dự án nâng cấp Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ…. nhằm hỗ trợ tích cực cho việc quản lý rủi ro trong ngân hàng, từ đó tiến đến áp dụng các mô hình định lượng rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế về quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng (Basel II).

7.2.3. Quản lý rủi ro thanh khoản

Từ năm 2007 trở về đây, quản lý rủi ro thanh khoản tại BIDV đã dần tiệm cận tới thông lệ quốc tế, Rủi ro thanh khoản của toàn bộ Ngân hàng được quản lý tập trung tại Hội sở chính, đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc:

- Ưu tiên là tuân thủ các chính sách, quy định về giới hạn thanh khoản của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng ALCO, đảm bảo an toàn đồng thời cân đối đến khả năng gia tăng hiệu quả hoạt động của ngân hàng;
- Thanh khoản được quản lý hàng ngày thông qua các quy định, quy trình, thiết lập và kiểm soát giới hạn thanh khoản;
- Quản lý thanh khoản được thực hiện theo các giả định trong trường hợp dư thừa, thiếu hụt hoặc khủng hoảng thanh khoản (thể hiện tại các kịch bản thanh khoản);
- Thanh khoản được quản lý theo từng loại tiền.

Việc quản lý thanh khoản được thực hiện thông qua việc thiết lập và tuân thủ các hạn mức và phân giao cho các đơn vị thực hiện, Việc thiết lập hạn mức phụ thuộc vào "khẩu vị rủi ro" của ngân hàng,

Hàng ngày, theo dõi dòng tiền đến hạn, thông tin các dòng tiền thanh toán lớn trong ngày để luôn đảm bảo các nguồn chi trả, đảm bảo các giới hạn an toàn của Ngân hàng nhà nước và Hội đồng ALCO,

Định kỳ hoặc đột xuất, xây dựng kịch bản và kiểm nghiệm khủng hoảng theo mức độ biến động thị trường và dự kiến kịch bản có khả năng xảy ra cao nhất, đề xuất các biện pháp xử lý thanh khoản kịp thời,

Trong giai đoạn hiện nay, khi nền kinh tế Việt Nam trải qua giai đoạn khó khăn, khả năng thanh khoản của BIDV vẫn luôn vững chắc nhờ có hệ thống quản lý rủi ro thanh khoản hoạt động tốt và hiệu quả,

Thời gian tới, với việc triển khai dự án Basel, công tác quản lý rủi ro thanh khoản của BIDV sẽ được hoàn thiện hơn nhờ bổ sung thêm các công cụ, kỹ thuật quản lý rủi ro thanh khoản hiện đại như: mô hình hành vi khách hàng, hệ thống chỉ tiêu cảnh báo sớm...

7.2.4. Quản lý rủi ro thị trường, hoạt động và Phòng, chống rửa tiền

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác quản lý rủi ro trong quá trình hoạt động kinh doanh hướng tới mục tiêu an toàn, hiệu quả và bền vững, BIDV luôn chủ động, đi đầu trong lĩnh vực quản lý rủi ro. Tháng 09/2008, thực hiện Đề án chuyển đổi mô hình tổ chức theo Dự án TA2, BIDV đã thành lập Ban Quản lý rủi ro thị trường và tác nghiệp, chịu trách nhiệm quản lý độc lập rủi ro thị trường và hoạt động của toàn hệ thống, đồng thời thành lập Phòng/Tổ Quản lý rủi ro ở tất cả các chi nhánh. Tiếp đó, ngày 30/05/2012, Ủy ban Quản lý rủi ro trực thuộc Hội đồng quản trị đã được thành lập nhằm đáp ứng những yêu cầu quản lý rủi ro theo thông lệ tốt

cũng như quy định của cơ quan quản lý trong nước. Đến nay, mô hình quản lý rủi ro của BIDV cơ bản đã đáp ứng nguyên tắc độc lập và tập trung theo khuyến nghị của Ủy ban quản lý rủi ro.

BIDV đã ban hành hệ thống các Chính sách và Quy định phục vụ công tác quản lý rủi ro thị trường và quản lý rủi ro hoạt động. Theo đó, hệ thống các công cụ và báo cáo quản lý rủi ro không ngừng được hoàn thiện nhằm phát hiện, theo dõi và giám sát rủi ro, đưa ra các biện pháp phòng ngừa, xử lý kịp thời, hướng tới áp dụng Basel II theo lộ trình đã ban hành của Ngân hàng Nhà nước.

BIDV đã thực hiện xây dựng một số cấu phần trọng yếu nhằm nâng cao hiệu quả của công tác quản lý rủi ro như Khung QLRR tổng thể, công tác triển khai áp dụng Basel II, Khẩu vị rủi ro:

- *Khung Quản lý rủi ro tổng thể bao gồm các cấu phần chính liên quan đến:* Cơ cấu tổ chức; Chiến lược QLRR; Hệ thống văn bản chính sách, quy trình, quy định về QLRR; Khẩu vị rủi ro; Công cụ, phương pháp đo lường rủi ro; Hệ thống dữ liệu, giải pháp công nghệ; Hệ thống báo cáo; Kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ tại BIDV đối với các loại rủi ro trọng yếu: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động và rủi ro thanh khoản. Hiện nay các cấu phần thuộc Khung quản lý rủi ro tổng thể đang được thực hiện đúng tiến độ, dự kiến hoàn thành trong năm 2015.
- *Công tác triển khai áp dụng Basel II:* BIDV là một trong 10 ngân hàng được lựa chọn để triển khai Basel II theo yêu cầu tại công văn số 1601/NHNN- TTGSNH ngày 17/3/2014 của Ngân hàng Nhà nước. Theo đó, trong năm 2014, BIDV đã thành lập Ban Quản lý dự án triển khai Basel II, thực hiện các Báo cáo phân tích GAP tổng thể và GAP dữ liệu theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước. Đồng thời, BIDV đang triển khai Dự án Tư vấn rà soát Báo cáo phân tích chênh lệch – GAP và xây dựng kế hoạch triển khai – Master plan Basel II tại BIDV.
- *Khẩu vị rủi ro:* BIDV đã hoàn thành Dự án xây dựng Khẩu vị rủi ro và trở thành NHTM đầu tiên tại Việt Nam thực hiện Tuyên bố Khẩu vị rủi ro năm 2015. Khẩu vị rủi ro bao gồm Nhóm các chỉ tiêu về thu nhập, vốn, rủi ro và mức định hạng tín nhiệm trong mối quan hệ tương quan. Trong năm 2015, BIDV cũng đã ban hành Quy định nội bộ về Khẩu vị rủi ro.

Quản lý rủi ro thị trường

Công tác quản lý rủi ro thị trường tại BIDV được thực hiện một cách bài bản và khá toàn diện thể hiện ở các khía cạnh chính như: Hệ thống văn bản, công cụ quản lý, đầu tư/xây dựng CNTT.

Về văn bản chế độ, BIDV đã xây dựng hệ thống chính sách, quy định về quản lý rủi ro thị trường đầy đủ, đồng bộ và định kỳ được rà soát, chỉnh sửa nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động thực tế và phù hợp với thông lệ. Cụ thể, BIDV đã ban hành Chính sách quản lý rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất Sổ ngân hàng và rủi ro thanh khoản; Quy định quản lý rủi ro thị trường cũng như các văn bản có liên quan khác.

Về công cụ quản lý, BIDV đã chủ động nghiên cứu, áp dụng các công cụ quản lý rủi ro thị trường theo thông lệ Basel như: Giá trị chịu rủi ro (VaR); Kiểm nghiệm giả thuyết (backtest); Thử nghiệm khủng hoảng (stresstest); Vốn yêu cầu tối thiểu theo phương pháp chuẩn hóa. Ngoài ra, BIDV còn áp dụng một số công cụ khác phù hợp với mỗi loại rủi ro như Hạn mức về độ nhạy (BPV), trạng thái và kiểm giá độc lập.

Về đầu tư/xây dựng hệ thống CNTT, BIDV đã đưa vào triển khai hệ thống Kondor. Từ tháng 1/2015 với các cấu phần MLS và MGR hỗ trợ QLRR, giúp BIDV tính toán, giám sát hệ thống hạn mức quản lý rủi ro thị trường hàng ngày và theo thời gian thực. Cùng với đó, BIDV đã sử dụng nguồn lực nội bộ để tự phát triển, xây dựng nhiều chương trình phần mềm phục vụ cho việc quản lý rủi ro như chương trình quản lý rủi ro lãi suất, ngoại hối/vàng và cổ phiếu.

Quản lý rủi ro hoạt động

Để quản lý rủi ro hoạt động, BIDV đã thiết lập cơ cấu tổ chức bảo đảm nguyên tắc 03 vòng kiểm soát cũng như quản lý rủi ro hoạt động một cách toàn diện. Đối với hệ thống văn bản, BIDV đã ban hành đầy đủ các văn bản quy định như Chính sách Quản lý rủi ro hoạt động, Quy định rủi ro hoạt động cũng như các văn bản có liên quan khác. Đồng thời, BIDV đã xây dựng và vận hành đồng bộ hệ thống báo cáo rủi ro hoạt động hướng theo thông lệ.

Nhằm mục đích tăng cường hiệu quả của quản lý rủi ro hoạt động tuân thủ theo Basel II, BIDV đã chủ động thực hiện các công cụ quản lý rủi ro hoạt động bao gồm: Tự đánh giá rủi ro và kiểm soát (RCSA), Tự đánh giá kiểm soát (CSA), Dấu hiệu rủi ro chính (KRI), Kế hoạch hoạt động kinh doanh liên tục (BCP), mua bảo hiểm BBB và D&O. Một số công cụ quản lý rủi ro hoạt động khác có tính chất phức tạp hơn như Phân tích kịch bản, Quản lý rủi ro hoạt động thuê ngoài...cũng đang được nghiên cứu nhằm tăng cường khả năng lượng hoá và cảnh báo rủi ro hoạt động để giảm thiểu tối đa tổn thất có thể xảy ra.

Liên quan đến tuân thủ yêu cầu tính vốn theo Basel II, BIDV đã áp dụng phương pháp cơ bản (BIA) trong việc tính vốn yêu cầu tối thiểu cho rủi ro hoạt động từ năm 2012, hiện đã bắt đầu triển khai tính vốn yêu cầu tối thiểu theo phương pháp tiêu chuẩn (SA).

BIDV đặc biệt chú trọng vào việc đầu tư và xây dựng chương trình phần mềm hỗ trợ công tác thu thập và xử lý dữ liệu rủi ro hoạt động. Ngoài ra, để duy trì và nâng cao văn hoá quản lý rủi ro hoạt động trong toàn hệ thống, BIDV đã tổ chức nhiều khoá đào tạo từ cơ bản đến chuyên sâu về quản lý rủi ro hoạt động cho các cán bộ nhân viên.

Phòng, chống rửa tiền

BIDV luôn nỗ lực đi đầu trong việc triển khai Luật Phòng, chống rửa tiền và Luật Phòng, chống khủng bố, các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Ngân hàng nhà nước về Phòng,

chống rửa tiền. BIDV luôn hợp tác đầy đủ với Cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng (Cục Phòng chống rửa tiền) và các cơ quan quản lý liên quan trong việc báo cáo giao dịch vượt ngưỡng, giao dịch đáng ngờ, cung cấp thông tin theo yêu cầu. BIDV luôn chú trọng thực hiện công tác đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức về phòng chống rửa tiền cho các cán bộ trong toàn hệ thống, đặc biệt là các cán bộ quản lý khách hàng, cán bộ trực tiếp thực hiện giao dịch với khách hàng. Bên cạnh đó, BIDV đã và đang triển khai có hiệu quả một số công cụ Phòng chống rửa tiền như công cụ lọc điện thanh toán quốc tế, tra cứu thông tin danh sách đen của Liên Hợp quốc, Liên minh Châu Âu, Mỹ,... Tháng 08/2015, BIDV đã hoàn thành dự án "Trang bị giải pháp thống kê, phân tích số liệu phục vụ công tác Phòng, chống rửa tiền" giúp giảm thiểu thời gian tra cứu các loại danh sách đen, thay thế công tác đánh giá rủi ro khách hàng về rửa tiền hàng năm từ phương pháp thủ công sang tự động, tăng hiệu quả phát hiện và xử lý các giao dịch đáng ngờ, bảo đảm an toàn trong hoạt động của BIDV, ngăn chặn các hành vi lợi dụng BIDV để thực hiện rửa tiền, tài trợ khủng bố. Hàng năm, BIDV đều thực hiện kiểm toán nội bộ công tác phòng, chống rửa tiền tại Trụ sở chính và các chi nhánh.

BIDV đã có những đóng góp không nhỏ trong thành tựu chung của Việt Nam về công tác phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, góp phần đưa Việt Nam ra khỏi danh sách các quốc gia cần giám sát đặc biệt về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố của FATF. Với những nỗ lực không ngừng, trong năm 2014, BIDV đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước tặng bằng khen vì đã có thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác Phòng, chống rửa tiền.

Quản lý rủi ro lãi suất Sổ ngân hàng

Chính sách quản lý rủi ro lãi suất sổ ngân hàng tại BIDV được xây dựng và ứng dụng bám sát các nguyên tắc của Ủy ban Basel (Basel II). Công tác quản lý rủi ro lãi suất sổ ngân hàng được thực hiện tập trung tại Trụ sở chính, đảm bảo các nguyên tắc:

- Việc triển khai Quản lý rủi ro lãi suất Sổ ngân hàng được thực hiện xuyên suốt từ các đơn vị đến cấp quản lý cấp cao tại Hội sở chính BIDV, cụ thể, vai trò trách nhiệm của từng cấp được tách bạch và quy định rõ ràng từ khâu thực hiện tuân thủ, đề xuất hạn mức, thẩm định hạn mức, cấp phê duyệt hạn mức, quy trình báo cáo, quy định xử lý trong các trường hợp phát sinh vượt hạn mức; đồng thời quy định vai trò, trách nhiệm của các đơn vị, các cấp trong việc xây dựng và hoàn thiện các công cụ đo lường rủi ro lãi suất Sổ ngân hàng.
- Việc quản lý rủi ro lãi suất được thực hiện thông qua các công cụ như hạn mức tỷ lệ khe hở tài sản nhạy cảm lãi suất; Hạn mức biến động thu nhập ròng từ lãi; Hạn mức khe hở thời lượng; Hạn mức biến động giá trị kinh tế vốn của ngân hàng.
- Định kỳ hàng quý hoặc đột xuất theo yêu cầu, BIDV xây dựng kịch bản và tiến hành thử nghiệm khủng hoảng đối với rủi ro lãi suất của danh mục Tài sản Nợ – Tài sản Có của BIDV.

Cùng với việc triển khai dự án Basel, BIDV cũng chuẩn bị triển khai Dự án ALM trong thời gian tới giúp tăng cường hiệu quả của công tác quản lý rủi ro lãi suất sổ ngân hàng của BIDV tiến tới đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về đo lường, theo dõi và giám sát rủi ro theo Basel II và các thông lệ tốt trên thế giới.

7.2.5. Quản lý rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý là những sự kiện pháp lý bất lợi nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại vật chất hoặc phi vật chất đối với hoạt động của doanh nghiệp. Rủi ro nói chung và rủi ro pháp lý trong hoạt động ngân hàng luôn được đề cao hơn vì kinh doanh ngân hàng là loại hình kinh doanh đặc biệt, tiềm ẩn nhiều rủi ro và có khả năng gây tác động đổ vỡ mang tính hệ thống.

Tại BIDV, hoạt động quản lý, kiểm soát và hạn chế rủi ro pháp lý luôn được tôn trọng, đề cao trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật. Theo đó, các hoạt động để quản lý rủi ro pháp lý của BIDV được thể hiện trên các mặt:

- Đối với từng mảng nghiệp vụ hoạt động đã xây dựng và ban hành hệ thống quy định, quy trình, quy chế, mẫu biểu hướng dẫn thực hiện tất cả các mảng nghiệp vụ để áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống; thường xuyên hệ thống hóa, pháp điển hóa để đảm bảo sự thống nhất, phù hợp;
- Thẩm định pháp lý toàn diện đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật đối với tất cả các văn bản chế độ nội bộ của BIDV trước khi ban hành và áp dụng trên thực tế;
- Tư vấn pháp lý thường xuyên trong mọi hoạt động BIDV, đặc biệt là tư vấn xử lý tranh chấp, thu hồi nợ;
- Đào tạo, tập huấn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và văn bản chế độ nội bộ cho cán bộ toàn hệ thống;
- Giám sát, kiểm tra sau đối với quá trình triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật và văn bản nội bộ;
- Luôn cập nhật các chính sách, quy định pháp luật mới ban hành;
- Chủ động: (a) nghiên cứu, tham gia quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động của BIDV từ đó nắm bắt xu hướng thay đổi chính sách pháp luật và có định hướng hoạt động phù hợp; và (b) kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi các mâu thuẫn, bất cập, chồng chéo tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.
- Thường xuyên kiện toàn, tăng cường, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ pháp chế đảm bảo đủ năng lực đáp ứng nhu cầu tư vấn pháp lý ngày càng tăng đối với hoạt động nghiệp vụ trong toàn bộ hệ thống.

Đối với các giao dịch có giá trị lớn, tính chất phức tạp hoặc liên quan đến yếu tố nước ngoài, BIDV chỉ định các công ty luật có uy tín, kinh nghiệm để tư vấn nhằm đảm bảo chặt chẽ, tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan và hạn chế các rủi ro pháp lý. Bên cạnh sự hỗ trợ từ Ban Pháp chế, các đơn vị thành viên cũng được phép thuê luật sư bên ngoài để giải quyết các vấn đề pháp lý của mình.

7.3. Công nghệ thông tin

Chiến lược kinh doanh của BIDV xác định CNTT là một trong bốn đột phá chiến lược phát triển BIDV: "*Nâng cao năng lực khai thác, ứng dụng công nghệ trong hoạt động kinh doanh ngân hàng tạo khâu đột phá giải phóng sức lao động, tăng tính lan tỏa của khoa học công nghệ tới mọi hoạt động kinh doanh của BIDV*".

Trong giai đoạn 2010-2015, BIDV đã thực hiện triển khai Chiến lược phát triển CNTT giai đoạn 2010-2015, tầm nhìn đến 2020 nhằm đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu cụ thể của CNTT đối với các hoạt động ngân hàng ngày càng phát triển, lớn mạnh. Theo đó, hoạt động CNTT đã bám sát và phù hợp với các mục tiêu, định hướng của kế hoạch, chiến lược phát triển kinh doanh của BIDV giai đoạn 2010-2015, định hướng đến 2020: nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, giá trị thương hiệu, tiết kiệm chi phí, ưu tiên phát triển CNTT để đáp ứng yêu cầu công nghệ của một ngân hàng với các sản phẩm, dịch vụ hiện đại, nâng cao khả năng hội nhập với các ngân hàng trong khu vực và trên thế giới. Kết quả cụ thể như sau:

- Hệ thống cơ sở hạ tầng CNTT hiện đại, đáp ứng yêu cầu quản lý CNTT tập trung tại Trụ sở chính, đảm bảo an toàn, đồng bộ và kiểm soát rủi ro.

BIDV đã có 01 Trung tâm dữ liệu chính đặt tại 38 Hàng Vôi và 01 Trung tâm dự phòng thảm họa đặt tại Hải Dương đạt các tiêu chuẩn của NHNN *(ngoài ra, BIDV đang thực hiện xây dựng Trung tâm dữ liệu mới, hiện đại theo tiêu chuẩn TIER 3 tại Hà Nội, dự kiến đưa vào hoạt động năm 2016).*

Hệ thống mạng WAN đã kết nối toàn bộ các đơn vị thành viên của BIDV trên toàn quốc, hệ thống mạng LAN tại các đơn vị đạt các tiêu chuẩn cao, đảm bảo tốc độ kết nối phục vụ quản lý tập trung CNTT.

Hệ thống máy chủ đáp ứng phục vụ các ứng dụng CNTT *(tại Trung tâm xử lý, trung tâm dự phòng và các chi nhánh)*. Hệ thống bảo mật: đã được đầu tư các giải pháp bảo mật toàn diện, nhiều lớp, trang bị các thiết bị bảo mật (Firewall, IPS), đã thực hiện triển khai nhiều giải pháp bảo mật (như: bảo mật mạng, bảo mật ứng dụng, mã hóa, xác thực)….).

Hệ thống ứng dụng CNTT hiện đại, được quản trị, vận hành tập trung, ổn định, duy trì hoạt động liên tục trên 99,5%; tốc độ xử lý giao dịch hàng ngày cao; đảm bảo an toàn, ổn định với trung bình từ 4 đến 6 triệu giao dịch/ngày đối với ngày thường, cao điểm lên đến 8,4 triệu giao dịch/ngày; đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh trên toàn hệ thống BIDV.

Hệ thống An ninh bảo mật được triển khai đồng bộ đảm bảo an ninh đối với hoạt động CNTT và hoạt động ngân hàng. Hệ thống dự phòng, cơ sở hạ tầng CNTT được xây dựng phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo sự an toàn, khả năng khắc phục sự cố.

- Xây dựng và phát triển các kênh phân phối hiện đại đáp ứng nhu cầu cung ứng sản phẩm dịch vụ trong và ngoài nước

Trong giai đoạn 2010-2015, BIDV đã đầu tư mua sắm hoặc tự phát triển nhiều ứng dụng kênh phân phối hiện đại, cung cấp các sản phẩm dịch vụ đa dạng cho khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp và khách hàng định chế tài chính.

Hệ thống thanh toán được các tổ chức trong/ngoài nước đánh giá tốt nhất trong khối các ngân hàng thương mại: Kết nối với hầu hết các hệ thống, kênh thanh toán lớn trong nước và quốc tế như IBPS, thanh toán bù trừ, VCB Money, SWIFT,... Ngoài ra, BIDV đã tự phát triển các hệ thống Thanh toán song phương, đa phương, kết nối thanh toán với các tổ chức (như KBNN, Thuế...). Ứng dụng thanh toán hóa đơn cung cấp nhiều tiện ích thanh toán hóa đơn cho khách hàng nhờ kết nối tới các đối tác/nhà cung cấp dịch vụ lớn tại Việt Nam như: VNPAY, Onepay, Điện, Nước, Viễn thông... Các ứng dụng Thu chi hộ điện tử, Thu ngân sách Nhà nước, @Securities cung cấp các sản phẩm dịch vụ đa dạng cho các khách hàng doanh nghiệp và định chế tài chính.

Hệ thống Ngân hàng điện tử (Internet Banking/Mobile Banking – IBMB) đã hoàn thành triển khai, đem lại cho khách hàng BIDV nhiều tiện ích, dịch vụ với các dòng sản phẩm, như: BIDV Online, BIDV Mobile, BIDV Business Online, Bank Plus, BSMS.

Hệ thống ATM được bao phủ trên toàn quốc với 1.813 máy ATM, 20.000 POS và đã kết nối được với Smartlink, Banknetvn; chấp nhận thanh toán các sản phẩm dịch vụ thẻ như thẻ tín dụng quốc tế VISA, MasterCard, CUP, JCB; thẻ ghi nợ quốc tế Master Ready; Manchester United, BIDV Ready, ...

Hoàn tất triển khai hệ thống Treasury mới, giúp BIDV tiếp tục đẩy mạnh và phát triển hoạt động Kinh doanh vốn và tiền tệ, hiện đang là một thế mạnh của BIDV.

- Xây dựng các hệ thống hỗ trợ thông tin quản lý, hệ thống quản lý khách hàng, hệ thống quản lý kinh doanh liên tục...

Với mục đích hỗ trợ trong công tác phân tích, đánh giá, dự báo, hoạch định chính sách, chiến lược phát triển, ... phục vụ công tác quản trị điều hành; đến hết năm 2014, BIDV cơ bản đã xây dựng được các hệ thống thông tin tương đối đầy đủ theo yêu cầu quản trị điều hành; quản lý rủi ro; quản lý, chăm sóc, hỗ trợ khách hàng.

Đặc biệt, trong năm 2014, BIDV đã triển khai đưa vào sử dụng: (i) Hệ thống thông tin quản lý (MIS), giúp các cấp quản lý có công cụ nhanh chóng trong việc ra quyết định, phục vụ các yêu cầu kinh doanh. Việc đưa vào sử dụng hệ thống này đã tạo ra sự khác biệt trong phát triển, vận hành, khai thác hệ thống Báo cáo quản trị điều hành của BIDV từ Trụ sở chính đến cấp Chi nhánh, đây là hệ thống Kho dữ liệu tập trung và hạ tầng đồng bộ dựa trên mô hình,

kiến trúc hiện đại theo thông lệ quốc tế của IBM; (ii) Hệ thống Văn phòng điện tử (Office.One) giúp nhanh chóng truyền tải thông tin điều hành từ Trụ sở chính đến các Chi nhánh BIDV, chuyển đổi các công việc văn phòng, hành chính, quản trị,... từ chỗ sử dụng văn bản giấy tờ sang sử dụng văn bản điện tử, ước tính tiết kiệm được khoảng 24 tỷ đồng/năm (với chi phí đầu tư 11 tỷ đồng).

- Phát triển nguồn nhân lực CNTT đạt chất lượng cao

Lực lượng cán bộ CNTT tại BIDV được tuyển chọn đạt chất lượng chuyên môn tốt, được đào tạo bài bản theo kế hoạch đào tạo chuyên sâu hàng năm.

BIDV đang thực hiện đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao (trong đó có đào tạo các chuyên gia CNTT trong lĩnh vực phần mềm, cơ sở dữ liệu, an ninh bảo mật, truyền thông, được các hãng công nghệ lớn trên thế giới như IBM, Microsoft, Oracle, Cisco,... công nhận). Trong năm 2014, BIDV đã có 01 cán bộ đạt trình độ ngang với trình độ chuyên gia CNTT của các hãng trong khu vực (như tiến sĩ về mạng Cisco – CCIE) và dự kiến năm 2015, BIDV sẽ có đội ngũ chuyên gia CNTT trình độ cao ở các mảng hệ thống, kiến trúc, bảo mật, CSDL...

7.4. Thị trường hoạt động

7.4.1. Mạng lưới chi nhánh và công ty trực thuộc

Tại 30/06/2015 mạng lưới hoạt động của BIDV bao gồm 180 chi nhánh (CN), 798 Phòng giao dịch (PGD) và Quỹ tiết kiệm (QTK), duy trì vị trí đứng thứ 3 trong hệ thống NHTM về số lượng điểm mạng lưới.

Bảng 28: Số lượng các điểm mạng lưới truyền thống của BIDV giai đoạn 2013-30/06/2015

STT	Mạng lưới	2013	2014	30/06/2015
1	Số chi nhánh	127	136	180
2	Số Phòng giao dịch và Quỹ tiết kiệm	600	611	814
3	Số máy ATM	1.495	1.503	1.813

Nguồn: BIDV

Cùng với tăng trưởng về số lượng, chất lượng hoạt động của các điểm mạng lưới cũng được BIDV đặt lên hàng đầu. Với phương châm "Hiệu quả kinh doanh và an toàn hoạt động" trong công tác phát triển mạng lưới, việc mở rộng mạng lưới luôn gắn liền với nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; đảm bảo khả năng quản lý, kiểm soát rủi ro và quản trị điều hành.

- Chú trọng phát triển mạng lưới hướng tới đẩy mạnh các dịch vụ ngân hàng bán lẻ. Xác định đây là hoạt động cốt lõi của khối PGD trong giai đoạn này. BIDV tập trung ưu tiên phát triển mạng lưới tại các địa bàn khu vực trọng điểm phía Bắc, phía Nam (đặc

biệt Hà Nội và TP. HCM); các thành phố lớn, thị xã có tiềm năng phát triển hoạt động Ngân hàng bán lẻ; đẩy mạnh phát triển dịch vụ tài chính cho khu vực nông nghiệp nông thôn, đặc biệt là Đồng bằng sông Cửu Long. Từng bước hình thành mạng lưới Phòng giao dịch/QTK chuyên phục vụ khách hàng cá nhân.

- Tập trung đổi mới công tác quản trị điều hành hoạt động của các điểm mạng lưới, trong đó chú trọng công tác xây dựng kế hoạch, định hướng thực hiện kế hoạch phát triển mạng lưới. Chủ động xây dựng và hoàn thiện chương trình phần mềm chiết xuất số liệu các đơn vị trực thuộc PGD, QTK để phục vụ cho công tác đánh giá hiệu quả hoạt động các điểm mạng lưới. Đồng thời, xây dựng chế tài khen thưởng và xử lý trong công tác phát triển mạng lưới, gắn kết quả hoạt động của các điểm mạng lưới với cơ chế phân phối thu nhập, tạo động lực mạnh mẽ trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các điểm mạng lưới.

7.4.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

Với bề dày truyền thống 58 năm hoạt động, BIDV đã xây dựng được một mạng lưới khách hàng doanh nghiệp phong phú, đa dạng trải rộng trên toàn quốc. Cụ thể như sau: Tính đến ngày 31/12/2014, BIDV có quan hệ với trên 120.000 khách hàng doanh nghiệp, tăng 11% so với năm 2013, trong đó có khoảng 12.300 khách hàng doanh nghiệp có quan hệ tín dụng.

- Nhóm khách hàng doanh nghiệp là các Tập đoàn, Tổng công ty: BIDV luôn khẳng định vai trò là định chế tài chính hàng đầu Việt Nam trong việc tài trợ vốn và cung ứng sản phẩm dịch vụ ngân hàng đối với các Tập đoàn, Tổng Công ty thuộc các ngành kinh tế then chốt. Với vị thế và cơ chế chính sách ưu đãi của BIDV dành cho nhóm khách hàng này, hơn 80 Tập đoàn, Tổng công ty đã xác định BIDV là ngân hàng chủ lực trong việc cung ứng tín dụng và dịch vụ như: Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (Petro Việt Nam), Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Tập đoàn Viễn Thông Quân đội (Viettel), Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam (VNPT), Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin), Tổng công ty Hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines), Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex), Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG), Tổng công ty Sông Đà, Tổng công ty Phát triển nhà và đô thị Việt Nam (HUD), Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp (Becamex)... và hàng loạt các Tập đoàn kinh tế tư nhân lớn như Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai, Tập đoàn Vingroup, Tập đoàn Hòa Phát, Công ty cổ phần ô tô Trường Hải, Công ty Cổ phần Eurowindow...
- Nhóm khách hàng DNVVN: BIDV không ngừng gia tăng quan hệ với các DNVVN có

tình hình hoạt động kinh doanh tốt. BIDV khẳng định là một ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam về cung cấp dịch vụ tài chính cho các DNVVN theo đúng chủ trương chính sách trợ giúp phát triển DNVVN của Chính phủ.

- Nhóm khách hàng cá nhân: Đối tượng khách hàng bán lẻ của BIDV là tất cả cá nhân và hộ gia đình kinh doanh đang làm việc, sinh sống tại Việt Nam. Đến 30/06/2015, số lượng khách hàng cá nhân tại BIDV đạt hơn 7,1 triệu khách hàng...

Để mở rộng số lượng khách hàng cá nhân, BIDV tập trung tiếp thị theo từng phân đoạn khách hàng; mỗi phân đoạn đều có các chính sách chăm sóc và các sản phẩm dịch vụ dành riêng. BIDV cũng chuẩn hóa thông tin khách hàng nhằm đáp ứng tối đa yêu cầu của khách hàng tại mỗi phân đoạn. Với mạng lưới 180 chi nhánh, 798 Phòng giao dịch, Quỹ tiết kiệm, hệ thống gần 1.813 máy ATM, 20.000 POS, hai kênh phân phối là kênh truyền thống và kênh Ngân hàng điện tử phù hợp với khách hàng cá nhân, BIDV phát huy lợi thế trong cung cấp dịch vụ, gia tăng nền khách hàng cá nhân.

Bên cạnh đó, BIDV không ngừng hoàn thiện các sản phẩm dịch vụ bán lẻ theo hướng tiếp cận dễ dàng nhất với khách hàng, ứng dụng tối đa hàm lượng công nghệ trong mỗi sản phẩm, phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ ngân hàng của khách hàng mọi lúc mọi nơi. Trong giai đoạn 2010-2015, BIDV đã cho ra mắt nhiều sản phẩm mới phù hợp với thu nhập và nhu cầu của từng đối tượng khách hàng cá nhân như:

- Tiết kiệm cá nhân: kèm các hình thức khuyến mại mang tính may rủi như bốc thăm, dự thưởng, quà tặng ngay, tri ân; tiết kiệm dành cho các đối tượng khách hàng đặc biệt: tiền gửi tích lũy trẻ em lớn lên cùng yêu thương, tích lũy hưu trí, tiền gửi cho khách hàng quan trọng; tiền gửi thanh toán, tiền gửi kinh doanh chứng khoán...
- Tín dụng bán lẻ: BIDV liên tục đưa ra các gói tín dụng cạnh tranh phù hợp với tình hình thị trường và phù hợp với từng khu vực như cho vay nhà ở, cho vay sản xuất kinh doanh...; Tiên phong triển khai các chương trình tín dụng của Chính phủ như cho vay nhà ở theo Nghị quyết 02-NQ-CP, cho vay chương trình phát triển thuỷ sản theo Nghị định 67/NĐ-CP. Ngoài ra BIDV tiếp tục triển khai các sản phẩm cho vay khách hàng bán lẻ: hợp tác cho vay mua nhà ở xã hội, cho vay mua nhà ở theo các dự án, cho vay mua ô tô, cho vay SXKD (cho vay kinh doanh chợ, trồng cà phê, tiêu...), cho vay tín chấp tiêu dùng (vay lương, thấu chi tài khoản...), cho vay tiêu dùng bảo đảm bằng bất động sản, cho vay cầm cố chứng khoán niêm yết, cho vay doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ, cho vay du học, cho vay chứng minh tài chính, cho vay người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, cho vay cầm cố và chiết khấu GTCG/TTK...
- Dịch vụ bán lẻ: Trong năm 2014, BIDV triển khai bổ sung khá nhiều sản phẩm mới

cho KH như sản phẩm chuyển tiền quốc tế, thanh toán lương cho KH doanh nghiệp; Trên IBMB bổ sung một số sản phẩm thanh toán hóa đơn mới trên BIDV Online và BIDV Mobile như thanh toán di động trả sau Vinafone, nạp Zingxu, nạp Oncash, thu hộ bảo hiểm AIA, thu hộ bảo hiểm Manulife, thu hộ bảo hiểm Daichi, các dịch vụ nạp tiền điện thoại cho tất cả các mạng qua VTC và thanh toán trả sau cước ADSL của FPT qua đối tác VnPay. Ngoài ra, BIDV tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ khác như dịch vụ thẻ, thanh toán , ngân quỹ... dành cho khách hàng cá nhân; Đặc biệt chú trọng gắn kết sản phẩm bảo hiểm với sản phẩm dịch vụ ngân hàng phù hợp với xu hướng phát triển của mô hình ngân hàng hiện đại, với mục tiêu chiến lược đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 phải gia tăng tối đa tỷ trọng đóng góp của hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong tổng thu nhập của toàn hệ thống, và hoạt động kinh doanh bảo hiểm trở thành một trong những nhân tố nòng cốt trong việc nâng cao hình ảnh, thương hiệu và vị thế của BIDV trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm với mục tiêu "Trở thành ngân hàng đứng đầu Việt Nam về kinh doanh bảo hiểm qua ngân hàng thông qua Doanh thu phí dịch vụ và Số sản phẩm bảo hiểm triển khai". Trong năm 2015 BIDV tiếp tục đẩy mạnh các dịch vụ ngân hàng điện tử thông qua việc bổ sung các tính năng mới trên kênh IBMB như tất toán tiền gửi có kỳ hạn online, chuyển tiền nhanh liên ngân hàng 24/7, thanh toán tiền điện, nước và các dịch vụ tài chính..., xây dựng cổng thanh toán của BIDV kết nối với nhiều đối tác thương mại điện; triển khai chương trình đăng ký trực tuyến các dịch vụ BIDV Online và BSMS để khách hàng không phải đến ngân hàng mà vẫn sử dụng được dịch vụ.

Thị trường hoạt động của BIDV trải rộng tất cả các ngành nghề, từ nông lâm nghiệp, thương nghiệp, xây dựng, công nghiệp chế biến, nhà hàng khách sạn, xuất nhập khẩu....

Về danh mục sản phẩm ngân hàng, hiện BIDV đã thiết kế hơn 100 sản phẩm dành cho khối khách hàng doanh nghiệp và cá nhân và liên tục bổ sung các sản phẩm mới nhằm cung ứng các dịch vụ ngân hàng tốt nhất đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh phong phú và đa dạng.

- Nhóm dịch vụ tiền gửi: Tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi Thặng dư, tiền gửi Đầu tư tự động, tiền gửi Kết hợp, tiền gửi Như ý, tiền gửi Ký quỹ, tiền gửi Tích lũy, đồng thời triển khai liên tục các chương trình phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn và dài hạn...
- Nhóm dịch vụ thanh toán trong nước: Chuyển tiền trong nước, điều chuyển vốn tự động, dịch vụ thu chi hộ, giải pháp kết nối trực tuyến với công ty chứng khoán (BIDV Smart@ccount), quản lý dòng tiền (Revenue Plus), thanh toán lương tự động, thanh toán hóa đơn tiền điện, nước, viễn thông, trả phí bảo hiểm, dịch vụ thu hộ tại quầy, thu

hộ tại địa điểm, thu hộ Ngân sách Nhà nước, thu chi hộ điện tử, Chuyển tiền nhanh liên ngân hàng 24/7…

- Nhóm dịch vụ thanh toán quốc tế: Chuyển tiền quốc tế (TTR - Telegraphic Transfer Reimbursement, Western Union…), thanh toán thư tín dụng L/C, nhờ thu, hoàn thiện bộ chứng từ, thanh toán xuất nhập khẩu theo hình thức CAD - Cash Against Delivery, thanh toán biên mậu, UPAS L/C...
- Nhóm tài trợ thương mại: Cho vay hỗ trợ xuất khẩu, chiết khấu có truy đòi và miễn truy đòi, tài trợ nhập khẩu bằng lô hàng nhập, tài trợ theo hợp đồng khung, bao thanh toán...
- Nhóm kinh doanh tiền tệ và phái sinh: mua bán ngoại tệ giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi ngoại tệ, Hoán đổi tiền tệ chéo (CCS), Hợp đồng hàng hóa tương lai, Quyền chọn hàng hóa, Đầu tư cơ cấu…
- Nhóm sản phẩm tín dụng: Cho vay ngắn hạn thông thường, cho vay trung dài hạn, đầu tư dự án, thấu chi doanh nghiệp, tài trợ doanh nghiệp vệ tinh, doanh nghiệp dệt may, xăng dầu, thủy sản, dược phẩm, lúa gạo, thi công xây lắp, cho vay hỗ trợ nhu cầu nhà ở, cho vay xây dựng nhà ở xã hội, nhà thu thu nhập thấp, cho vay hộ sản xuất kinh doanh…
- Nhóm bảo lãnh: Bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh đối ứng, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, bảo lãnh thuế xuất nhập khẩu…
- Nhóm bảo hiểm: hợp tác với các công ty bảo hiểm cung cấp các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và nhân thọ.
- Nhóm dịch vụ ngân hàng điện tử: Internet banking, Mobile banking, Quản lý dòng tiền…
- Nhóm dịch vụ ngân hàng điện tử: Internet banking, Mobile banking, các dịch vụ thanh toán phục vụ thương mại điện tử (thanh toán hóa đơn online, thanh toán hóa đơn qua internet), các dịch vụ phục vụ đời sống, thương mại truyền thống (thanh toán tiền điện, thanh toán tiền nước sinh hoạt, thanh toán cước dịch vụ viễn thông, thanh toán học phí), các dịch vụ Quản lý dòng tiền, Quản lý tài chính.

7.4.3. Thị phần và khả năng cạnh tranh

BIDV là một trong số những ngân hàng giữ vị trí chủ đạo và có thị phần lớn trên thị trường. Trong nhiều năm liền, BIDV luôn duy trì và nâng cao được thị phần của Ngân hàng ở các mảng hoạt động kinh doanh truyền thống, mở rộng thị phần trong các lĩnh vực dịch vụ mới.

Thị phần năm 2014 của BIDV đối với một số chỉ tiêu như sau (không tính Agribank):

- Đứng thứ nhất về tài trợ dự án;
- Đứng thứ nhất về thị phần tín dụng đạt 11,5%;
- Đứng thứ nhất về thị phần huy động vốn đạt 10,7%;
- Đứng thứ hai về quy mô tài sản với giá trị đạt 650.340 tỷ đồng

- Khả năng cạnh tranh trên các mặt hoạt động

Năng lực tài chính

Bảng 29: Một số chỉ tiêu tài chính của BIDV và một số NHTM tại 31/12/2014

Đơn vị: tỷ đồng

Tên NH	Tổng tài sản	Vốn CSH	Tổngdư nợ	HĐV từ tiền gửi KH	LNST	TL nợ xấu
ACB	179.610	12.397	116.324	154.614	952	2,18%
CTG	661.132	55.013	439.869	424.181	5.727	1,12%
EIB	161.094	12.449	87.147	101.372	56	2,46%
MBB	200.489	16.561	99.578	167.609	2.476	2,76%
SHB	169.036	8.962	103.951	123.228	791	2,03%
STB	188.678	12.591	128.015	162.533	2.279	1,19%
VCB	576.319	42.705	323.332	423.241	4.476	2,31%
BID	650.340	33.271	445.692	440.472	4.986	2,03%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2014 của các ngân hàng

Về nguồn nhân lực

Công tác phát triển nguồn nhân lực được BIDV chú trọng nhằm duy trì đội ngũ cán bộ có chất lượng, đáp ứng yêu cầu hoạt động: (i) Đến 31/12/2014 quy mô lao động 19.130 người; tỷ lệ lao động nữ 58%; tuổi đời bình quân 34 tuổi; cán bộ có trình độ đại học trở lên chiếm tỷ lệ cao (87,44% tổng số cán bộ); (ii) Công tác tuyển dụng đảm bảo được nhu cầu sử dụng; ngày một đổi mới cách thức tuyển dụng theo hướng tập trung cao, giảm thiểu thời gian, tiết kiệm chi phí, công khai, minh bạch; (iii) Chú trọng đổi mới công tác đào tạo, ngày càng bài bản, chuyên nghiệp và bước chuyển đổi căn bản đầu tiên là việc thành lập Trường đào tạo cán bộ BIDV; (iv) Đẩy mạnh việc tăng cường luân chuyển, biệt phái cán bộ, lãnh đạo để bổ sung năng lực lãnh đạo cho các đơn vị còn thiếu nguồn cán bộ tại chỗ, kết hợp thực hiện luân

chuyển để đào tạo cán bộ có thực tế tại cơ sở; (v) Đổi mới cơ chế tiền lương, lương thưởng gắn với vị trí và hiệu quả, năng suất công việc

Về công nghệ

Đánh giá công nghệ là yếu tố quyết định tới sức cạnh tranh của mình, thời gian qua, BIDV đã rất chú trọng tới đầu tư nâng cao năng lực hạ tầng và ứng dụng CNTT *(Chỉ số sẵn sàng ứng dụng CNTT – ICT Index của BIDV trong nhiều năm liên tục từ năm 2007 đến nay được đánh giá và xếp hạng cao nhất trong các NH tại Việt nam)*, với các dự án đã và đang đầu tư như: Xây dựng Trung tâm dữ liệu, trung tâm dự phòng thảm họa CNTT theo tiêu chuẩn quốc tế; Trang bị/nâng cấp hệ thống phần mềm ngân hàng lõi Core Banking; các dự án kết nối thẻ Banknet, thẻ Visa, thẻ Master; Trang bị hệ thống Ngân hàng điện tử (Mobile Banking - Internet Banking); Trang bị hệ thống Treasury, hệ thống thông tin quản lý (MIS), hệ thống phân bổ thu nhập chi phí (MPA), quản trị nội bộ (ERP), các hệ thống quản trị rủi ro, phòng chống rửa tiền,…và rất nhiều phần mềm ứng dụng khác do BIDV tự xây dựng/phát triển.

Các dự án hiện đại hóa hệ thống CNTT đã giúp BIDV đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, nâng cao chất lượng, sự phong phú của dịch vụ cung cấp, đồng thời đảm bảo hoạt động CNTT an toàn, ổn định, đáp ứng yêu cầu kinh doanh liên tục (24/7) của BIDV, nâng cao năng lực cạnh tranh của BIDV.

Về mở rộng và phát triển dịch vụ

Bên cạnh các sản phẩm ngân hàng truyền thống, BIDV đã không ngừng nghiên cứu thị trường đưa ra các sản phẩm mới dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu dịch vụ của khách hàng. Với số lượng sản phẩm cho khách hàng tổ chức và cá nhân đầy đủ và tiện ích, BIDV có thể cạnh tranh với các ngân hàng khác trên thị trường về khả năng cung ứng dịch vụ.

Về thương hiệu

Với trên 58 năm hoạt động trong ngành ngân hàng, BIDV là một trong số ít ngân hàng có lịch sử phát triển lâu dài và có vị thế vững chắc tại Việt Nam. Cùng với mạng lưới chi nhánh rộng khắp, BIDV đã trở thành một thương hiệu uy tín tại Việt Nam. BIDV tin rằng, với thương hiệu của mình, BIDV sẽ có nhiều cơ hội đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh theo hướng cung cấp dịch vụ tài chính và chào bán các sản phẩm mới mang thương hiệu BIDV.

Sự năng động và chuyên nghiệp của BIDV được thế giới ghi nhận qua hàng loạt giải thưởng: (i) Là NHTM Việt Nam đầu tiên nhận danh hiệu "Ngân hàng thương mại tốt nhất Việt Nam" do Tạp chí International Banker trao tặng; (ii) Giải thưởng "Ngân hàng cung cấp sản phẩm dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam" và "Ngân hàng cung cấp nghiên cứu về thị trường ngoại hối tốt nhất Việt Nam" do tạp chí Asiamoney trao tặng; (iii) Giải thưởng "Ngân hàng quản lý tiền tệ tốt nhất Việt nam" do Tạp chí The Asian Banker trao tặng. BIDV vinh dự lần thứ 4 liên tiếp được công nhận Thương hiệu quốc gia.

Về năng lực quản trị hoạt động kinh doanh

BIDV đã được WB lựa chọn để tài trợ cho Dự án Hỗ trợ kỹ thuật TA2 nhằm chuyển đổi BIDV từ một ngân hàng truyền thống thành một định chế tài chính hiện đại cung cấp đầy đủ các loại hình dịch vụ đa dạng. Dự án TA2 được một nhóm các nhà tư vấn của Tập đoàn tài chính - bảo hiểm ING và Hiệp hội Ngân hàng Bỉ (BBA) thực hiện và tập trung vào các hoạt động chính như tái cơ cấu tổ chức và tái cơ cấu hệ thống quản lý, xác định cơ cấu vốn tối ưu, quản lý rủi ro, quản lý tài sản và công nợ, kiểm toán nội bộ, tiếp thị, chiến lược kinh doanh, chiến lược phát triển CNTT và chiến lược phát triển các sản phẩm/dịch vụ. Việc đổi mới mô hình tổ chức, mô hình hoạt động theo dự án TA2 sẽ tạo ra những đột phá nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, chất lượng phục vụ khách hàng, đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung và quản trị rủi ro.

Quan hệ sâu rộng với các định chế tài chính

Trong các năm qua, BIDV đã nỗ lực mở rộng quan hệ hợp tác với các định chế tài chính quốc tế. Đến cuối năm 2014, BIDV đã thiết lập mạng lưới ngân hàng đại lý với 1.700 định chế hàng đầu thế giới, trong đó có các ngân hàng lớn tầm cỡ quốc gia và quốc tế. Điều này đã góp phần vào sự tăng trưởng của BIDV trong hoạt động kinh doanh quốc tế, bao gồm dịch vụ tín dụng, tài trợ thương mại, thanh toán quốc tế, bảo lãnh, kinh doanh ngoại hối... BIDV đã chủ động đẩy mạnh việc cung cấp dịch vụ tại các thị trường nhiều tiềm năng như Nga, Đông Âu, Trung Quốc, Hồng Kông, Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc và tìm kiếm cơ hội đầu tư cũng như tìm kiếm đối tác tham gia vào các dự án lớn tại Việt Nam.

BIDV cũng đã hợp tác với các định chế tài chính quốc tế lớn như Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Châu Á, Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản, Ngân hàng Xuất khẩu Séc, Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc, Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu..., góp phần khai thác các nguồn vốn, nguồn lực quốc tế cho nhiều dự án trọng điểm trong lĩnh vực năng lượng, công nghệ, hạ tầng, giao thông, viễn thông, giáo dục, cung cấp nước và tưới tiêu, phát triển nông nghiệp.v.v

7.5. Các dự án kinh doanh đang thực hiện

Để tiếp tục phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh của mình, hiện tại BIDV đang triển khai các dự án sau:

Bảng 30: Các dự án đầu tư xây dựng công trình đang triển khai đến thời điểm 30/06/2015

STT	Dự án	Địa điểm xây dựng	Tình hình triển khai
	I. CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM		
1	Tháp BIDV tại 263 Cầu Giấy, Hà nội	263 Đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, HN	Đã thi công xong 2 tầng hầm, đang triển khai thi công thô tầng 1
2	Trụ sở CN Đông Hải Phòng	Lô 30A Khu ĐTM ngã 5-sân bay Cát Bi, P.Đông Khê, Q.Ngô	Đang thi công cọc đại trà

STT	Dự án	Địa điểm xây dựng	Tình hình triển khai
		Quyền, Tp Hải Phòng	
3	Trang bị kho lưu trữ cho Trung tâm lưu trữ tài liệu, tài sản BIDV tại Văn Lâm	Văn Lâm, Hưng Yên	Đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng
	II. TRỤ SỞ CHI NHÁNH ("CN") CẤP I		
4	Trụ sở CN Cao Bằng	Đường Hoàng Đình Giong, P.Hợp Giang, TX Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Đã phê duyệt dự án, đang hoàn thiện thiết kế và dự toán
5	Trụ sở CN Tp Nam Định	Lô 19-1-1, đường Đông A, KĐT Hòa Vượng, Tp Nam Định, tỉnh Nam Định	Đã hoàn thành lựa chọn phương án kiến trúc, đã nộp hồ sơ cho Sở XD, UBND TP Nam Định để có ý kiến về thiết kế cơ sở
6	Trụ sở CN Tuyên Quang	Số 4 đường Bình Thuận, P. Minh Xuân, Tp Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Đã nộp hồ sơ cho Sở XD, UBND TP Tuyên Quang để có ý kiến về thiết kế cơ sở và đang chờ kết quả làm cơ sở triển khai tiếp dự án
7	Trụ sở CN Sa Pa	Số 020 đường Ngũ Chỉ Sơn, thị trấn Sapa, tỉnh Lào Cai	Đã có báo cáo NHNN xin chấp thuận đầu tư, chuẩn bị triển khai lựa chọn phương án kiến trúc và xin thỏa thuận quy hoạch
8	Trụ sở CN Hưng Yên	số 240 Nguyễn Văn Linh, P.Hiến Nam, Tp Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Đã phê duyệt dự án, đang hoàn thiện thiết kế và dự toán
9	Cải tạo trụ sở CN Lạng Sơn	Tp Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Đã hoàn thành phê duyệt thiết kế, dự toán. Đã khởi công
10	Trụ sở CN Phú Quốc, Nhà công vụ, Nhà khách	Khu phố 5, TT. Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang	Đã phê duyệt dự án và kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Đang triển khai hoàn thiện thiết kế, dự toán
11	Trụ sở CN Nam Kỳ Khởi nghĩa	56(sau)-60-62 -64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TPHCM	Đang hoàn thiện thiết kế bản vẽ thi công
12	Trụ sở CN Đông Hà Nội	Cao Lỗ, Đông Anh, HN	Đã thi công xong phần ngầm, và phần thô

STT	Dự án	Địa điểm xây dựng	Tình hình triển khai
13	Trụ sở CN Tây Nam Quảng Ninh	số 430 Quang Trung, Tx Uông Bí, Quảng Ninh	Đã khởi công và đang thi công cọc đại trà
14	Trụ sở CN Hà Giang	Tổ 10, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang	Đã thi công xong phần thô, đang thi công hoàn thiện
15	Trụ sở CN Bắc Kạn	Tổ 8A, Phường Đức Xuân, Thị xã bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Đã thi công xong phần thô, đang thi công hoàn thiện
16	Trụ sở CN Phủ Diễn	Thị trấn Diễn Châu, Nghệ An	Đã khởi công và thi công cọc đại trà
17	Trụ sở CN Lào Cai tại Cam Đường	Khu đô thị mới Lào Cai-Cam Đường	Đã cơ bản hoàn thành công trình
18	Trụ sở CN Móng Cái	đường Hùng Vương, Hòa Lạc, Tp Móng Cái, Quảng Ninh	Đã hoàn thành công trình, đang triển khai thủ tục đưa công trình vào sử dụng
19	Trụ sở CN Phúc Yên	Thị xã Phúc Yên, Vĩnh Phúc	Đang thi công hoàn thiện chuẩn bị bàn giao đưa vào sử dụng
20	Trụ sở CN Bắc Hải Dương	Sao đỏ, Chí Linh, hải Dương	Đã hoàn thành công trình, đang triển khai thủ tục đưa công trình vào sử dụng
21	Trụ sở 85B Bùi Thị Xuân	85B Bùi Thị Xuân, Q1, TP HCM	Đã triển khai lập thiết kế bản vẽ thi công, tiếp tục lấy ý kiến thẩm tra của Sở xây dựng TP HCM
22	Trụ sở CN Bà Rịa	Đường Lê Duẩn, phường Phước Trung, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Đã phê duyệt dự án và hoàn thành lập thiết kế, tổng dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu
23	Trụ sở CN Cà Mau	Đường An Dương Vương P7, Cà mau	Đã phê duyệt thiết kế, tổng dự toán
24	Trụ sở CN Phú Yên	287 Nguyễn Huệ - TP Tuy Hòa - Phú Yên	Đã phê duyệt thiết kế, tổng dự toán. Đang tiến hành tổ chức lựa chọn nhà thầu
25	Trụ sở CN Tây Ninh	492 đường 30/4 phường 3 Tây Ninh	Đã hoàn thành lựa chọn nhà thầu và khởi công. Đang thi công cọc

STT	Dự án	Địa điểm xây dựng	Tình hình triển khai
26	Trụ sở CN Mỹ Phước	Khu công nghiệp Mỹ Phước II, Bình Dương	Đã thi công xong phần thô, bắt đầu thi công hoàn thiện
27	Trụ sở CN Sài Gòn	271 An Dương Vương	Đã thi công xong phần thô công trình
28	Trụ sở CN Phú Mỹ	QL51, Mỹ xuân, Tân Thành, Bà Rịa -Vũng Tàu	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng
29	Trụ sở CN Phú Tài	KCN Phú Tài	Đã hoàn thành công trình
30	Trụ sở CN Chợ Lớn	49 Kinh Dương Vương, P.12 Q.6, Tp.HCM	Đã hoàn thành phần thô, đang thi công phần hoàn thiện công trình
31	Trụ sở CN Đồng Nai	Đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Chuẩn bị lập dự án đầu tư
32	Trụ sở CN Minh Hải	Đường Trần Huỳnh, khóm 2, P7 TP Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Đang thi công sàn tầng 1

Nguồn: BIDV

Bảng 31: Các dự án đầu tư công nghệ đến thời điểm 30/06/2015

STT	Tên dự án/Nội dung	Tình hình triển khai
1	Triển khai hệ thống phân tích lợi nhuận đa chiều MPA	Dự án đang thực hiện triển khai hợp đồng (đang thực hiện triển khai thí điểm), dự kiến hoàn thành, nghiệm thu dự án vào quý IV/2015.
2	Triển khai hệ thống quản trị nội bộ ERP.	Dự án đang thực hiện triển khai hợp đồng, dự kiến hoàn thành tháng 12/2015.
3	Mở rộng mạng lưới ATM 2014-2015	Dự án đang thực hiện triển khai hợp đồng (đến tháng 06/2015, đã bàn giao đợt 1 100 máy ATM và các thiết bị kèm theo), dự kiến hoàn thành tháng 05/2016.
4	Trang bị giải pháp quản lý khoản vay	Đã được phê duyệt BCNCKT, TCKT chi tiết, dự toán chi tiết. Đang trong quá trình đấu thầu, lựa chọn nhà thầu. Triển khai năm 2015 - 2016.
5	Mua sắm mới giải pháp quản trị nhân sự tổng thể	Dự án đang trong quá trình xây dựng và phê duyệt Tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết. Triển khai năm 2015-2016.
6	Đầu tư và xây dựng Trung tâm dữ	Dự án đang thực hiện xây dựng Tiêu chuẩn kỹ thuật

STT	Tên dự án/Nội dung	Tình hình triển khai
	liệu mới theo tiêu chuẩn TIER 3	chi tiết và trình phê duyệt. Dự kiến triển khai 2015-2016.
7	Chuyển đổi hệ thống Corebanking	Dự án đang trong quá trình trình các cơ quan quản lý phê duyệt (NHNN Việt nam) phê duyệt Chủ trương đầu tư và Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án. Dự kiến triển khai 2016-2018.

Nguồn: BIDV

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh giai đoạn 2013-30/06/2015

Bảng 32: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính theo BCTC riêng lẻ giai đoạn 2013 - 30/06/2015

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013		2014		30/06/2015
	Giá trị	% Tăng giảm	Giá trị	% Tăng giảm	
Tổng giá trị tài sản	547.374	11,4%	647.930	18,4%	722.119
Vốn chủ sở hữu	31.809	16,8%	32.887	3,4%	34.727
Vốn điều lệ	28.112	18,1%	28.112	0,0%	31.481
Tổng thu nhập hoạt động	18.524	11,7%	21.281	14,9%	10.378
Thuế và các khoản phải nộp	1.540	31,2%	1.626	5,6%	917
Lợi nhuận trước thuế	5.027	16,4%	6.056	20,5%	3.010
Lợi nhuận sau thuế	3.818	16,6%	4.776	25,1%	2.404
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	13,10%		14,76%		7,11%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	0,74%		0,80%		0,35%

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ BIDV 2014, 30/06/2015

Bảng 33: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính theo BCTC hợp nhất giai đoạn 2013 - 30/06/2015

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013		2014		30/06/2015
	Giá trị	% Tăng giảm	Giá trị	% Tăng giảm	
Tổng giá trị tài sản	548.386	13,1%	650.340	18,6%	724.762
Vốn chủ sở hữu	32.039	20,9%	33.271	3,8%	35.244
Vốn điều lệ	28.112	22,16%	28.112	0,0%	31.481
Tổng thu nhập hoạt động	19.209	15,2%	21.907	14,0%	10.939
Thuế và các khoản phải nộp	1.676	32,2%	1.785	6,5%	1.015
Lợi nhuận trước thuế	5.290	22,3%	6.297	19,0%	3.117
Lợi nhuận sau thuế	4.051	23,5%	4.986	23,1%	2.496
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	13,84%		15,27%		7,29%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân	0,78%		0,83%		0,36%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất BIDV 2013, 2014, 30/06/2015

Kết quả hoạt động kinh doanh:

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất tính đến 30/06/2015 đạt 3.117 tỷ đồng, tổng thu nhập hoạt động tính đến 30/06/2015 đạt 10.939 tỷ đồng. Nhìn chung, hiệu quả kinh doanh của BIDV tăng trưởng ổn định. Lợi nhuận trước thuế tính đến 30/06/2015 hoàn thành 92% kế hoạch Quý II, và hoàn thành 42% kế hoạch cả năm, tăng 47% so với cùng kỳ năm 2014, đảm bảo thực hiện trích lập đủ dự phòng rủi ro và các mục tiêu đề ra (thu nhập của người lao động, quyền lợi cho cổ đông, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước).

BIDV duy trì luôn đảm bảo các chỉ tiêu an toàn hệ thống, kiểm toán và định hàng tín nhiệm quốc tế: Hệ số tỷ lệ an toàn vốn (CAR) luôn duy trì >9% theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, các chỉ tiêu an toàn thanh khoản đều đảm bảo đúng quy định.

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm báo cáo

- Thuận lợi trong hoạt động kinh doanh

Môi trường vĩ mô thuận lợi

Năm 2014, cùng với đà khởi sắc của kinh tế thế giới, với việc triển khai quyết liệt các giải pháp chỉ đạo điều hành đúng hướng, kịp thời, Việt Nam cũng đã đạt được những thành quả đáng khích lệ: kinh tế vĩ mô ổn định, tăng trưởng cao hơn năm 2013, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp trong vòng 10 năm, mức sống và thu nhập của người dân được nâng cao, tiến trình thực hiện đột phá chiến lược và tái cơ cấu nền kinh tế đang được thúc đẩy. Trong 6 tháng đầu năm 2015, đà tăng trưởng tích cực tiếp tục duy trì khi: Tăng trưởng GDP tiếp tục xu hướng phục hồi (GDP 6 tháng tăng 6,28%, cao hơn mức 5,18% của cùng kỳ năm trước), sức cầu có chuyển biến khả quan; Lạm phát tiếp tục duy trì ở mức thấp (CPI tháng 6/2015 tăng 1% so với cùng kỳ); Xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng khá (tăng 9,3% so với cùng kỳ); Vốn FDI giải ngân tăng ổn định (tăng 9,6% so với cùng kỳ). Với những tiến triển đó, các tổ chức quốc tế đã có những đánh giá tích cực về triển vọng kinh tế Việt Nam. Ngày 11/06/2015, World Bank đã nâng mức dự báo về tăng trưởng của Việt Nam thêm 0,4 điểm phần trăm so với dự báo hồi tháng 1/2015, lên mức 6% cho năm 2015 và 6,2% cho năm 2016. Ngân hàng ANZ cũng có những đánh giá lạc quan về triển vọng kinh tế Việt Nam với dự đoán tăng trưởng năm 2015 ở mức 6,5% hoặc cao hơn nữa nhờ nhu cầu nội địa đang cho thấy dấu hiệu bắt đầu hồi phục.

Môi trường ngân hàng ổn định, phát triển theo chuẩn mực hiện đại

Cùng với sự cải thiện tích cực của môi trường vĩ mô, môi trường hoạt động các ngân hàng thương mại đang tương đối ổn định hơn với 3 yếu tố chính là thanh khoản hệ thống được đảm bảo với vai trò chủ động hỗ trợ của NHNN, mặt bằng lãi suất cho vay ổn định ở mức thấp theo định hướng của NHNN và tỷ giá về cơ bản diễn biến phù hợp sau những biện pháp điều hành chủ động của NHNN. Tình hình kinh tế vĩ mô được cải thiện cũng góp phần giúp hoạt động tín dụng các NHTM từng bước lấy lại đà tăng trưởng với mức tăng trưởng liên tục gia tăng trong từng năm. Đặc biệt trong 6 tháng đầu năm 2015, tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống ngân hàng đã đạt 7,83% so với cuối năm 2014, mức tăng gấp đôi so với cùng kỳ 2014 và đạt 1/2 chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng mà NHNN đề ra từ đầu năm (13-15%). Bên cạnh đó, quá trình sắp xếp lại các ngân hàng trong hệ thống thông qua M&A, xử lý các ngân hàng yếu kém... trong thời gian vừa qua cũng giúp hệ thống các TCTD hoạt động ổn định hơn, tránh được những rủi ro mất an toàn hệ thống. Ngoài ra, khuôn khổ pháp lý về chuẩn mực an toàn, minh bạch của ngành cũng được cải thiện, tiến gần hơn các thông lệ, chuẩn mực quốc tế.

Triển vọng phát triển vững mạnh của BIDV

- BIDV là định chế tài chính hàng đầu tại Việt Nam với uy tín lớn, lịch sử lâu đời, nền tảng khách hàng vững mạnh

Là một trong những ngân hàng có lịch sử lâu đời nhất Việt Nam với gần 60 năm hoạt động và phát triển, BIDV hiện là ngân hàng TMCP có hệ thống quản trị doanh nghiệp theo thông lệ quốc tế. Đồng thời, BIDV cũng được thị trường ghi nhận là một trong những NHTM có uy tín, quy mô và chất lượng hàng đầu tại Việt Nam, với nền tảng khách hàng vững mạnh không chỉ các Tập đoàn, Tổng công ty hàng đầu Việt Nam như Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Tổng công ty Hàng Không Việt Nam, Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam… mà còn hệ thống khách hàng cá nhân, các hộ gia đình ngày càng đông đảo, chất lượng cao. Đây được coi là nền tảng thuận lợi để nâng cao khả năng cạnh tranh, thu hút, mở rộng, đa dạng hóa khách hàng. BIDV hiện đang được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM từ ngày 24/01/2014, với mục tiêu tăng tính minh bạch, đảm bảo kinh doanh hiệu quả, cũng như bảo vệ quyền lợi của các cổ đông.

- BIDV có chiến lược phát triển đúng đắn

Theo đó, trong thời gian tới, BIDV sẽ nỗ lực mở rộng, tăng cường năng lực tại thị trường trong nước và hướng ra quốc tế. Đặc biệt đối với mục tiêu hướng ra thị trường quốc tế, BIDV xác định một trong những định hướng lớn, mục tiêu ưu tiên của BIDV trong giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến 2030 là: Chủ động, tích cực hội nhập sâu rộng vào thị trường tài chính ngân hàng khu vực và quốc tế, mở rộng mạng lưới hoạt động tại các thị trường trong khu vực ASEAN trong điều kiện AEC hình thành, trở thành thương hiệu mạnh, có uy tín và có sức cạnh tranh. Ngoài ra, BIDV cũng xác định các mục tiêu về: (i) Tăng cường năng lực tài chính nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn hoạt động của một ngân hàng hiện đại theo thông lệ quốc tế, ứng dụng đầy đủ các nguyên tắc của ủy ban Basel; (ii) Nâng cao hiệu quả hoạt động, chú trọng nâng cao năng lực quản trị rủi ro; (iii) Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; và (iv) Phát triển hệ thống công nghệ hiện đại và linh hoạt. Với định hướng này, BIDV kỳ vọng sẽ phát triển bền vững, ổn định, giữ vững vai trò là định chế hàng đầu, có vai trò quan trọng đối với thị trường trong nước, đồng thời từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng tầm hoạt động và từ đó hội nhập sâu rộng vào thị trường khu vực

- Tiềm năng phát triển mảng ngân hàng bán lẻ

Với quy mô dân số hơn 91 triệu dân nhưng tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt chỉ ở mức 12% và tỷ lệ dân số sử dụng dịch vụ ngân hàng là 22%. Theo đó, tiềm năng phát triển hoạt động ngân hàng bán lẻ tại Việt Nam là rất lớn và đang là một trong những động lực chính với sự tăng trưởng của BIDV. Với mạng lưới các chi nhánh rộng khắp phủ kín 63 tỉnh thành phố trong cả nước và hàng nghìn máy ATM, POS, hiện nay BIDV là một trong bốn NHTM có mạng lưới rộng nhất trong hệ thống. Điều này giúp BIDV tiếp cận, phát triển một số lượng lớn khách hàng và các dịch vụ ngân hàng bán lẻ trên toàn quốc tới nhiều đối tượng khách hàng từ cá nhân, hộ gia đình đến các loại hình doanh nghiệp.

- Hoạt động của BIDV đang hướng đến chuẩn mực, thông lệ quốc tế

Bám sát chiến lược kinh doanh, BIDV đã và đang đẩy mạnh hoàn thiện thể chế; tái cơ cấu hoạt động, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp; công tác quản trị rủi ro, kiểm tra, giám

sát và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đáp ứng chuẩn mực về quản trị rủi ro theo Basel II vào năm 2015. Nhờ đó hoạt động kinh doanh của BIDV ngày càng ổn định và phát triển bền vững hơn, đây cùng là nền tảng để BIDV có thể phản ứng kịp thời và chống đỡ tốt hơn với các biến động của môi trường kinh doanh

- Các yếu tố nguồn lực của BIDV ngày càng được củng cố và hoàn thiện

Như đã trình bầy ở trên, BIDV đang có kế hoạch đầu tư đẩy mạnh phát triển các nguồn lực về con người, công nghệ thông tin đồng thời gia tăng năng lực tài chính và hệ thống cơ sở vật chất. BIDV kỳ vọng với sự đầu tư bài bản, có chiều sâu và hiệu quả, các nguồn lực của BIDV sẽ có đột phá trong thời gian tới từ đó làm nền tảng cho sự phát triển mạnh mẽ, vững chắc trong tương lai.

- Khó khăn trong hoạt động kinh doanh

Những yếu tố khó khăn của nền kinh tế và ngành ngân hàng

Tuy nền kinh tế về cơ bản chuyển biến theo hướng tích cực, song nền kinh tế vẫn đối mặt với không ít khó khăn, thách thức. Trong đó điển hình là các vấn đề về tăng trưởng kinh tế chưa bền vững, chất lượng tăng trưởng chưa cao, nợ công tăng đi kèm với thâm hụt ngân sách ở mức cao, tiến trình xử lý nợ xấu còn nhiều bất cập và rủi ro đến từ thị trường bất động sản.

Áp lực cạnh tranh ngày càng lớn

Nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành ngân hàng Việt nam nói riêng đang trong quá trình hội nhập quốc tế ngày càng nhanh chóng và sâu rộng. Cùng với quá trình này, thị trường ngành ngân hàng Việt Nam sẽ ngày càng mở cửa hơn cho các ngân hàng nước ngoài tham gia từ đó dẫn đến sự cạnh tranh gia tăng từ phía các ngân hàng nước ngoài đối với các ngân hàng trong nước (đặc biệt về dịch vụ thanh toán, tín dụng tiêu dùng, bán lẻ…). Bên cạnh đó cùng với quá trình hội nhập, trình độ phát triển của ngành ngân hàng Việt Nam cũng được gia tăng với các sản phẩm nghiệp vụ ngày càng đa dạng, loại hình thành viên trên thị trường nhiều hơn, hoạt động phong phú hơn cũng như cơ hội phát triển rộng lớn hơn. Những yếu tố này làm mức độ cạnh tranh trong nội bộ các ngân hàng Việt Nam cũng đang ngày càng gia tăng nhanh chóng

9. Vị thế của BIDV so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của BIDV trong ngành

Trải qua 58 năm hoạt động và phát triển, BIDV đã đạt được những thành quả đáng tự hào và luôn là một trong các ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam. Với nền tảng khách hàng vững chắc: BIDV là NHTM lâu đời nhất tại Việt Nam với thế mạnh về hoạt động ngân hàng "bán buôn" (khách hàng doanh nghiệp) bên cạnh nền khách hàng cá nhân rộng lớn, là điều kiện thuận lợi trong việc bán chéo các sản phẩm tài chính cho cả khối khách hàng doanh nghiệp và cá nhân và phát triển mối quan hệ đối tác thuận lợi hơn so với đối thủ cạnh tranh. Bên cạnh đó, BIDV đi tiên phong trong việc áp dụng các chuẩn mực quốc tế trong hoạt động kinh doanh và minh bạch tài chính: (i) Là NHTM Việt Nam đầu tiên nhận danh hiệu "Ngân hàng thương mại tốt

nhất Việt Nam" do Tạp chí International Banker trao tặng; (ii) Giải thưởng "Ngân hàng cung cấp sản phẩm dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam" và "Ngân hàng cung cấp nghiên cứu về thị trường ngoại hối tốt nhất Việt Nam" do tạp chí Asiamoney trao tặng; (iii) Giải thưởng "Ngân hàng quản lý tiền tệ tốt nhất Việt nam" do Tạp chí The Asian Banker trao tặng. Không chỉ phát triển các sản phẩm nội địa, trong năm 2014, BIDV còn đi đầu trong việc đa dạng hóa hoạt động đầu tư ra nước ngoài. BIDV đã chủ động hội nhập vào thị trường tài chính quốc tế, tăng cường hợp tác với các đối tác trên thế giới như tích cực phát huy vai trò Chủ tịch Hiệp hội các nhà đầu tư Việt Nam sang Lào, Campuchia, Myanmar; mở rộng hoạt động quảng bá xúc tiến đầu tư thương mại tại các thị trường tiềm năng như Liên bang Nga, Châu Âu, Đông Bắc Á; trong đó đạt được những bước tiến quan trọng trong việc thâm nhập, kết nối thị trường Nhật Bản-Việt Nam; hợp tác với Tập đoàn Bảo hiểm nhân thọ Hoa Kỳ Metlife thành lập Liên doanh bảo hiểm nhân thọ BIDV Metlife.

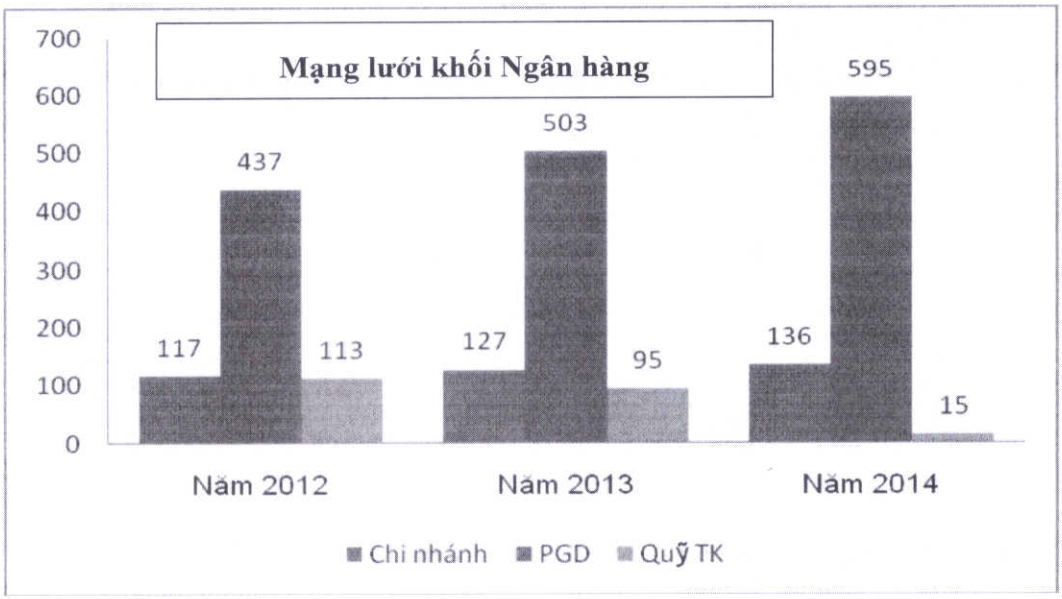
Vị thế của BIDV trong ngành được thể hiện cụ thể qua các mặt sau:

- Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch

Tính đến thời điểm 31/12/2014, chỉ tính riêng trong khối Ngân hàng, mạng lưới hoạt động của BIDV gồm Hội sở chính và 136 chi nhánh (bao gồm 01 Sở Giao dịch), 611 Phòng giao dịch, 15 Quỹ tiết kiệm, và 01 Điểm giao dịch; Trường Đào tạo Cán bộ BIDV, Trung tâm Công nghệ Thông tin; các Văn phòng đại diện (VPĐD tại Tp. Hồ Chí Minh, VPĐD tại Đà Nẵng, VPĐD tại Campuchia, VPĐD tại Myanmar, VPĐD tại Lào và VPĐD tại Séc). Đến 30/6/2015, mạng lưới khối ngân hàng đã phát triển thêm với 180 chi nhánh, 798 Phòng giao dịch, 16 Quỹ tiết kiệm/Điểm giao dịch. Mạng lưới chi nhánh rộng khắp giúp BIDV tiếp cận một số lượng lớn khách hàng trên toàn quốc, cung cấp dịch vụ đa dạng cho nhiều đối tượng khách hàng từ cá nhân, hộ gia đình đến các loại hình doanh nghiệp. BIDV dự kiến trong tương lai sẽ tiếp tục thành lập thêm các hiện diện thương mại tại một số nước Châu Âu để phục vụ các doanh nghiệp của Việt Nam hoạt động tại các thị trường này.

Cùng với tăng trưởng về số lượng, chất lượng hoạt động của các điểm mạng lưới cũng được BIDV đặt lên hàng đầu với phương châm "Hiệu quả kinh doanh và an toàn hoạt động". Ngoài ra, BIDV chú trọng phát triển mạng lưới hướng tới đẩy mạnh các dịch vụ ngân hàng bán lẻ, tập trung ưu tiên phát triển các điểm mạng lưới tại các khu vực trọng điểm phía Bắc và phía Nam (đặc biệt là TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh), từng bước hình thành mạng lưới Phòng giao dịch chuyên phục vụ khách hàng cá nhân.

Hình 4: Mạng lưới khối ngân hàng của BIDV theo năm



Với các đơn vị công ty con, đơn vị liên doanh và liên kết hoạt động trong các lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, cho thuê tài chính, quản lý quỹ..., BIDV đang hướng tới mô hình một tập đoàn tài chính đa năng, đáp ứng nhu cầu phát triển trong quá trình hội nhập với thế giới của kinh tế Việt Nam:

- *Khối Công ty con (07 đơn vị) bao gồm:* Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV (BIC), Công ty Cho thuê Tài chính TNHH Một thành viên BIDV (BLC), Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản BIDV (BAMC), Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt, và Công ty TNHH BIDV Quốc tế tại Hong Kong (BIDVI), Công ty Cổ phần Chứng khoán MHB (MHBS).
- *Khối liên doanh (06 đơn vị) bao gồm:* Ngân hàng liên doanh VID Public Bank (VPB), Ngân hàng liên doanh Việt-Nga (VRB), Công ty liên doanh quản lý đầu tư BIDV-Việt Nam Partners (BVIM), Ngân hàng liên doanh Lào – Việt (LVB), Công ty liên doanh Tháp BIDV, và Công ty liên doanh BIDV Metlife.
- *Khối các đơn vị liên kết (01 đơn vị):* Công ty cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC).

Bảng 34: Mạng lưới của một số NHTM lớn của Việt Nam tính đến 31/12/2014

STT	Ngân hàng	Số lượng
1	Agribank	2.300 chi nhánh và phòng giao dịch
2	Vietinbank	153 chi nhánh và trên 1.000 phòng giao dịch/quỹ Tiết kiệm
3	BIDV	136 chi nhánh và 611 phòng giao dịch/quỹ tiết kiệm/điểm giao dịch
4	Vietcombank	80 chi nhánh và 333 phòng giao dịch
5	ACB	81 chi nhánh và 265 phòng giao dịch/quỹ tiết kiệm
6	Eximbank	42 chi nhánh, 164 phòng giao dịch/quỹ tiết kiệm
7	Techcombank	315 chi nhánh và phòng giao dịch/quỹ tiết kiệm

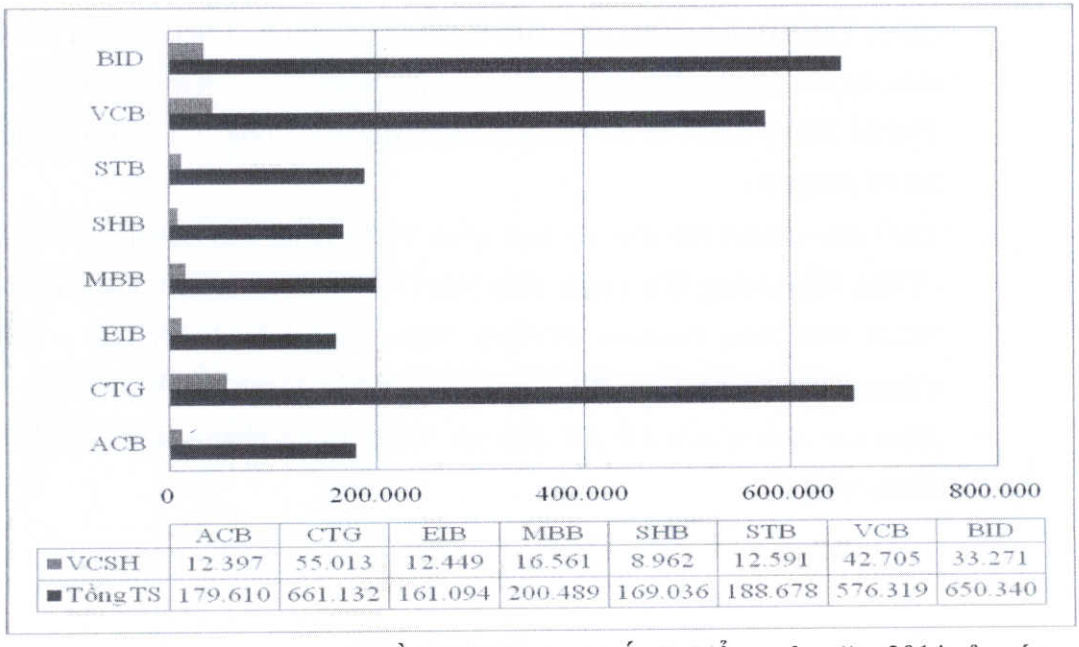
Nguồn: BIDV tổng hợp

- Quy mô tổng tài sản và vốn chủ sở hữu

Với vị thế là ngân hàng lớn thứ hai trong số các NHTMCP Việt Nam về quy mô tổng tài sản và đứng thứ ba về quy mô vốn chủ sở hữu (số liệu tại thời điểm 31/12/2014), BIDV có tiềm lực tài chính mạnh mẽ để đầu tư cho các hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, với vai trò là ngân hàng có sở hữu nhà nước lớn thứ 3 tại Việt Nam, BIDV sẽ có lợi thế từ tâm lý hướng về nơi an toàn hơn khi có những cú sốc lớn từ môi trường kinh doanh.

Hình 5: Quy mô Tổng tài sản, Vốn chủ sở hữu của một số NHTM tại 31/12/2014

Đơn vị: tỷ đồng



	ACB	CTG	EIB	MBB	SHB	STB	VCB	BID
VCSH	12.397	55.013	12.449	16.561	8.962	12.591	42.705	33.271
TổngTS	179.610	661.132	161.094	200.489	169.036	188.678	576.319	650.340

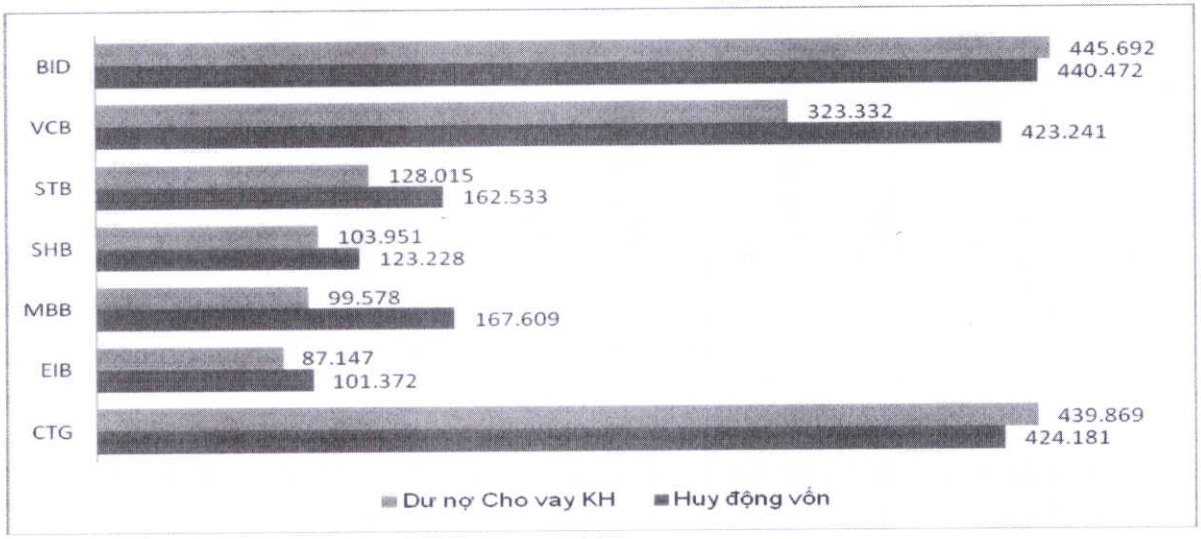
Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2014 của các ngân hàng

- Chất lượng và hiệu quả hoạt động kinh doanh chính

Trong năm 2014, nguồn vốn huy động của BIDV tăng trưởng tốt, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng vốn, đảm bảo an toàn thanh khoản hệ thống. Cụ thể huy động vốn của các TCTD và dân cư đạt 502 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 20% so với năm 2012. Cơ cấu nguồn vốn cải thiện theo hướng gia tăng tính ổn định, bền vững, và tăng tỷ trọng tiền gửi dân cư.

Hình 6: Quy mô Dư nợ và Huy động vốn của một số Ngân hàng TMCP

Đơn vị: tỷ đồng

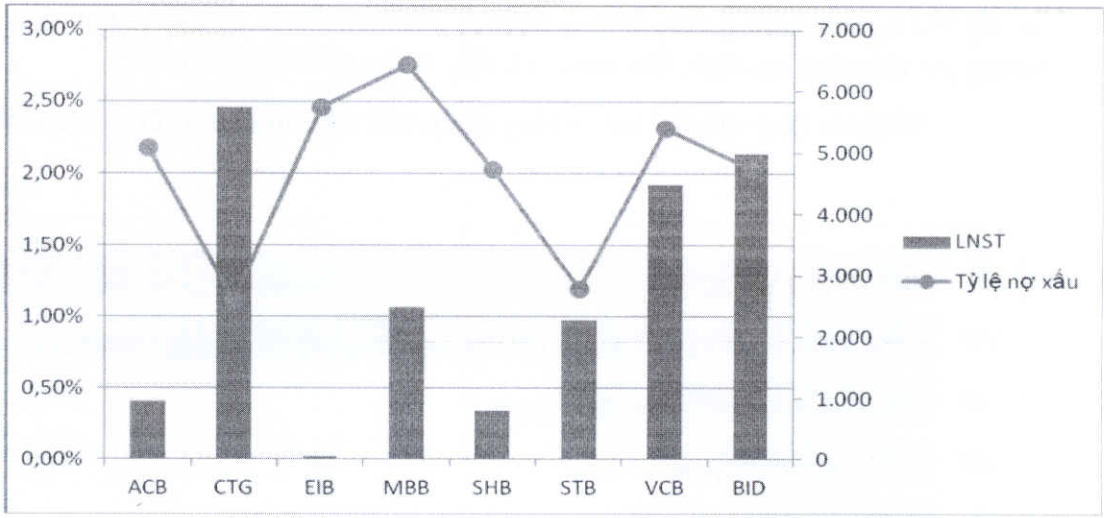


Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2014 của các ngân hàng

Cùng với sự tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô huy động vốn và quy mô dư nợ, BIDV cũng là một trong những ngân hàng tốt nhất về chất lượng và hiệu quả kinh doanh trong hệ thống. Số liệu năm 2014 cho thấy hiện nay, BIDV đang đứng thứ ba trong hệ thống về chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế và thứ hai trong nhóm 4 ngân hàng lớn nhất về chất lượng tín dụng.

Hình 7: Lợi nhuận sau thuế và tỷ lệ nợ xấu của BIDV và một số NHTM tại 31/12/2014

Đơn vị: tỷ đồng



Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2014 của các ngân hàng

- Hệ thống công nghệ thông tin

Theo đánh giá của các tổ chức trong nước và quốc tế: BIDV có hệ thống CNTT quy mô lớn và hiện đại hơn một số ngân hàng lớn khác tại Việt Nam, đáp ứng được yêu cầu kinh doanh và khả năng cạnh tranh với các các ngân hàng trong và ngoài nước (*thể hiện qua chỉ số sẵn sàng ứng dụng CNTT – ICT Index của BIDV trong nhiều năm liên tục từ năm 2007 đến nay được đánh giá và xếp hạng cao nhất trong các NH tại Việt nam, giải thưởng quốc gia "Doanh nghiệp lớn ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả nhất năm 2010" và nhiều giải thưởng quốc tế, quốc gia khác*), cụ thể:

- Hệ thống cơ sở hạ tầng CNTT hiện đại, đáp ứng yêu cầu quản lý CNTT tập trung tại Trụ sở chính, đảm bảo an toàn, đồng bộ và kiểm soát rủi ro; là NHTM đầu tiên tại Việt Nam xây dựng Trung tâm dự phòng thảm họa CNTT theo chuẩn quốc tế từ năm 2008;
- Hệ thống ứng dụng CNTT được đầu tư và phát triển mạnh mẽ, thể hiện qua việc CNTT đã được ứng dụng vào hầu hết các mặt quản lý và kinh doanh của BIDV, với tỷ lệ trên 95% nghiệp vụ ngân hàng đã được ứng dụng CNTT; nhiều hệ thống ứng dụng CNTT được trang bị hiện đại, theo tiêu chuẩn quốc tế như: hệ thống Treasury, MIS, Ngân hàng điện tử (IBMB), MPA, ERP, phòng chống rửa tiền, ... BIDV cũng là ngân hàng đầu tiên triển khai hệ thống lọc điện SWIFT phục vụ công tác phòng chống rửa tiền;
- Hệ thống ngân hàng cốt lõi Corebanking hoạt động tốt, ổn định hơn so với các

ngân hàng có quy mô tương tự tại Việt Nam;

- Hệ thống thanh toán được các tổ chức trong/ngoài nước đánh giá tốt nhất trong khối các ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Hệ thống Điều chuyển vốn tự động (FTP) do BIDV tự xây dựng và là Ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam triển khai được tư vấn Price Waterhouse Coopers đánh giá là hệ thống "đẳng cấp quốc tế", tốt hơn các giải pháp hiện có đang được các ngân hàng trên thế giới áp dụng.

- Định hạng tín nhiệm quốc tế

Năm 2014 là năm thứ 9 BIDV được tổ chức định hạng tín nhiệm quốc tế Moody's và năm thứ 5 được tổ chức định hạng quốc tế Standard & Poor's định hạng. Các kết quả cho thấy hoạt động của BIDV công khai, minh bạch, an toàn và hướng theo thông lệ, các chỉ số tín nhiệm tiếp tục được duy trì.

Theo công bố mới nhất ngày 22/09/2014, tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody's đã nâng bậc xếp hạng tín nhiệm đối với tiền gửi ngoại tệ và nội tệ dài hạn và xếp hạng nhà phát hành của BIDV thêm 1 bậc so với năm 2013, cụ thể như sau:

Hạng mục	***Định hạng của Moody's***
Triển vọng	Ổn định
Định hạng năng lực độc lập	E
Định hạng tiền gửi nội tệ dài hạn	B1
Định hạng tiền gửi ngoại tệ dài hạn	B2
Định hạng nhà phát hành nội tệ/ngoại tệ	B1
Đánh giá rủi ro cơ sở	Caa1
Đánh giá rủi ro cơ sở điều chỉnh	Caa1

Ngày 29/08/2014, Standard & Poor's (S&P) công bố kết quả định hạng tín nhiệm của BIDV năm 2014 được giữ nguyên với triển vọng chung ở mức ổn định, cụ thể:

Hạng mục	***Định hạng của S&P***
Triển vọng	Ổn định
Định hạng nhà phát hành dài hạn	B+
Định hạng nhà phát hành ngắn hạn	B
Năng lực độc lập	B+

Theo S&P, kết quả định hạng của BIDV phản ánh vị thế doanh nghiệp ở mức "mạnh", định vị rủi ro ở mức vừa phải, khả năng huy động ở mức "trung bình", có lợi thế trong việc tiếp cận các nguồn vốn từ Chính phủ cũng như nguồn vốn hỗ trợ cho các dự án phát triển từ các tổ chức quốc tế.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

- Triển vọng kinh tế thế giới giai đoạn 2016-2020

Kinh tế thế giới giai đoạn 2016-2020 được dự báo sẽ có xu hướng tiếp tục hồi phục. Theo Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), tăng trưởng GDP toàn cầu bình quân dự kiến đạt trên 4%/năm trong giai đoạn 2016-2020 (GDP bình quân giai đoạn 2011-2015 là 3,6%/năm), chủ yếu là nhờ sự hồi phục mạnh mẽ của các nước phát triển. Lạm phát toàn cầu, theo IMF, ở mức bình quân 3,7% trong giai đoạn 2016-2020, thấp hơn đáng kể so với mức 4,2% của giai đoạn 2011-2015. Giá cả của hầu hết các mặt hàng đều có xu hướng giảm.

Kinh tế Việt Nam giai đoạn 2016-2020 được dự báo sẽ có triển vọng tích cực. Cụ thể: (i) Tăng trưởng kinh tế dần phục hồi (Chính phủ đặt mục tiêu GDP bình quân giai đoạn 2016-2020 tăng từ 6,5-7%/năm), (ii) lạm phát được kiểm soát hợp lý (mục tiêu <5%), (iii) hoạt động đầu tư sôi động trở lại; (iv) Những kết quả bước đầu của tái cơ cấu nền kinh tế đã tạo ra những chuyển biến mới đối với nền kinh tế; (iii) Nền kinh tế chuyển dần từ mô hình phát triển theo chiều rộng sang mô hình phát triển theo chiều sâu, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng đóng góp của khu vực công nghiệp và dịch vụ.

- Triển vọng phát triển ngành ngân hàng giai đoạn 2016-2010

Triển vọng phát triển ngành ngân hàng Việt Nam được đánh giá là tích cực. Cơ sở cho triển vọng này là: (i) chính trị tiếp tục ổn định, (ii) thị trường tiêu thụ nội địa rộng lớn, (iii) nền tảng kinh tế vĩ mô trong những năm tới nhiều khả năng tiếp tục ổn định, (iii) định hướng và chính sách phát triển ngành của NHNN đúng đắn, phù hợp và đáp ứng được kỳ vọng thị trường; (iv) môi trường kinh doanh ngân hàng được cải thiện hơn nhờ những giải pháp hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cũng như các giải pháp xử lý nợ xấu của Chính phủ và NHNN dần phát huy hiệu quả…

Trên cơ sở triển vọng tích cực, ngoài những xu hướng phát triển chính đã hình thành trước đây trong khu vực ngân hàng như: nâng cao năng lực quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế, phát triển công nghệ thông tin trong ngân hàng, hoàn thiện mô hình tổ chức và cơ chế quản trị doanh nghiệp, phát triển nguồn nhân lực, đẩy mạnh hội nhập quốc tế,… những xu hướng phát triển quan trọng lớn của ngành ngân hàng tới như sau:

- **Chính sách tiền tệ theo hướng linh hoạt, hỗ trợ tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô:** CSTT tiếp tục được điều hành theo hướng linh hoạt nhằm ổn định giá trị đồng tiền, góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả huy động và phân bổ nguồn vốn trong nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Một số chỉ tiêu lớn có thể dự báo cho 03 năm tới như sau: (i) Tăng trưởng tín dụng: 14-16%/năm; (ii) Tăng trưởng cung tiền: 18-20%/năm; (iii) Tỷ lệ nợ xấu: <3%.
- **Tái cơ cấu hệ thống ngân hàng tiếp tục diễn ra:** hiện nay hệ thống ngân hàng Việt Nam đang tích cực thực hiện Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng với mục tiêu chính là tập trung lành mạnh hóa tình trạng tài chính và củng cố năng lực hoạt động của các ngân hàng, cải thiện mức độ an toàn và hiệu quả hoạt động của các tổ chức tín dụng, nâng cao

trật tự, kỷ cương và nguyên tắc thị trường trong hoạt động ngân hàng. Kết quả đến nay khá khả quan. An toàn hệ thống các TCTD được đảm bảo, năng lực tài chính của các TCTD cũng được dần nâng cao, nợ xấu được kiểm soát và vấn đề quản trị hệ thống và hiện đại hóa công nghệ được coi trọng hơn tại các TCTD. Đặc biệt xu hướng M&A trong ngành ngân hàng đang diễn ra mạnh mẽ, các NH yếu kém đang được xử lý dứt điểm, các NH nhỏ đang sáp nhập vào các NH lớn hơn. Theo đó số lượng các NH Việt Nam đang giảm bớt và quy mô trung bình của các ngân hàng đang tăng lên. Dự kiến trong thời gian tới Việt Nam sẽ có 2-3 ngân hàng có quy mô và tầm vóc khu vực. Tổng thể các ngân hàng sẽ tiếp tục phát triển theo hướng đa năng, hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả với cấu trúc hợp lý hơn, có khả năng cạnh tranh trong quá trình hội nhập quốc tế và dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị ngân hàng tiên tiến phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của nền kinh tế.

- **Tăng trưởng theo xu hướng bền vững hơn với động lực từ mảng thị trường bán lẻ, SMEs và dịch vụ số:** Với kỳ vọng tăng trưởng GDP tiếp tục được cải thiện, nợ xấu, lãi suất, tỷ giá được kiểm soát tốt, tăng trưởng ngành ngân hàng được dự báo sẽ từng bước lấy lại đà tích cực và theo xu hướng bền vững hơn. Động lực cho tăng trưởng là mảng thị trường bán lẻ đang được các ngân hàng chú trọng khai thác và bên cạnh đó là mảng thị trường phục vụ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ngoài ra các ngân hàng cũng sẽ chú trọng đầu tư để mở rộng cung cấp các sản phẩm ngân hàng điện tử nhằm đón đầu xu hướng ngành ngân hàng thế giới. Bên cạnh đó, để khai thác tốt các mảng thị trường này, các ngân hàng cũng sẽ tập trung đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, tiếp tục điều chỉnh hoàn thiện mô hình tổ chức và đặc biệt là nâng cao năng lực quản trị rủi ro.
- **Cạnh tranh sẽ ngày càng gia tăng hơn với áp lực đến từ cả trong nước và ngoài nước:** trước hết đối với trong nước, xu hướng tái cơ cấu hệ thống ngân hàng một mặt giúp loại bỏ bớt các ngân hàng yếu kém, tăng cường quy mô và năng lực hoạt động các ngân hàng, nhưng mặt khác cũng qua đó khiến mức độ cạnh tranh giữa các ngân hàng trong nước vốn đã gay gắt lại càng gay gắt và trực tiếp hơn. Không chỉ cạnh tranh giữa các NHTM với nhau, hiện nay các công ty thanh toán quốc tế trực tuyến đang phát triển cùng với xu hướng phát triển thương mại điện tử, các công ty chứng khoán có một số nghiệp vụ ngân hàng đầu tư, trong thời gian tới những công ty này có thể trở thành đối thủ cạnh tranh của các NHTM trong mảng dịch vụ thanh toán, ngân hàng đầu tư... Đối với cạnh tranh từ nước ngoài, trong xu thế hội nhập và hợp tác kinh tế sâu rộng giữa các nước và các khu vực, Việt Nam đang tích cực đàm phán, cải cách thể chế chuẩn bị cho việc hội nhập sâu rộng vào các nền kinh tế thế giới. Hiện nay, Việt Nam đang tiến hành đàm phán 2 Hiệp định thương mại tự do (FTA) gồm TPP, Việt Nam - EU (EVFTA) sau khi ký kết thành công Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Hải quan Nga, Belarus, Kazakhstan (VCUFTA) và cùng với khối ASEAN thực hiện lộ trình hình thành cộng đồng kinh tế AEC. Như vậy, trong tương lai gần, nền kinh tế Việt Nam sẽ hoạt động trong phạm vi tự do hóa ở mức độ rộng nhất. Trong lĩnh vực ngân hàng, các điều kiện tiếp cận thị trường sẽ dần được xóa bỏ, tạo ra môi trường cạnh tranh bình đẳng và hết sức khốc liệt đối với các NHTM nội địa. Sự hiện diện của các ngân hàng và chi nhánh của ngân hàng nước ngoài

khi thực hiện tự do hóa tài chính trong AEC có thể khiến các NHTM trong nước mất dần lợi thế cạnh tranh về khách hàng, hệ thống phân phối và thị phần nội địa, thậm chí đối mặt với nguy cơ bị chi phối và thâu tóm. Đặc biệt trong điều kiện hiện nay, nội lực của các ngân hàng Việt Nam còn hạn chế, sự thâm nhập của các ngân hàng nước ngoài với thế mạnh về tiềm lực tài chính, khả năng quản trị chuyên nghiệp, đa dạng về sản phẩm sẽ tạo sức ép lớn đối với khối ngân hàng nội địa, dẫn đến nguy cơ mất thị phần nội địa tăng cao.

9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của BIDV với định hướng của ngành

Trên cơ sở rà soát, đánh giá môi trường kinh doanh và định hướng phát triển của hệ thống ngân hàng Việt Nam, BIDV xác định định hướng chiến lược phát triển đến năm 2030 là trở thành Tập đoàn Tài chính Ngân hàng hiện đại có sức cạnh tranh cao trong khu vực và trên thế giới với 2 trụ cột là Ngân hàng thương mại và Bảo hiểm; nằm trong Top 20 Ngân hàng lớn nhất Đông Nam Á, Top 100 ngân hàng lớn nhất Châu Á Thái Bình Dương và Top 300 Ngân hàng lớn nhất thế giới về tổng tài sản đến năm 2030. Trong đó, giai đoạn 2013-2015 tập trung vào tái cơ cấu toàn diện các mặt hoạt động kinh doanh, nâng cao hiệu quả và chất lượng; chủ động kiểm soát rủi ro và tăng trưởng bền vững.

BIDV đặt ra 10 mục tiêu ưu tiên cần phải đạt được như sau:

- Phát huy vai trò Ngân hàng TMCP có sở hữu lớn của Nhà nước và là ngân hàng nòng cốt, chủ lực, góp sức ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đất nước, giữ vững vị thế là ngân hàng có quy mô, chất lượng, hiệu quả, uy tín hàng đầu Việt Nam.
- Trở thành Ngân hàng thương mại hiện đại hàng đầu Việt Nam về thị phần huy động vốn, tín dụng, dịch vụ, bán lẻ và nằm trong Top 3 ngân hàng dẫn đầu thị trường về sự hài lòng của khách hàng được đo lường bởi một tổ chức độc lập, có uy tín.
- Phát triển hoạt động kinh doanh bảo hiểm (nhân thọ và phi nhân thọ) là hoạt động trụ cột thứ 2 sau hoạt động kinh doanh ngân hàng, có sự gắn kết sản phẩm bảo hiểm với sản phẩm dịch vụ ngân hàng. Gia tăng tỷ trọng đóng góp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong tổng thu nhập toàn BIDV.
- Phát triển, đa dạng hóa danh mục sản phẩm dịch vụ, tối đa hóa bán chéo sản phẩm dịch vụ ngân hàng và bảo hiểm, tạo lập và phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng bảo hiểm khép kín; phát triển các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao tạo sự khác biệt so với đối thủ cạnh tranh được thị trường ưa thích sử dụng.
- Chủ động, tích cực hội nhập sâu rộng vào thị trường tài chính ngân hàng khu vực. Áp dụng và vận hành các chuẩn mực, thông lệ quốc tế trong kinh doanh ngân hàng hiện đại. Duy trì hệ số CAR theo thông lệ quốc tế và quy định của Ngân hàng Nhà nước

Việt Nam; nâng cao năng lực quản trị rủi ro, áp dụng đầy đủ quy định của Basel 2 theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước (năm 2018).

- Là Ngân hàng đứng đầu Việt Nam và hàng đầu của Đông Nam Á về mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động đem lại tiện ích, dịch vụ tốt nhất, hài lòng nhất cho khách hàng trong nước và quốc tế.
- Hoàn thiện mô thức quản trị ngân hàng tuân thủ luật pháp, hoạt động theo thông lệ, minh bạch, công khai và hiệu quả. Chuyển đổi mô hình tổ chức theo hướng quản lý tập trung tại Hội sở chính và điều hành hoạt động kinh doanh áp dụng chiều dọc của mô hình ngân hàng hiện đại, tiên tiến. Nâng cao hiệu quả kinh doanh và năng suất lao động.
- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động các kênh phân phối truyền thống gồm các chi nhánh, phòng giao dịch, các công ty con, công ty liên kết, đồng thời đẩy mạnh phát triển các kênh phân phối hiện đại như Internet Banking, Mobile Banking, Contact Center, ATM, POS… Tích cực phát triển, mở rộng kênh phân phối, hiện diện thương mại tại các thị trường trong khu vực và trên thế giới.
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế, góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động ngân hàng trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa. Tiếp tục cải thiện môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, cơ hội phát triển nghề nghiệp và lợi ích xứng đáng cho mọi nhân viên, thu nhập bình quân đầu người ở mức cao so thị trường.
- Thương hiệu BIDV được lan tỏa nhận biết sâu rộng với thị trường trong nước và quốc tế là thương hiệu ngân hàng hàng đầu Việt Nam, được các tổ chức kinh tế, cá nhân tín nhiệm lựa chọn sử dụng các dịch vụ tài chính ngân hàng.

Định hướng phát triển của BIDV là hoàn toàn phù hợp với chính sách điều hành của Chính phủ và định hướng tái cơ cấu của hệ thống ngân hàng Việt Nam. BIDV tin rằng với những định hướng chiến lược này BIDV sẽ đạt được những thành công trong cạnh tranh cũng như đạt được kết quả kinh doanh tích cực trong giai đoạn tới.

10. Chính Sách Lao Động

10.1. Số lượng và cơ cấu lao động

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2015, BIDV có tổng số 22.952 nhân viên, trong đó có trình độ đại học trở lên chiếm 87,4%, trình độ cao đẳng chiếm 3,6%, và 9,0% có bằng trung cấp hoặc các bằng khác.

10.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

- **Chính sách tuyển dụng:** Được thực hiện tập trung, đồng bộ, thể hiện tính công khai, minh bạch, thống nhất trong toàn hệ thống, đảm bảo chất lượng thí sinh tuyển dụng phù hợp theo yêu cầu của từng địa bàn. Qua đó, BIDV thu hút được đội ngũ ứng viên có chất lượng cao từ khắp mọi miền của cả nước, tạo ấn tượng tốt đối với xã hội nói chung và thí sinh nói riêng, góp phần quảng bá và nâng cao thương hiệu, hình ảnh BIDV trên thị trường.

- **Chính sách quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ:**

  - Công tác quy hoạch được tiến hành bài bản, đúng các quy định của Đảng và Nhà nước gắn với nhu cầu tạo nguồn phát triển cán bộ để đáp ứng yêu cầu thay thế, mở rộng đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong tương lai. Danh sách quy hoạch được bổ sung, điều chỉnh trên cơ sở theo sát sự phát triển của cán bộ, loại khỏi danh sách quy hoạch những người không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện, không có triển vọng phát triển, bổ sung vào danh sách những nhân tố mới triển vọng…
  - Gắn liền với công tác quy hoạch là công tác bổ nhiệm cán bộ. BIDV triển khai việc bổ nhiệm theo yêu cầu công tác, từng bước xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ chủ chốt nòng cốt, góp phần tích cực vào kết quả thực hiện thắng lợi mục tiêu kinh doanh của ngân hàng.
  - Đặc biệt những năm gần đây, BIDV đã đẩy mạnh công tác luân chuyển, biệt phái cán bộ lãnh đạo giữa Trụ sở chính với các đơn vị thành viên để bổ sung năng lực lãnh đạo cho các đơn vị còn thiếu nguồn cán bộ tại chỗ, kết hợp với việc đào tạo cán bộ cả về kiến thức quản trị hệ thống và kinh nghiệm thực tiễn cơ sở nhằm nâng cao, phát triển toàn diện trình độ, năng lực cán bộ.

- **Chính sách đánh giá cán bộ:**

  - Năm 2014, BIDV tiếp tục thực hiện chính sách đánh giá cán bộ lãnh đạo thông qua hình thức lấy phiếu đánh giá một cách rộng rãi theo các đối tượng liên quan trong hệ thống. Kết quả đánh giá là căn cứ tích cực để góp phần thúc đẩy nâng cao trách nhiệm và vai trò điều hành của Ban lãnh đạo cấp cao và đội ngũ lãnh đạo các cấp của BIDV, đồng thời, phục vụ công tác quy hoạch, luân chuyển, đào tạo cán bộ trước mắt cũng như lâu dài.
  - Bên cạnh đó, công tác đánh giá cán bộ của BIDV cũng đạt bước tiến lớn với việc triển khai thành công các đợt kiểm tra sát hạch nghiệp vụ đối với 5.286 cán bộ, làm cơ sở để các đơn vị thực hiện đánh giá, sắp xếp bố trí cán bộ phù hợp theo

năng lực, từng bước áp dụng thành công phương pháp quản trị nhân sự hiện đại trong toàn hệ thống.

- **Chính sách đào tạo:** Năm 2014, công tác đào tạo được đẩy mạnh và tăng cường trong toàn hệ thống. Theo đó, BIDV đã tổ chức được 267 lớp, với 17.124 lượt học viên. Đặc biệt, BIDV đã triển khai thành công Chương trình đào tạo lãnh đạo ngân hàng tương lai khóa 2 – năm 2014 để đào tạo, bồi dưỡng và chuẩn bị nguồn cán bộ lãnh đạo các cấp cho hệ thống. Công tác đào tạo đã nhận được đánh giá tích cực từ đông đảo học viên và các đơn vị liên quan với kế hoạch đào tạo được đổi mới và ngày càng sát hơn với nhu cầu công việc thực tế, công tác tổ chức bài bản, nội dung đào tạo phong phú, thiết thực cùng với việc ứng dụng các phần mềm trong công tác tổ chức đào tạo.
- **Chế độ đãi ngộ và khen thưởng:** BIDV thực hiện nghiêm túc các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với người lao động, tạo điều kiện tối đa để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động trên cơ sở những kết quả công tác xuất sắc, những cống hiến tích cực của người lao động vào kết quả chung. Chính sách khen thưởng, đãi ngộ của BIDV nhằm tuyên dương và tưởng thưởng xứng đáng với những tập thể, cá nhân có thành tích, sáng kiến trong lao động, có năng suất và hiệu quả công tác cao để người lao động vừa yên tâm công tác, vừa không ngừng nâng cao năng suất lao động, phát huy năng lực bản thân.

11. Chính sách cổ tức

Việc chi trả cổ tức của BIDV được dựa trên các yếu tố sau:

- Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng;
- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức
- Kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng trong thời gian tới.

Bảng 35. Tình hình chi trả cổ tức của BIDV giai đoạn 2012-2014

Năm	Tỷ lệ trả cổ tức/mệnh giá cổ phần	Ghi chú
2012	10,8%/năm (tương đương với 7,2%/08 tháng tính từ thời điểm chính thức chuyển đổi thành NHTMCP ngày 01/05/2012)	Chi cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 2,27% và chi cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 4,93%
2013	8,5%/năm	Bằng tiền mặt
2014	10,2%/năm	Bằng tiền mặt, theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 ngày 17/04/2015, đã thực hiện chi trả cổ tức từ ngày 22/05/2015

12. Tình hình hoạt động tài chính

Bảng 36: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu theo BCTC riêng lẻ giai đoạn 2013 - 30/06/2015

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013	2014	30/06/2015
1. Quy mô vốn			
Vốn điều lệ	28.112	28.112	31.481
Tổng tài sản có	547.374	647.930	722.119
Tỷ lệ an toàn vốn	10,02%	9,07%	9,05%
2. Kết quả hoạt động kinh doanh			
Số dư nguồn vốn huy động (*)	468,586	590,699	658,628
Doanh số cho vay	566.012	730.502	513.686
Doanh số thu nợ	514.709	675.853	441.387
Nợ xấu	8.627	8.881	14.045
Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ	2,32%	2,00%	2,72%
3. Khả năng thanh khoản (**)			
Khả năng thanh toán ngay (%)	16,72	18,88	
Khả năng chi trả trong vòng 7 ngày tới ▪ VND ▪ USD	2,15 2,65	1,58 1,1	
Nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn (%)	28,8	28,8	35,23
Tỷ lệ Dự trữ thanh khoản (%)			12,33
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (%) ▪ VND ▪ Ngoại tệ			78,00 53,05

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ BIDV 2013, 2014, 30/06/2015

(**) Tỷ lệ chỉ tính cho riêng ngân hàng, Từ 01/02/2015, Thông tư 13/2010/TT-NHNN quy định các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng chấm dứt hiệu lực, thay thế bằng thông tư 36/2014/TT-NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của TCTD, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài (hiệu lực từ 1/2/2015), theo đó tại thời điểm 30/06/2015, BIDV tuân thủ các chỉ tiêu về an toàn thanh khoản theo quy định tại thông tư 36/2014/TT-NHNN, bao gồm: Tỷ lệ Dự trữ thanh khoản (tối thiểu 10%), tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày tới VND (tối thiểu 50%) và ngoại tệ (tối thiểu 10%), Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung dài hạn (tối đa 60%)

Bảng 37: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu theo BCTC Hợp nhất giai đoạn 2013 - 30/06/2015

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013	2014	30/06/2015
1. Quy mô vốn			
Vốn điều lệ	28.112	28.112	31.481
Tổng tài sản có	548.386	650.340	724.762
Tỷ lệ an toàn vốn	10,26%	9,47%	9,46%
2. Kết quả hoạt động kinh doanh			
Số dư nguồn vốn huy động	467.951	589.856	657.122

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất BIDV 2013, 2014, 30/06/2015

Là một tổ chức tín dụng tại Việt Nam được NHNN cấp phép, BIDV phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn và chịu sự giám sát của NHNN. Nhìn chung trong giai đoạn 2013-2014, BIDV luôn đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn do NHNN quy định bao gồm: (i) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, (ii) Tỷ lệ khả năng chi trả, (iii) Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung dài hạn

Trong giai đoạn 2013 – 06/2015, BIDV đã có sự tăng trưởng về quy mô và kết quả hoạt động kinh doanh, cụ thể:

- Tổng nguồn vốn huy động năm 2014 đạt 589.856 tỷ đồng, tăng 26,1% so với 31/12/2013. Đến 30/06/2015, tổng nguồn vốn huy động đạt 657.122 tỷ đồng, tăng 67.266 tỷ đồng tương đương 11,4% so 31/12/2014. Cơ cấu huy động vốn được dịch chuyển theo hướng ổn định, thông qua việc tăng tỷ trọng huy động tiền gửi khách hàng trong đó tỷ trọng tiền gửi khách hàng thuộc khu vực dân cư có xu hướng tăng dần qua các năm, điều này thể hiện BIDV đang thực hiện thành công chiến lược thu hút vốn theo hướng đẩy mạnh hoạt động ngân hàng bán lẻ.

13. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

13.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng Quản trị

Bảng 38: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị BIDV

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
1	Ông Trần Bắc Hà	Chủ tịch	1956	211455986
2	Bà Lê Thị Kim Khuyên	Ủy viên	1963	011551703
3	Bà Phan Thị Chinh	Ủy viên	1968	011920202

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
4	Ông Lê Đào Nguyên	Ủy viên	1956	011432410
5	Ông Phan Đức Tú	Ủy viên kiêm Tổng Giám đốc	1964	211109236
6	Ông Trần Anh Tuấn	Ủy viên	1958	013314650
7	Ông Nguyễn Huy Tựa	Ủy viên	1957	011561772
8	Ông Trần Thanh Vân	Ủy viên	1961	200057314
9	Ông Tô Ngọc Hưng	Ủy viên độc lập	1955	010968760
10	Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	Ủy viên	1961	010103626
11	Ông Huỳnh Nam Dũng	Ủy viên	1956	021866544
12	Ông Đặng Xuân Sinh	Ủy viên	1957	024036483
13	Ông Nguyễn Phước Hòa	Ủy viên	1956	024086128
14	Ông Nguyễn Văn Lộc	Ủy viên	1959	264000044
15	Ông Ngô Văn Dũng	Ủy viên	1968	011858489

Nguồn: BIDV

Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT

Ông Trần Bắc Hà	**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	19/08/1956
Nơi sinh	Hà Tây
Số CMTND	211455986 do Công An Bình Định cấp ngày 25/12/1998
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Ân Thanh, Hoài Ân, Bình Định
Địa chỉ thường trú	20 Hàng Tre - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	04 22200666
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính kế toán

Quá trình công tác		
01/07/1991	: 30/09/1999	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Định
01/10/1999	: 14/05/2003	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
15/05/2003	: 31/12/2007	Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/01/2008	: 20/10/2011	Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
21/10/2011	: 30/04/2012	Chủ tịch HĐTV Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: nay	Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay		Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID)
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Campuchia (IDCC)
Số cổ phần BIDV nắm giữ tại thời điểm 18/08/2015		1.199.928.505 cổ phần, chiếm 38,114% vốn điều lệ, trong đó: - Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 1.199.802.677 cổ phần, chiếm 38,11% vốn điều lệ - Cổ phần cá nhân nắm giữ: 125.828 cổ phần, chiếm 0,004% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật		Không
Các khoản nợ đối với BIDV		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Quyền lợi mâu thuẫn với BIDV		Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác		Thù lao HĐQT theo phê duyệt của ĐHĐCĐ thường niên
Cam kết nắm giữ		125.828 cổ phần BID trong suốt thời gian đảm nhiệm chức vụ
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BID		Không có

Bà Lê Thị Kim Khuyên		**ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
Giới tính		Nữ
Ngày tháng năm sinh		09/03/1963
Nơi sinh		Hà Nội
Số CMTND		011551703 do Công An TP Hà Nội cấp ngày 19/04/2007
Quốc tịch		Việt Nam
Dân tộc		Kinh
Quê quán		Thành phố Ninh Bình, Ninh Bình
Địa chỉ thường trú		52 Ngõ 45 Phố Phan Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan		04.22225339
Trình độ văn hóa		10/10
Trình độ chuyên môn		Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Quá trình công tác		
01/10/2002	: 30/04/2005	Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà Nội
01/05/2005	: 30/04/2012	Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch 1
01/05/2012	: nay	Uỷ viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay		Uỷ viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID)
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		Chủ tịch HĐQT Công ty cho thuê tài chính TNHH 01 thành viên BIDV (BLC).
Số cổ phần BIDV nắm giữ tại thời điểm 18/08/2015		30.828 cổ phần, chiếm 0,00098% vốn điều lệ, trong đó: - Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 0 - Cổ phần cá nhân nắm giữ: 30.828 cổ phần, chiếm 0,00098% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật		Không
Các khoản nợ đối với BIDV		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Quyền lợi mâu thuẫn với BIDV		Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác		Thù lao HĐQT theo phê duyệt của ĐHĐCĐ thường niên

Cam kết nắm giữ	30.828 cổ phần BID trong suốt thời gian đảm nhiệm chức vụ
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BID	Không có

Bà Phan Thị Chinh		**UỶ VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
Giới tính		Nữ
Ngày tháng năm sinh		06/01/1968
Nơi sinh		Hải Phòng
Số CMTND		011920202 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 08/09/2010
Quốc tịch		Việt Nam
Dân tộc		Kinh
Quê quán		Xã Phan Sào Nam – Huyện Phủ Cừ - Tỉnh Hưng Yên
Địa chỉ thường trú		Số 2 Ngõ 90 Phố Hoàng Ngân – Phường Trung Hòa – Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan		(04) 22.200.446
Trình độ văn hóa		12/12
Trình độ chuyên môn		Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác		
05/2002	: 02/2003	Trưởng phòng Ban Tài chính kế toán BIDV
03/2003	: 07/2004	Phó Giám đốc Ban Tài chính kế toán BIDV
08/2004	: 05/2007	Giám đốc Ban Tài chính BIDV
06/2007	: 03/2014	Phó Tổng Giám đốc BIDV
04/2014	: nay	Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV
Chức vụ công tác hiện nay		Ủy viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID)
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		Ủy viên HĐQT Công ty liên doanh tháp BIDV
Số cổ phần BIDV nắm giữ tại thời điểm 18/08/2015		26.876 cổ phần, chiếm 0,00085% vốn điều lệ, trong đó: - Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 0 - Cổ phần cá nhân nắm giữ: 26.876 cổ phần, chiếm

	0,00085% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với BIDV	Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Quyền lợi mâu thuẫn với BIDV	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Thù lao HĐQT theo phê duyệt của ĐHĐCĐ thường niên
Cam kết nắm giữ	26.876 cổ phần BID suốt thời gian đảm nhiệm chức vụ
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BID	Không có

Ông Lê Đào Nguyên		**UỶ VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
Giới tính		Nam
Ngày tháng năm sinh		27/04/1956
Nơi sinh		Hà Nội
Số CMTND		011432410 do Công An TP Hà Nội cấp ngày 20/08/2009
Quốc tịch		Việt Nam
Dân tộc		Kinh
Quê quán		Gia Hội, Thành phố Huế
Địa chỉ thường trú		Phương Mai, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Hà Nội.
Số ĐT liên lạc ở cơ quan		04 22200556
Trình độ văn hóa		10/10
Trình độ chuyên môn		Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Quá trình công tác		
04/1997	: 06/1998	Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1
15/07/1998	: 05/1999	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1
06/1999	: 06/2001	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Sở giao dịch I – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Liên doanh Lào Việt

07/2001	: 05/2002	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Liên doanh Lào Việt
06/2002	: 06/2008	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Liên doanh Lào Việt
07/2008	: 15/10/2010	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
16/10/2010	: 20/10/2011	Uỷ viên HĐQT Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
21/10/2011	: 30/04/2012	Uỷ viên HĐTV Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2011	: nay	Uỷ viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay		Uỷ viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID)
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		- Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH 01 TV Quản lý nợ và Khai thác tài sản (BAMC); - Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC); - Thành viên HĐTV Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Campuchia (IDCC); - Ủy viên HĐQT Công ty Chuyển mạch tài chính quốc gia (Banknet); - Phó chủ tịch Công ty liên doanh quản lý quỹ BIDV-Vietnam Partner (BVIM); - Thành viên HĐTV Công ty TNHH 02 TV Đầu tư Phát triển Quốc tế (IID).
Số cổ phần BIDV nắm giữ tại thời điểm 18/08/2015		61.276 cổ phần, chiếm 0,0019% vốn điều lệ, trong đó: - Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 0 - Cổ phần cá nhân nắm giữ: 61.276 cổ phần, chiếm 0,0019% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật		Không
Các khoản nợ đối với BIDV		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

Quyền lợi mâu thuẫn với BIDV	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Thù lao HĐQT theo phê duyệt của ĐHĐCĐ thường niên
Cam kết nắm giữ	61.276 cổ phần BID trong suốt thời gian đảm nhiệm chức vụ
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BID	Vợ Vũ Lệ Xuân, CMND số 010358380 sở hữu 464 cổ phần, chiếm 0,00001% vốn điều lệ Con Lê Vũ Diễm Hằng, CMND số 012332279 sở hữu 4.408 cổ phần, chiếm 0,00014% vốn điều lệ

Ông Phan Đức Tú		**UỶ VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC**
Giới tính		Nam
Ngày tháng năm sinh		22/12/1964
Nơi sinh		Nghệ An
Số CMTND		211109236 do Công An TP Quảng Ngãi cấp ngày 24/10/2000
Quốc tịch		Việt Nam
Dân tộc		Kinh
Quê quán		Xã Quỳnh Thiên, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An
Địa chỉ thường trú		Khu phức hợp Mandarin Garden, đường Hoàng Minh Giám, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan		04.22122535
Trình độ văn hóa		12/12
Trình độ chuyên môn		Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác		
12/1998	: 02/2005	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Quảng Ngãi
03/2005	: 05/2007	Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
06/2007	: 30/04/2012	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: nay	Uỷ viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay		Uỷ viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID)

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số cổ phần BIDV nắm giữ tại thời điểm 18/08/2015	899.892.077 cổ phần, chiếm 28,585% vốn điều lệ, trong đó: - Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 899.852.008 cổ phần, chiến 28,5837% vốn điều lệ - Cổ phần cá nhân nắm giữ: 40.069 cổ phần, chiến 0,0013% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với BIDV	Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Quyền lợi mâu thuẫn với BIDV	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Thù lao HĐQT theo phê duyệt của ĐHĐCĐ thường niên
Cam kết nắm giữ	40.069 cổ phần BID trong suốt thời gian đảm nhiệm chức vụ
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BID	Vợ Đoàn Thị Trần Hùng Phi, CMND số 211055258 sở hữu 8.550 cổ phần, chiếm 0,00027% vốn điều lệ. Em Phan Đức Tài, CMND số 181976395 sở hữu 4.642 cổ phần, chiếm 0,00015% vốn điều lệ.

Ông Trần Anh Tuấn	**UỶ VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	01/04/1958
Nơi sinh	Yên Bái
Số CMTND	013314650 do Công An Hà Nội cấp ngày 23/09/2010
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Nghĩa Phương, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú	80A/124 Âu Cơ - Tứ Liên - Tây Hồ - Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	04 22205158
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác		
03/1981	11/1983	Cán bộ Chi nhánh NHĐT&XD Chi nhánh Gia Lai - Kon Tum
11/1983	09/1986	Phó Trưởng phòng tín dụng Chi nhánh NHĐT&XD Chi nhánh Gia Lai - Kon Tum
09/1986	10/1987	Trưởng phòng tín dụng Chi nhánh NHNN tỉnh Gia Lai Kon Tum
10/1987	08/1988	Giám đốc NHNN và Giám đốc NHCT TX Kon tum
08/1988	07/1989	Phó Giám đốc NHPT Nông nghiệp Tỉnh Gia Lai Kon Tum
07/1989	03/1991	Giám đốc Chi nhánh NHĐT&XD Tỉnh Gia Lai Kon Tum
03/1991	10/1991	Giám đốc Chi nhánh NHĐT&PT Tỉnh Gia Lai Kon Tum
10/1991	09/1998	Giám đốc Chi nhánh NHĐT&PT Tỉnh Gia Lai
09/1998	10/2006	Phó Tổng giám đốc – NHĐT&PT Việt Nam
10/2006	01/2008	UVHĐQT - NHĐT&PT Việt Nam
01/2008	04/2012	Tổng Giám đốc - NHĐT&PT Việt Nam
04/2012	05/2012	Tổng Giám đốc – NH TMCP ĐT&PT Việt Nam
05/2012	Nay	Thành viên HĐQT – NH TMCP ĐT&PT Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay		Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID)
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		Không
Số cổ phần BIDV nắm giữ tại thời điểm 18/08/2015		64.746 cổ phần, chiếm 0,0021% vốn điều lệ, trong đó: - Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 0 - Cổ phần cá nhân nắm giữ: 64.746 cổ phần, chiếm 0,0021% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật		Không
Các khoản nợ đối với BIDV		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Quyền lợi mâu thuẫn với BIDV		Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác		Không
Cam kết nắm giữ		64.746 cổ phần trong suốt thời gian đảm nhiệm chức vụ

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BID	Con Trần Thị Kim Anh, CMND số 012395142 sở hữu 24.554 cổ phần, chiếm 0,00078% vốn điều lệ. Con Trần Thành Linh, CMND số 012418775 sở hữu 12.215 cổ phần, chiếm 0,00039% vốn điều lệ. Em Trần Anh Hải, CMND số 230305424 sở hữu 5.629 cổ phần, chiếm 0,00018% vốn điều lệ. Em Trần Hưng Hà, CMND số 025179391 sở hữu 8.113 cổ phần, chiếm 0,00026% vốn điều lệ.

Ông Nguyễn Huy Tựa		**UỶ VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
Giới tính		Nam
Ngày tháng năm sinh		16/10/1957
Nơi sinh		Hà Nội
Số CMTND		011561772 do Công An Hà Nội cấp ngày 12/02/2007
Quốc tịch		Việt Nam
Dân tộc		Kinh
Quê quán		Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội
Địa chỉ thường trú		Khu TT Nhà máy in tiền Quốc Gia - Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan		04 22200445
Trình độ văn hóa		10/10
Trình độ chuyên môn		Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác		
08/2002	: 02/2005	Giám đốc Ban Quản lý Tín dụng - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
03/2005	: 09/2006	Giám đốc Sở Giao dịch 3 - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
10/2006	: 11/2006	Uỷ viên HĐQT kiêm Giám đốc Sở Giao dịch 3 - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
12/2006	:12/2006	Uỷ viên HĐQT kiêm Trưởng Ban Kiểm soát kiêm Giám đốc Sở Giao dịch 3 - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/2007	: 20/10/2011	Uỷ viên HĐQT kiêm Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
21/10/2011	: 30/04/2012	Uỷ viên HĐTV kiêm Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

01/05/2012	: nay	Uỷ viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay		Uỷ viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID)
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		- Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH 02 thành viên Đầu tư Phát triển Quốc tế (IID). - Thành viên HĐTV Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ BIDV Metlife - Phó Chủ tịch Hiệp hội ngân hàng Việt Nam
Số cổ phần BIDV nắm giữ tại thời điểm 18/08/2015		23.653 cổ phần, chiếm 0,00075% vốn điều lệ, trong đó: - Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 0 - Cổ phần cá nhân nắm giữ: 23.653 cổ phần, chiếm 0,00075% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật		Không
Các khoản nợ đối với BIDV		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Quyền lợi mâu thuẫn với BIDV		Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác		Thù lao HĐQT theo phê duyệt của ĐHĐCĐ thường niên
Cam kết nắm giữ		23.653 cổ phần BID trong suốt thời gian đảm nhiệm chức vụ
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BID		Con Nguyễn Huy Tuấn, CMND số 012750254 sở hữu 1.496 cổ phần, chiếm 0,000048% vốn điều lệ.

Ông Trần Thanh Vân	**UỶ VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	01/01/1961
Nơi sinh	Hà Nội
Số CMTND	200057314 do Công An TP Đà Nẵng cấp ngày 10/05/2007
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hoà Châu, Hoà Vang, Đà Nẵng
Địa chỉ thường trú	190, Phố Núi Thành, TP Đà Nẵng

Số ĐT liên lạc ở cơ quan		04 22200233
Trình độ văn hóa		12/12
Trình độ chuyên môn		Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác		
01/10/1991	: 31/03/2004	Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đà Nẵng
01/04/2004	: 31/08/2008	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đà Nẵng
01/09/2008	: 30/04/2012	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: 25/04/2013	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
26/04/2013	: 31/12/2013	Uỷ viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/01/2014	: nay	Uỷ viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay		Uỷ viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID). Thời gian đảm nhiệm tính đến hiện tại: 1 năm 9 tháng
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		- Chủ tịch HĐQT Công ty liên doanh tháp BIDV - Thành viên HĐTV kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH 02 TV Đầu tư và Phát triển quốc tế (IID) - Thành viên HĐTV Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Campuchia (IDCC)
Số cổ phần BIDV nắm giữ tại thời điểm 18/08/2015		40.191 cổ phần, chiếm 0,0013% vốn điều lệ, trong đó: - Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 0 - Cổ phần cá nhân nắm giữ: 40.191 cổ phần, chiếm 0,0013% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật		Không
Các khoản nợ đối với BIDV		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Quyền lợi mâu thuẫn với BIDV		Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác		Không
Cam kết nắm giữ		40.191 cổ phần BID trong suốt thời gian đảm nhiệm chức vụ

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BID	Em Trần Hải Vân, CMND số 201183753 sở hữu 13.244 cổ phần, chiếm 0,00042% vốn điều lệ

Ông Tô Ngọc Hưng		**UỶ VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP**
Giới tính		Nam
Ngày tháng năm sinh		09/01/1955
Nơi sinh		Nam Định
Số CMTND		010968760 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 27/11/2000
Quốc tịch		Việt Nam
Dân tộc		Kinh
Quê quán		Vân Dương, Quế Võ, Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú		Phòng 801, B5 TT Trường Cao cấp nghiệp vụ NH, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan		
Trình độ văn hóa		10/10
Trình độ chuyên môn		PGS,TS Kinh tế
Quá trình công tác		
07/1980	: 12/1992	Giảng viên Trường cao cấp nghiệp vụ Ngân hàng.
01/1993	: 12/1993	Phó chủ nhiệm bộ môn Tiền tệ tín dụng Trường cao cấp nghiệp vụ Ngân hàng.
01/1994	: 12/1994	Phụ trách Bộ môn NHTM & các TCTD của Trung tâm đào tạo và NCKH ngân hàng.
01/1995	: 03/1998	Chủ nhiệm Bộ môn NHTM & các TCTD của Trung tâm đào tạo và NCKH ngân hàng.
04/1998	: 02/2002	Chủ nhiệm Khoa Nghiệp vụ kinh doanh ngân hàng, Học viện Ngân hàng.
08/02/2002	: 07/2004	Phó giám đốc Học viện Ngân hàng, Phó Bí thư Đảng ủy Học viện Ngân hàng.
08/2004	: 02/2015	Giám đốc, Bí thư Đảng ủy (6/2010), Tổng biên tập Tạp chí Khoa học và Đào tạo (8/2006) Học viện Ngân hàng.
01/03/2015	: 04/2015	Tổng biên tập Tạp chí KH&ĐT Ngân hàng
04/2015	: nay	Ủy viên HĐQT độc lập BIDV

Chức vụ công tác hiện nay	UVHĐQT Độc lập BIDV (BID)
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số cổ phần BIDV nắm giữ tại thời điểm 18/08/2015	Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 0 Cổ phần cá nhân nắm giữ: 0
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với BIDV	Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Quyền lợi mâu thuẫn với BIDV	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Thù lao HĐQT theo phê duyệt của ĐHĐCĐ thường niên
Cam kết nắm giữ	Không sở hữu cổ phiếu
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BID	Không có

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh		**ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
Giới tính:		Nữ
Ngày tháng năm sinh:		06/03/1961
Nơi sinh		Hà Nội
CMND:		010103626 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 26/01/2010
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Xã Thạch Trị – Huyện Thạch Hà - Tỉnh Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú:		Số 8 Đường Thành – Quận Hoàn Kiếm – TP Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		62535058
Trình độ văn hóa:		10/10
Trình độ chuyên môn:		Tiến sỹ TCNH
Quá trình công tác:		
12/1998	: 11/2008	Phó Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ
12/2008	: 04/2015	Viện trưởng Viện Chiến lược Ngân hàng, NHNN

04/2015	: nay	Thành viên HĐQT BIDV
Chức vụ công tác hiện nay:		Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID)
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Không có
Số cổ phần BIDV nắm giữ tại thời điểm 18/08/2015		899.852.014 cổ phần, chiếm 28,5838% vốn điều lệ, trong đó: - Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 899.852.008, chiếm 28,5838% vốn điều lệ - Cổ phần cá nhân nắm giữ: 6, chiếm 0,0000002% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật		Không
Các khoản nợ đối với BIDV:		Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Quyền lợi mâu thuẫn với BIDV		Không có
Lợi ích liên quan đối với BIDV:		Thù lao HĐQT theo phê duyệt của ĐHĐCĐ thường niên
Cam kết nắm giữ		6 cổ phần BID trong suốt thời gian đảm nhiệm chức vụ
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BID		Con Chu Thanh Tú, CMND số 0124342578 sở hữu 1.100 cổ phần BID, chiếm 0,000035% vốn điều lệ.

Ông Đặng Xuân Sinh	**ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	08/04/1957
Nơi sinh	Thanh Hóa
CMND:	024036483 do Công an TP Hồ Chí Minh cấp ngày 28/11/2002
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú:	6E1 Vĩnh Viễn, P2, Q10, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		62535051
Trình độ văn hóa:		10/10
Trình độ chuyên môn:		Cử nhân Tài chính
Quá trình công tác:		
08/1980	: 04/1983	Cán bộ Tín dụng – Ngân hàng Công nghiệp TW cơ sở 2 tại TPHCM
05/1983	: 09/1991	Giáo viên khoa Tiền tệ – Tín dụng Trường cao cấp nghiệp vụ Ngân hàng TPHCM
10/1991	: 11/1998	Chuyên viên – Phó trưởng phòng – Trưởng phòng Tổng hợp Đối ngoại VPĐD NHNN tại TPHCM
12/1998	: 06/2002	Trưởng phòng Nghiên cứu kinh tế VPĐD NHNN tại TPHCM
07/2002	: 04/2014	Trưởng phòng Tổng hợp – Nghiên cứu Kinh tế VPĐD NHNN tại TPHCM kiêm giúp việc Phó Thống đốc NHNN thường trực tại TPHCM (từ tháng 03/2012 đến 06/2013)
05/2014	: 05/2015	Thành viên HĐQT MHB
06/2015	: nay	Thành viên HĐQT BIDV
Chức vụ công tác hiện nay:		Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID)
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Không
Số cổ phần BIDV nắm giữ tại thời điểm 18/08/2015		0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật		Không
Các khoản nợ đối với BIDV:		Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Quyền lợi mâu thuẫn với BIDV		Không có
Lợi ích liên quan đối với BIDV:		Thù lao HĐQT theo phê duyệt của ĐHĐCĐ thường niên
Cam kết nắm giữ		Không sở hữu cổ phần
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BID		Không có

Ông Huỳnh Nam Dũng		**ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
Giới tính:		Nam
Ngày tháng năm sinh:		05/06/1956
Nơi sinh		Hà Nội
CMND:		021866544 do Công an TP Hồ Chí Minh cấp ngày 20/08/2014
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Vĩnh Long
Địa chỉ thường trú:		215A Hoàng Văn Thụ, P8, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		04 62535051
Trình độ văn hóa:		10/10
Trình độ chuyên môn:		Thạc sỹ Kinh tế, tài chính
Quá trình công tác:		
1980	: 1982	Phục vụ trong quân đội tại Quân khu 9
1983	: 1995	Chuyên viên Sở ngoại vụ TP. Hồ Chí Minh
1995	: 6/1997	Công tác tại Văn phòng Chính phủ
07/1997	: 12/1997	Ủy viên Ban trù bị thành lập ngân hàng MHB
01/1998	: 30/6/2002	Phó Tổng giám đốc MHB
01/07/2002	: 05/2011	Chủ tịch HĐQT MHB
06/2011	: 07/2012	Chủ tịch HĐTV MHB
08/2012	: 5/2015	Chủ tịch HĐQT MHB
06/2015	: nay	Thành viên HĐQT BIDV
Chức vụ công tác hiện nay:		Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		- Chủ tịch HĐQT Công ty CP chứng khoán MHB
Số cổ phần BIDV nắm giữ tại thời		53.100 cổ phần, chiếm 0,0017% vốn điều lệ, trong

điểm 18/08/2015	đó: - Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 0 - Cổ phần cá nhân nắm giữ: 53.100 cổ phần, chiếm 0,0017% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với BIDV:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Quyền lợi mâu thuẫn với BIDV	Không có
Lợi ích liên quan đối với BIDV:	Thù lao HĐQT theo phê duyệt của ĐHĐCĐ thường niên
Cam kết nắm giữ	53.100 cổ phần BID trong suốt thời gian đảm nhiệm chức vụ
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BID	Con Huỳnh Nam Trung, CMND số 024361689 sở hữu 20.000 cổ phần, chiếm 0,0006% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Phước Hòa		**ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
Giới tính:		Nam
Ngày tháng năm sinh:		28/09/1956
Nơi sinh		TP. Hồ Chí Minh
CMND:		024086128 do Công an TP Hồ Chí Minh cấp ngày 04/11/2006
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		TP. Hồ Chí Minh
Địa chỉ thường trú:		Sky Garden, lối 11E, lầu 3, phòng 1, Phú Mỹ Hưng, P. Tân Phong, Q7, TP. Hồ Chí Minh
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		
Trình độ văn hóa:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Cử nhân Ngân hàng
Quá trình công tác:		
02/1976	: 12/1986	Làm việc tại NHNN tỉnh Tây Ninh (cán bộ, phó phòng, quyền Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch)

12/1986	: 06/1988	Phó giám đốc NHNN tỉnh Tây Ninh
07/1988	: 03/1993	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng PTNN tỉnh Tây Ninh
04/1993	: 10/1994	Phó giám đốc thường trực NH nông nghiệp SGDII tại TP.HCM
11/1994	: 06/1998	Giám đốc Sở giao dịch NHNN&PTNT – VPĐD miền Nam
07/1998	: 09/2000	Giám đốc Sở giao dịch NHNN&PTNT II tại TP.HCM
10/2000	: 05/2011	Ủy viên HĐQT kiêm TGĐ MHB
06/2011	: 07/2012	Thành viên HĐTV kiêm TGĐ MHB
08/2012	: 05/2015	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ MHB
06/2015	: nay	Thành viên HĐQT BIDV
Chức vụ công tác hiện nay:		Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID)
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Không
Số cổ phần BIDV nắm giữ tại thời điểm 18/08/2015		61.400 cổ phần, chiếm 0,00195% vốn điều lệ, trong đó: - Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 0 - Cổ phần cá nhân nắm giữ: 61.400 cổ phần, chiếm 0,00195% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật		Không
Các khoản nợ đối với BIDV:		Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Quyền lợi mâu thuẫn với BIDV		Không có
Lợi ích liên quan đối với BIDV:		Thù lao HĐQT theo phê duyệt của ĐHĐCĐ thường niên
Cam kết nắm giữ		61.400 cổ phần BID trong suốt thời gian đảm nhiệm chức vụ
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BID		Không có

Ông Nguyễn Văn Lộc		**ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
Giới tính:		Nam
Ngày tháng năm sinh:		16/05/1959
Nơi sinh		Ninh Thuận
CMND:		264000044 do Công an Ninh Thuận cấp ngày 31/08/2004
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Ninh Thuận
Địa chỉ thường trú:		153/23 Cao Thắng, Q10, TP. Hồ Chí Minh
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		04-62535052
Trình độ văn hóa:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Thạc sỹ Kinh tế
Quá trình công tác:		
04/1982	: 09/1984	Làm việc tại NHNN thị xã Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Thuận Hải
10/1984	: 09/1987	Trưởng phòng tín dụng ngân hàng thị xã Phan Rang, Tháp Chàm thuộc Ngân hàng Nhà nước tỉnh Thuận Hải
10/1987	: 05/1988	Phó giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước thị xã Phan Rang-Tháp Chàm
06/1988	: 03/1990	Phó giám đốc Chi nhánh Ngân hàng phát triển nông nghiệp tỉnh Thuận Hải
04/1990	: 12/1990	Trưởng phòng Đầu tư phát triển tỉnh Thuận Hải – Ngân hàng Đầu tư và xây dựng
01/1991	: 03/1992	Phó giám đốc phụ trách Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và phát triển tỉnh Thuận Hải
04/1992	: 05/2003	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và phát triển tỉnh Ninh Thuận
06/2003	: 07/2008	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Ninh Thuận
08/2008	: 05/2011	Ủy viên chuyên trách Hội đồng quản trị ngân hàng

		MHB
06/2011	: 07/2012	Thành viên HĐTV MHB
08/2012	: 05/2015	Thành viên HĐQT MHB
06/2015	: nay	Thành viên HĐQT BIDV
Chức vụ công tác hiện nay:		Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID)
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Không
Số cổ phần BIDV nắm giữ tại thời điểm 18/08/2015		17.900 cổ phần, chiếm 0,00057% vốn điều lệ, trong đó: - Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 0 - Cổ phần cá nhân nắm giữ: 17.900 cổ phần, chiếm 0,00057% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật		Không
Các khoản nợ đối với BIDV:		Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Quyền lợi mâu thuẫn với BIDV		Không có
Lợi ích liên quan đối với BIDV:		Thù lao HĐQT theo phê duyệt của ĐHĐCĐ thường niên
Cam kết nắm giữ		17.900 cổ phần BID trong suốt thời gian đảm nhiệm chức vụ
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BID		Vợ Nguyễn Lê Khâm, CMND số 025194037 sở hữu 3.033 cổ phần, chiếm 0,0001% vốn điều lệ

Ông Ngô Văn Dũng	**ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	19/01/1968
Nơi sinh	Hải Dương
Số CMTND	011858489 do Công An TP Hà Nội cấp ngày 09/09/2008
Quốc tịch	Việt Nam

Dân tộc		Kinh
Quê quán		Thị trấn Cẩm Giàng, Huyện Cẩm Giàng, Hải Dương
Địa chỉ thường trú		P106/A2 Chung cư 229 Phố Vọng, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan		04 22200553
Trình độ văn hóa		12/12
Trình độ chuyên môn		Thạc sỹ Kinh tế
Quá trình công tác		
01/05/2001	: 31/08/2002	Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thăng Long
01/09/2002	: 31/08/2004	Phó Giám đốc Ban Tín dụng Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/09/2004	: 31/07/2007	Giám đốc Ban Quản lý rủi ro Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/08/2007	: 30/11/2007	Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Hà Nội
01/12/2007	: 31/05/2015	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Hà Nội
01/06/2015	: nay	Uỷ viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay		Uỷ viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID)
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Myanmar (MIDC)
Số cổ phần BIDV nắm giữ tại thời điểm 18/08/2015		721 cổ phần, chiếm 0,000023% vốn điều lệ, trong đó: - Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 0 cổ phần - Cổ phần cá nhân nắm giữ: 721 cổ phần, chiếm 0,000023% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật		Không

Các khoản nợ đối với BIDV	Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Quyền lợi mâu thuẫn với BIDV	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Thù lao HĐQT theo phê duyệt của ĐHĐCĐ thường niên
Cam kết nắm giữ	721 cổ phần BID trong suốt thời gian đảm nhiệm chức vụ
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BID	Không có

13.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên BKS

Bảng 39: Danh sách thành viên Ban kiểm soát BIDV

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
1	Bà Võ Bích Hà	Trưởng Ban Kiểm soát	1967	011399528
2	Bà Nguyễn Thị Tâm	Thành viên chuyên trách	1965	011814791
3	Ông Cao Cự Trí	Thành viên chuyên trách	1966	011814791

Sơ yếu lý lịch các thành viên BKS

Bà Võ Bích Hà	**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	01/03/1967
Nơi sinh	Hà Nội
CMND:	011399528 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 12/04/2007
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú:	Số nhà 2, dãy 6, Khu Vườn Cọ, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	04.22205544

Trình độ văn hóa:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác:		
5/1991	3/1997	Cán bộ - Phòng TCKT – Hội sở chính BIDV
4/1997	8/1997	Phó Trưởng phòng TCKT - Hội sở chính BIDV
9/1997	3/2000	Phó Trưởng phòng NVKD - Hội sở chính BIDV
4/2000	4/2002	Phó trưởng phòng Phụ trách phòng KDTT- Hội sở chính BIDV
5/2002	9/2006	Trưởng phòng QLVG- Hội sở chính BIDV
10/2006	4/2015	Giám đốc Ban - Ban Quản lý Đầu tư- Hội sở chính BIDV
Chức vụ công tác hiện nay:		Trưởng Ban Kiểm soát – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID)
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		UV HĐQT CTLD Quản lý Đầu tư BIDV – Vietnam Partners CT HĐTV Ngân hàng liên doanh VID Public
Số cổ phần BIDV nắm giữ tại thời điểm 18/08/2015		09 cổ phần, chiếm 0,0000003% vốn điều lệ.
Hành vi vi phạm pháp luật		Không
Các khoản nợ đối với BIDV:		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Quyền lợi mâu thuẫn với BIDV:		Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		Không
Cam kết nắm giữ		09 cổ phần BID trong suốt thời gian đảm nhiệm chức vụ
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BID		Chồng Nguyễn Xuân Hòa, CMND số 011621870, sở hữu 14.659 cổ phần, chiếm 0,00047% vốn điều lệ

Bà Nguyễn Thị Tâm		**THÀNH VIÊN CHUYÊN TRÁCH**
Giới tính		Nữ
Ngày tháng năm sinh		25/10/1965
Nơi sinh		Hải Dương
Số CMTND		011814791 do Công An Hà Nội cấp ngày 15/06/2009
Quốc tịch		Việt Nam
Dân tộc		Kinh
Quê quán		Ngô Quyền, Thanh Miện, Hải Dương
Địa chỉ thường trú		3/106 Lê Thanh Nghị, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan		
Số ĐT di động		
Trình độ văn hóa		12/12
Trình độ chuyên môn		Thạc sỹ Kinh tế
Quá trình công tác		
10/05/1991	: 21/03/2000	Cán bộ Trụ Sở chính Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
22/03/2000	: 01/04/2006	Trưởng phòng Kế toán Điện toán - Ngân hàng LD Lào Việt Hà Nội
01/04/2006	: 14/06/2007	Phó trưởng Phòng Kiểm toán - Ban Kiểm soát - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
15/06/2007	: 31/08/2008	Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Giám sát và Tổng hợp - Ban Kiểm soát - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/9/2008	: 25/03/2009	Trưởng phòng Phòng Giám sát - Ban Kiểm soát - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
26/03/2009	: 30/04/2012	Trưởng phòng Phòng Giám sát, Thành viên Ban Kiểm soát - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: nay	Thành viên Ban Kiểm Soát - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay		Thành viên Ban Kiểm Soát - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		Không
Số cổ phần BIDV nắm giữ tại		7.869 cổ phần, chiếm 0,00025% vốn điều lệ, trong đó:

thời điểm 18/08/2015	- Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 0 - Cổ phần cá nhân nắm giữ: 7.869 cổ phần, chiếm 0,00025% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với BIDV	Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Quyền lợi mâu thuẫn với BIDV:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không
Cam kết nắm giữ	7.869 cổ phần BID trong suốt thời gian đảm nhiệm chức vụ
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BID	Em Nguyễn Thị Thủy Chung, CMND số 013039111 sở hữu 371 cổ phần, chiếm 0,00001% vốn điều lệ

Ông Cao Cự Trí	**THÀNH VIÊN CHUYÊN TRÁCH**
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	04/10/1966
Nơi sinh	Xã Diễn Bình, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
Số CMTND	012500432, do Công An Thành phố Hà Nộicấp ngày 01/04/2002
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Diễn Bình, Diễn Châu, Nghệ Tĩnh
Địa chỉ thường trú	Phòng 3, nhà A1, Tập thể Đại học KTQD, Phường Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà nội.
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	04.22200393
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Kinh tế
Quá trình công tác	
01/10/1984 : 30/06/2002	Công tác tại Ngân hàng Nhà nước (Tỉnh Nghệ An,

		NHNN Trung ương): Cán bộ, Phó trưởng phòng, Trưởng phòng.
01/07/2002	: 14/02/2004	Phó Trưởng Phòng Lựa chọn định chế - Sở Giao dịch 3 - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
15/02/2004	: 30/09/2006	Trưởng Phòng Lựa chọn định chế - Sở Giao dịch 3 - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/10/2006	: 28/02/2009	Phó Giám đốc - Sở Giao dịch 3 – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (trong đó từ 20/07/2007 – 15/10/2007 là Phó Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Lựa chọn định chế, Kiêm Trưởng Phòng Thẩm định và Trưởng phòng Quản lý tín dụng - Sở Giao dịch 3 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam)
01/03/2009	: 30/04/2012	Phó Trưởng Ban Kiểm Soát - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: nay	Thành viên Ban Kiểm Soát - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay		Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Trưởng Kiểm toán nội bộ - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		Trưởng Ban Kiểm soát Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm BIDV
Số cổ phần BIDV nắm giữ tại thời điểm 18/08/2015		3.298 cổ phần, chiếm 0,000105% vốn điều lệ, trong đó: - Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 0 - Cổ phần cá nhân nắm giữ: 3.298 cổ phần, chiếm 0,000105% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật		Không
Các khoản nợ đối với BIDV		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Quyền lợi mâu thuẫn với BIDV:		Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác		Không
Cam kết nắm giữ		3.298 cổ phần BID trong suốt thời gian đảm nhiệm chức vụ
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BID		Không có

13.3. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Giám đốc

Bảng 40: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc BIDV

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
1.	Ông Phan Đức Tú	Tổng Giám đốc	1964	211109236
2.	Ông Quách Hùng Hiệp	Phó Tổng Giám đốc	1969	011733037
3.	Ông Trần Xuân Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	1965	025549817
4.	Ông Trần Lục Lang	Phó Tổng Giám đốc	1967	215281334
5.	Ông Trần Phương	Phó Tổng Giám đốc	1973	013045909
6.	Ông Đoàn Ánh Sáng	Phó Tổng Giám đốc	1961	210111747
7.	Ông Phạm Quang Tùng	Phó Tổng Giám đốc	1971	012227020
8.	Ông Lê Kim Hòa	Phó Tổng Giám đốc	1965	240254320
9.	Ông Lê Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc	1964	024788171
10	Ông Lê Ngọc Lâm	Phó Tổng Giám đốc	1975	011893263

Nguồn: BIDV

Sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Đức Tú	**TỔNG GIÁM ĐỐC**
Xem mục HĐQT	

Ông Quách Hùng Hiệp	**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	23/09/1969
Nơi sinh:	Hà Nội
CMND:	011733037 do Công An TP Hà Nội cấp ngày 17/11/2003
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Cao Xá – Thanh Oai – Hà Tây
Địa chỉ thường trú:	Đốc Ngữ, Phường Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội

Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		04 22201162
Trình độ văn hóa:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:		
01/06/1999	: 31/07/2002	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (LVB)
01/08/2002	: 31/03/2005	Giám đốc Ban Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/12/2004	: 08/03/2010	Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Liên doanh VID- Public
01/04/2005	: 31/10/2006	Phó Giám đốc Chi nhánh Sở Giao dịch 1 - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/11/2006	: 31/12/2006	Phó Giám đốc Sở Giao dịch 3 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/01/2007	: 01/03/2011	Giám đốc Sở Giao dịch 3 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
16/10/2010	: 30/04/2012	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:		Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID)
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần tài chính IDCC Châu Âu (IDCE)
Số cổ phần BIDV nắm giữ tại thời điểm 18/08/2015		32.302 cổ phần, chiếm 0,00103% vốn điều lệ
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện miền Bắc 2: 3.000 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật		Không
Các khoản nợ đối với BIDV		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Quyền lợi mâu thuẫn với BIDV		Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác		Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BID		Không có

Ông Trần Xuân Hoàng		**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**
Giới tính:		Nam
Ngày tháng năm sinh:		22/10/1965
Nơi sinh		Hải Phòng
CMND:		025549817 do Công an TP Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2011
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Mỹ Chánh, Phù Mỹ, Bình Định
Địa chỉ thường trú:		Căn hộ B25.1, CC Phú Hoàng Anh I, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiểng, Nhà Bè TP HCM.
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		04 22201162
Trình độ văn hóa:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:		
01/07/1996	: 14/07/2006	Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Gia Lai
15/07/2006	: 14/08/2008	Phó Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch 2
15/08/2008	: 30/04/2012	Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:		Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Chủ tịch Công ty Cổ phần Bất động sản và xây dựng nhà Mê Kông (MHBR)
Số cổ phần BIDV nắm giữ tại thời điểm 18/08/2015		21.255 cổ phần, chiếm 0,00068% vốn điều lệ
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		Không
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không
Các khoản nợ đối với BIDV:		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Lợi ích liên quan đối với BIDV:		Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với BIDV		Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BID	Vợ Hoàng Thị Giang Hà, CMND số 025223210 sở hữu 10.543 cổ phần, chiếm 0,000335% vốn điều lệ

Ông Trần Lục Lang		**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**
Giới tính:		Nam
Ngày tháng năm sinh:		21/06/1967
Nơi sinh:		TP Quy Nhơn, Bình Định
CMND:		215281334 do Công An TP Bình Định cấp ngày 19/05/2009
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Phước Hòa, Tuy Phước, Bình Định
Địa chỉ thường trú:		279 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		04.22205544
Trình độ văn hóa:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:		
21/01/2002	: 14/07/2006	Phó Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Định
14/07/2006	: 30/09/2006	Quyền Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Tài
01/10/2006	: 31/05/2011	Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Tài
01/06/2011	: 30/04/2012	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:		Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID)
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (LVB); Phó Chủ tịch HĐQT Công ty liên doanh Bảo hiểm Lào – Việt (LVI); Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần phát triển đô thi Sen

	Vàng.
Số cổ phần BIDV nắm giữ tại thời điểm 18/08/2015	246.771 cổ phần, chiếm 0,00784% vốn điều lệ
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:	Công ty CP Thủy điện VS-SH: 2.265 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với BIDV:	Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Quyền lợi mâu thuẫn với BIDV	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BID	Không

Ông Trần Phương		**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**
Giới tính:		Nam
Ngày tháng năm sinh:		27/12/1973
Nơi sinh		Bắc Giang
CMND:		013045909 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 12/03/2008
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Thanh Lĩnh, Thanh Chương, Nghệ An
Địa chỉ thường trú:		Phòng 211, C10, Tập thể Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		04. 22205544
Trình độ văn hóa:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Thạc sỹ Kinh tế
Quá trình công tác:		
01/2006	: 06/2006	Phó Trưởng phòng Kế hoạch – Ban Kế hoạch phát triển – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
07/2006	: 12/2006	Trưởng Phòng Nghiên cứu Phát triển– Ban Kế hoạch Phát triển – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/2007	: 08/2008	Phó Giám đốc, Giám đốc Ban Quản lý Dự án Cổ phần hoá – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
08/2008	: 04/2012	Giám đốc Ban Kế hoạch Phát triển – Ngân hàng Đầu tư và

		Phát triển Việt Nam
05/2012	: nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay		Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID)
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:		- Giám đốc Công ty TNHH 01 TV Quản lý nợ và Khai thác tài sản BIDV (BAMC); - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam (VALC).
Số cổ phần BIDV nắm giữ tại thời điểm 18/08/2015		19.474 cổ phần, chiếm 0,00062% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không
Các khoản nợ đối với BIDV:		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Quyền lợi mâu thuẫn với BIDV		Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BID		Vợ Phạm Thị Kim Oanh, CMND số 011942246 sở hữu 5.675 cổ phần, chiếm 0,00018% vốn điều lệ

Ông Đoàn Ánh Sáng	**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	02/03/1961
Nơi sinh	Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
CMND:	210111747 do CA Bình Định cấp ngày 25/12/1998
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Quảng Nam
Địa chỉ thường trú:	Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, TP HCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	08.38215038
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình đạo chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	

01/1994	: 09/1999	Phó Giám đốc chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Bình Định
10/1999	: 11/2001	Quyền Giám đốc và Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Bình Định
12/2001	05/2002	Điều động về Ngân hàngĐT&PT VN chờ nhận nhiệm vụ mới
06/2002	: 09/2002	Phó Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giáo dịch 2
10/2002	: 12/2012	Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 2
01/2013	: 11/2013	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Sở Giao dịch 2
12/2013	: nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:		Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID)
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Ủy viên HĐQT Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC) Chủ tịch HĐQT Công ty lương thực Campuchia – Việt nam (Cavifood) Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC).
Số cổ phần BIDV nắm giữ tại thời điểm 18/08/2015		248.237 cổ phần, chiếm 0,0079% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không
Các khoản nợ đối với BIDV:		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Quyền lợi mâu thuẫn với BIDV		Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		Không
Những người có liên quan:		Anh Đoàn Anh Nhơn, CMND số 023283768 sở hữu 786 cổ phần, chiếm 0,000025% vốn điều lệ Em Đoàn Thị Lệ Thùy, CMND số 211132123 sở hữu 58 cổ phần, chiếm 0,0000018% vốn điều lệ

Ông Phạm Quang Tùng		**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**
Giới tính:		Nam
Ngày tháng năm sinh:		12/09/1971
Nơi sinh		Hà Nội
CMND:		012227020 do Công An TP Hà Nội cấp ngày 27/04/1999
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Hải Dương
Địa chỉ thường trú:		902 CT1 Vimeco, Trung Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		04 22201169
Trình độ văn hóa:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Kỹ sư Kinh tế
Quá trình công tác:		
01/05/2003	: 01/03/2005	Phó Giám đốc Ban Tín dụng – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
04/2005	: 10/2005	Phó Giám đốc Chi nhánh Sở Giao dịch 1 – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
11/2005	: 12/2005	Phó Tổng Giám đốc Công ty LD Bảo hiểm Việt – Úc
01/2006	: 30/09/2010	Quyền Giám đốc/Giám đốc Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC)
01/10/2010	: 15/10/2010	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC)
16/10/2010	: 27/04/2011	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm BIDV (BIC)
28/04/2011	: 30/04/2012	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Bảo hiểm BIDV (BIC)
01/05/2012	: nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:		Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID)
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC); Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ BIDV Metlife; Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH đầu tư tài chính BIDV

	Myanmar
Số cổ phần BIDV nắm giữ tại thời điểm 18/08/2015	23.069 cổ phần, chiếm 0,00073% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với BIDV:	Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Quyền lợi mâu thuẫn với BIDV	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BID	Không có

Ông Lê Kim Hòa		**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**
Giới tính:		Nam
Ngày tháng năm sinh:		08/10/1965
Nơi sinh		ĐăkLăk
CMND:		240254320 do Công an TP ĐăkLăk cấp ngày 15/08/2009
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Thừa Thiên Huế
Địa chỉ thường trú:		2/15A Cao Thắng – P.5 – Quận 3 – TP HCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		04.22205544
Trình độ văn hóa:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Thạc sỹ QTKD
Quá trình công tác:		
05/1997	: 10/2002	Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển ĐăkLăk
11/2002	: 07/2007	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển ĐăkLăk
08/2007	: 08/2008	Giám đốc Ban tín dụng – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
09/2008	: 02/2009	Giám đốc Ban Quản lý rủi ro tín dụng – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
03/2009	: 04/2009	Phó giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển TP Hồ Chí Minh

05/2009	: 08/2013	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển TP Hồ Chí Minh
09/2013	: 05/2014	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển TP Hồ Chí Minh
06/2014	: nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:		Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID)
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Không
Số cổ phần BIDV nắm giữ tại thời điểm 18/08/2015		39.581 cổ phần, chiếm 0,0013% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không
Các khoản nợ đối với BIDV:		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Quyền lợi mâu thuẫn với BIDV		Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BID		Không có

Ông Lê Trung Thành	**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	05/09/1964
Nơi sinh	An Giang
CMND:	024788171 do Công an TP Hồ Chí Minh cấp ngày 21/08/2007
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	An Giang
Địa chỉ thường trú:	Lô C, P413, C/C Phạm Viết Chánh, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP HCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	04.22205544
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác:		
08/1993	: 08/2002	Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển An Giang
09/2002	: 01/2004	Phó Giám đốc điều hành Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển An Giang
02/2004	: 11/2004	Trưởng ban chuyên trách phát triển mạng lưới kinh doanh BIDV tại Thành Phố HCM
12/2004	: 07/2014	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nam Kỳ Khởi Nghĩa
07/2014	: nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:		Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID)
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Không
Số cổ phần BIDV nắm giữ tại thời điểm 18/08/2015		2.074 cổ phần, chiếm 0,000066% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không
Các khoản nợ đối với BIDV:		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Quyền lợi mâu thuẫn với BIDV		Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BID		Không có

Ông Lê Ngọc Lâm	**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	23/07/1975
Nơi sinh	Hà Nội
CMND:	011893263 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 08/06/2009
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Vĩnh Phúc
Địa chỉ thường trú:	Số 1, F18, Tập thể Tổng cục II, Xuân Đỉnh, Từ Liêm, Hà

		Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		04.22205544
Trình độ văn hóa:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác:		
03/2009	: 10/2010	Phó Giám đốc Ban Quản lý rủi ro Tín dụng - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
10/2010	: 03/2012	Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Sở Giao dịch 1
04/2012	: 04/2013	Giám đốc ban Quản lý rủi ro Tín dụng - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
04/2013	: 01/2015	Giám đốc Ban Khách hàng Doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/2015	: nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:		Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID)
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		UVHĐQT Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Thành viên HĐTV Ngân hàng liên doanh VID Public
Số cổ phần BIDV nắm giữ tại thời điểm 18/08/2015		666 cổ phần, chiếm 0,000021% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không
Các khoản nợ đối với BIDV:		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Quyền lợi mâu thuẫn với BIDV		Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BID		Vợ Lê Thị Phương Hải, CMND số 011899547 sở hữu 9 cổ phần, chiếm 0,0000003% vốn điều lệ

Bà Tạ Thị Hạnh	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	05/05/1972

Nơi sinh		Xã Việt Hoà, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên
CMND:		012287440 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 19/10/1999
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Xã Việt Hoà, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên
Địa chỉ thường trú:		Số nhà 14, ngõ 432/20 Phố Đội Cấn, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, TP Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		04 22205544
Trình độ văn hóa:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Thạc sỹ Ngân hàng
Quá trình công tác:		
01/11/2006	: 31/12/2009	Phó Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1
01/01/2010	: 31/10/2011	Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Khách hàng – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/06/2011	: 30/10/2011	Kế toán Trưởng kiêm Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Khách hàng – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/11/2011	: 30/04/2012	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: nay	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:		Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Không
Số cổ phần BIDV nắm giữ tại thời điểm 18/08/2015		2.075 cổ phần, chiếm 0,000066% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật		Không
Các khoản nợ đối với BIDV		Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Quyền lợi mâu thuẫn với BIDV	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu BID	Không có

14. Tài sản

14.1. Tài sản cố định

Bảng 41: Chi tiết tài sản cố định tại 30/06/2015 theo BCTC riêng lẻ

Đơn vị: tỷ đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
I. TSCĐ hữu hình	**6.306.563**	**2.892.625**	**3.413.938**	
1.Nhà cửa, vật kiến trúc	3.444.451	794.777	2.649.674	76,93%
2.Máy móc thiết bị	2.129.685	1.592.773	536.912	25,21%
3.Phương tiện vận tải	565.224	416.883	148.341	26,24%
4.Thiết bị dụng cụ quản lý	58.038	31.986	26.052	44,89%
5.TSCĐ hữu hình khác	109.165	56.205	52.960	48,51%
II. TSCĐ thuê tài chính	**785.538**	**339.444**	**446.094**	
1.Máy móc thiết bị	439.638	159.516	280.122	63,72%
2.Phương tiện vận tải	345.900	179.928	165.972	47,98%
III. TSCĐ vô hình	**4.379.877**	**614.706**	**3.765.171**	
1.Quyền sử dụng đất	3.628.962	171.058	3.457.904	95,29%
2.Phầm mềm vi tính, bản quyền, bằng sáng chế	749.547	442.924	306.623	40,91%
3. TSCĐ vô hình khác	1.368	725	643	47,00%
Tổng	**11.471.978**	**3.846.775**	**7.625.203**	

Nguồn: BIDV

Bảng 42: Chi tiết tài sản cố định tại 30/06/2015 theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: tỷ đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
I. TSCĐ hữu hình	**7.164.532**	**3.284.469**	**3.880.063**	
1.Nhà cửa, vật kiến trúc	3.446.751	795.084	2.651.667	76,93%
2.Máy móc thiết bị	2.589.466	1.790.282	799.184	30,86%
3.Phương tiện vận tải	958.168	608.944	349.224	36,45%
4.Thiết bị dụng cụ quản lý	58.707	32.553	26.154	44,55%
5.TSCĐ hữu hình khác	111.440	57.606	53.834	48,31%
II. TSCĐ vô hình	**4.395.069**	**619.308**	**3.775.761**	
1.Quyền sử dụng đất	3.635.462	171.058	3.464.404	95,29%
2.Phầm mềm vi tính, bản quyền, bằng sáng chế	756.283	446.330	309.953	40,98%
3. TSCĐ vô hình khác	3.324	1.920	1.404	42,24%
Tổng	**11.559.601**	**3.903.777**	**7.655.824**	

Nguồn: BIDV

14.2. Tình hình quản lý và sử dụng đất

Tổng diện tích đất BIDV đang quản lý và sử dụng tính đến thời điểm 30/06/2015: 534.986,655 m2 với 463 địa điểm đất (trong đó có 82.823,530 m2 với 128 địa điểm đất nhận sáp nhập từ Ngân hàng TMCP phát triển nhà đồng bằng Sông Cửu Long). Các địa điểm đất hầu hết đều đang được sử dụng (hoặc đang trong quá trình đầu tư xây dựng trụ sở) để làm trụ sở làm việc, giao dịch, nhà nghỉ công vụ, nhà khách, nhà kho, nhà để xe phục vụ hoạt động của Hội sở chính và cho các chi nhánh, đơn vị thành viên trong hệ thống.

Bảng 43: Tình hình sử dụng đất tại 30/06/2015

STT	Nội dung	Khu đất của BIDV trước sáp nhập		Khu đất nhận bàn giao từ MHB		Tổng cộng các khu đất BIDV đang quản lý sử dụng	
		Diện tích (m^2)	Số địa điểm đất	Diện tích (m^2)	Số địa điểm đất	Diện tích (m^2)	Số địa điểm đất
1	Đất được Nhà nước giao	94.787,130	79	28.107,560	33	122.894,690	112
2	Đất thuê trả tiền	36.749,130	14	5.440,300	5	42.189,430	19

	1 lần						
3	Đất thuê trả tiền hàng năm	276.736,300	163	3.461,030	63	310.197,330	226
4	Đất nhận chuyển nhượng QSD đất	40.961,955	72	11.591,950	23	52.553,905	95
5	Đất khác	2.928,610	3	4.222,690	4	7.151,300	7
	Tổng cộng	**452.163,125**	**331**	**82.823,530**	**128**	**534.986,655**	**459**

Nguồn: BIDV

14.3. Tình hình quản lý đầu tư nhà cửa, vật kiến trúc, và hệ thống công nghệ thông tin

Nhà cửa, vật kiến trúc

Phần lớn các công trình BIDV đầu tư xây dựng được sử dụng làm trụ sở phục vụ cho hoạt động kinh doanh của BIDV theo đúng chức năng và nhiệm vụ được giao. Hội sở chính BIDV trước năm 2010 đặt tại tòa tháp A Vincom 191 Bà Triệu, từ năm 2010 trở lại đây đặt tại tháp BIDV tại 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội (thuê của Công ty Liên doanh tháp BIDV). Trụ sở tại tòa tháp A Vincom được sử dụng làm văn phòng cho các đơn vị thành viên như Chi nhánh Sở Giao dịch I, Trụ sở chính của Tổng công ty CP bảo hiểm BIDV (BIC) và một số Trung tâm và Ban tại Hội sở chính (Ban Kế toán; Ban Vốn và kinh doanh vốn; Trung tâm Thẻ; Trung tâm thanh toán,...). Tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh, trong năm 2009-2010 BIDV cũng đã đầu tư công trình trụ sở cho Văn phòng đại diện BIDV và các đơn vị thành viên BIDV khu vực phía Nam tại 472 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3.

Cùng với sự phát triển mở rộng hoạt động, kể từ năm 2003, BIDV đã tăng cường đầu tư xây dựng nhiều trụ sở chi nhánh. Tính đến 31/12/2014, BIDV đã có mạng lưới chi nhánh và các công ty thành viên tại tất cả các tỉnh, thành phố trên cả nước với tổng số lên tới 136 chi nhánh. Để đảm bảo ổn định kinh doanh và tăng trưởng bền vững, 90% các chi nhánh đang hoạt động đều được đầu tư xây dựng trụ sở mới ở tất cả các tỉnh thành phố trên cả nước với các toà nhà 5-10 tầng trở lên với quy mô khoảng từ 3000~6000 m2 sàn xây dựng/chi nhánh, được trang bị các hệ thống kỹ thuật phụ trợ hiện đại, đồng bộ và đầy đủ như: hệ thống điều hòa không khí, camera quan sát; báo cháy, báo động chống đột nhập, hệ thống chống sét lan truyền, hệ thống mạng vi tính và điện thoại tích hợp đảm bảo an toàn theo tiêu chuẩn ngân hàng hiện đại, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh ngân hàng.

Trụ sở Phòng giao dịch/điểm giao dịch: hầu hết có quy mô từ 300~600m2 sàn xây dựng/Phòng giao dịch. Các công trình này cũng được trang bị các hệ thống kỹ thuật phụ trợ hiện đại, đồng bộ, đầy đủ như: hệ thống điều hòa không khí, camera quan sát; báo cháy, báo động chống đột nhập, hệ thống chống sét lan truyền, mạng vi tính và điện thoại tích hợp đảm bảo theo tiêu chuẩn của

một phòng Giao dịch, đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh một cách có hiệu quả, an toàn trong hoạt động ngân hàng.

Một số công trình (chiếm khoảng 10%) đang trong quá trình xây dựng trụ sở mới và đang trong quá trình làm thủ tục phá dỡ để xây dựng. Một phần diện tích nhỏ được sử dụng làm Trung tâm tập huấn nghỉ dưỡng, nhà công vụ, nhà khách.

Hệ thống công nghệ thông tin

Hệ thống CNTT hiện đại đã bao trùm hầu hết các hoạt động nghiệp vụ với cơ sở dữ liệu tập trung, các giao dịch được cập nhật trực tuyến, hệ thống thanh toán đáp ứng yêu cầu thanh toán và được tự động hoá cao, hệ thống an ninh bảo mật đã được trang bị đồng bộ nhằm đảm bảo an ninh đối với hệ thống CNTT và hoạt động ngân hàng. 100% hệ thống giao dịch chính của tất cả các chi nhánh được thực hiện quản trị tập trung tại Trung tâm xử lý.

Hệ thống ngân hàng cốt lõi (SIBS) của BIDV được triển khai từ năm 2003, thường xuyên được chính hãng Silverlake bảo trì, cập nhật phiên bản mới và tối ưu sử dụng. Hiện BIDV đang triển khai lộ trình cho việc chuyển đổi/nâng cấp hệ thống Ngân hàng cốt lõi SIBS phù hợp, đồng bộ trong lộ trình Chuyển đổi tổng thể hệ thống CNTT.

Hệ thống máy chủ bao gồm trên 1400 máy chủ phục vụ các ứng dụng CNTT *(tại Trung tâm xử lý, trung tâm dự phòng và các chi nhánh)*. Hệ thống mạng truyền thông bao gồm mạng WAN và trên 400 mạng cục bộ (LAN), với hàng nghìn thiết bị truyền thông, thiết bị bảo mật (Router, Switch, Modem, Firewall, HSM, …). Toàn hệ thống có 1.603 máy ATM, 14.344 POS.

Để đảm bảo kinh doanh liên tục, BIDV đã xây dựng Trung tâm dự phòng thảm họa với đầy đủ cơ sở hạ tầng tương tự như trung tâm xử lý chính nhằm dự phòng trong các trường hợp có sự cố xảy ra (như hỏa hoạn, động đất, …).

Để đảm bảo cho việc lưu trữ và sao lưu dữ liệu cho tất cả các hệ thống ứng dụng, Ngân hàng đã trang bị các hệ thống lưu trữ SAN và các phương tiện để sao lưu dữ liệu. Các hệ thống này đều được trang bị tại Trung tâm dữ liệu và Trung tâm dự phòng để phục vụ cho các hoạt động lưu trữ và sao lưu dữ liệu hàng ngày.

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

15.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã thông qua một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của năm 2015 như sau:

- Lợi nhuận trước thuế: 7.500 tỷ đồng
- Tỷ lệ nợ xấu: <3%
- ROA: 0,85%

- ROE: 14%-15%
- Tỷ lệ chi trả cổ tức: > 9%

Về quy mô, BIDV dự kiến tăng trưởng tín dụng năm 2015 là 13% phấn đấu đạt 16%, huy động vốn tăng trưởng tối thiểu 16,5%, tỷ lệ thu nhập ròng trên tổng tài sản (ROA) là 0,85% và Tỷ lệ thu nhập ròng trên tổng nguồn vốn chủ sở hữu (ROE) là 14%-15%.

Trên cơ sở triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ, BIDV dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2015 như sau:

Bảng 44: Kế hoạch năm 2015

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	
	Kế hoạch	% tăng (giảm) so với năm 2014
Doanh số cho vay		
Thu nhập lãi thuần	20.200	20%
Lợi nhuận sau thuế	5.920	19%
Vốn chủ sở hữu		
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương đương	29%	n/a
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	15%	n/a
Cổ tức	>9%	n/a

Nguồn: BIDV

15.2. Căn cứ để thực hiện kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

- Năm 2015, dự báo kinh tế toàn cầu sẽ bước vào giai đoạn ổn định hơn song vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức, khó khăn, diễn biến phức tạp và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Theo Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ, mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2015 là khoảng 6,2%; tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) khoảng 5%;kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10%. Trên cơ sở lường đón những biến động của kinh tế thế giới và khu vực, BIDV đã xây dựng kịch bản điều hành KHKD năm 2015 phù hợp với khả năng phục hồi của nền kinh tế và năng lực vốn tự có của BIDV.
- Kế hoạch tăng vốn điều lệ: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2015 như sau:
    - Số vốn điều lệ dự kiến tăng thêm trong năm 2015: 6.075 tỷ đồng

- Các đợt phát hành:
  - Phát hành cho cổ đông hiện hữu:
    - Giá trị cổ phần dự kiến phát hành: 2.705,9 tỷ đồng
    - Tỷ lệ thực hiện: dự kiến 8,595329% vốn điều lệ sau khi phát hành hoán đổi cho MHB
    - Đối tượng phát hành: cổ đông có tên trong sổ theo dõi cổ đông tại thời điểm chốt danh sách
    - Giá phát hành dự kiến: 10.000 đồng/cổ phần
  - Phát hành cổ phiếu hoán đổi để thực hiện sáp nhập MHB:
    - Giá trị cổ phần phát hành: 3.369 tỷ đồng
    - Đối tượng phát hành: cổ đông của MHB theo danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách để thực hiện hoán đổi cổ phần
    - Tỷ lệ hoán đổi: 1:1

Các phương án trên chưa tính đến việc phát hành cổ phần riêng lẻ trực tiếp cho nhà đầu tư nước ngoài. Trong điều kiện thị trường thuận lợi sẽ phát hành cổ phần riêng lẻ trực tiếp cho Nhà đầu tư nước ngoài.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, BSC đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của BIDV.

Trên cơ sở các thông tin thu thập được, sau khi nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của BIDV, BSC cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của BIDV dự kiến cho năm 2015 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào cổ phiếu của BIDV.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết

Chi tiết các khoản nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra tại ngày 30/06/2015 của BIDV như sau:

Bảng 45: Chi tiết các khoản nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra tại 30/06/2015 của BIDV

Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ đồng)
I. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	**116.409**
1. Bảo lãnh vay vốn	903
2. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	43.858
3. Bảo lãnh khác	71.648
II. Các cam kết đưa ra	**21.259**
1. Cam kết khác	21.259

Nguồn: BIDV

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi khách hàng của Ngân hàng (bên được bảo lãnh) vi phạm các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Thư tín dụng là cam kết thanh toán của ngân hàng tới người thụ hưởng thư tín dụng khi người thụ hưởng xuất trình bộ chứng từ phù hợp với các điều khoản và điều kiện của thư tín dụng.

Thư tín dụng trả ngay/ trả chậm là thư tín dụng theo đó ngân hàng cam kết thanh toán ngay/thanh toán vào ngày đến hạn trong tương lai khi nhận được bộ chứng từ phù hợp.

Giao dịch thư tín dụng sẽ phát sinh rủi ro khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không thanh toán cho người thụ hưởng và ngân hàng phải thanh toán ngay. Các khoản thanh toán thay này được ngân hàng ghi nhận là khoản vay bắt buộc đối với khách hàng.

Ngân hàng thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

BIDV đã có những biện pháp giảm thiểu đáng kể rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng nêu trên thông qua việc định hạng tín dụng và phân loại khách hàng, yêu cầu về tỷ lệ tài sản đảm bảo/ký quỹ dựa trên mức độ rủi ro của từng nhóm khách hàng, quy trình thẩm định và cấp bảo lãnh, cam kết L/C của ngân hàng.

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

Không có.

PHẦN 5. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu niêm yết

Tổng số cổ phiếu hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh: 2.811.202.644 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết bổ sung sau đợt phát hành hoán đổi để sáp nhập: 336.921.100 đồng.

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết

STT	Loại cổ đông	Lý do hạn chế	Số lượng	Thời hạn
I	**Đối với cổ phiếu BID đang niêm yết**			
1	Cổ đông nội bộ	TVHĐQT, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc phải nắm giữ cổ phần trong suốt thời gian đảm nhiệm chức vụ theo quy định của Luật tổ chức tín dụng và Điều 17 Điều lệ BIDV	425.370	Hết thời gian đảm nhiệm chức vụ
2	Cổ đông cán bộ công nhân viên	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng phát hành cho cán bộ nhân viên BIDV theo mức giá ưu đãi khi IPO ngày 27/11/2011 để cổ phần hóa. Tổng số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng là 110.800 cổ phiếu.	110.800	Tùy theo cam kết làm việc của từng cán bộ, tối thiểu là 03 năm kể từ ngày BIDV được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu (ngày 27 tháng 4 năm 2012)
II	**Đối với cổ phiếu BID phát hành để sáp nhập**			
1	Công đoàn	Cổ phần ưu đãi phát hành cho tổ chức công đoàn của MHB (nay là BIDV) tại thời điểm IPO bị	9.030.328	Vĩnh viễn

		hạn chế chuyển nhượng vĩnh viễn		
2	Cổ đông nội bộ	Cổ phần hoán đổi do 03 Thành viên HĐQT mới bổ sung sau sáp nhập nắm giữ bị hạn chế chuyển nhượng theo 02 thời hạn: (1) trong thời gian đảm nhiệm chức vụ và (2) hạn chế chuyển nhượng 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo (theo cam kết nắm giữ khi BIDV đăng ký NY CP lần này).	132.400	Trong thời gian đảm nhiệm chức vụ hoặc theo cam kết nắm giữ khi đăng ký niêm yết bổ sung (tùy thời hạn nào dài hơn)

5. Phương pháp tính giá

Giá niêm yết dự kiến được xác định căn cứ giá thị trường của cổ phiếu BID đang giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, theo đó, giá tham chiếu tại ngày giao dịch chính thức cổ phiếu BID đăng ký niêm yết bổ sung lần này bằng giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước đó.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Nghị định 01/2014/NĐ-CP quy định tỷ lệ sở hữu cổ phần tại một ngân hàng thương mại Việt Nam không quá:

- 5% vốn điều lệ đối với một cá nhân nước ngoài
- 15% vốn điều lệ đối với một tổ chức nước ngoài
- 20% vốn điều lệ đối với một nhà đầu tư nước ngoài và những người có liên quan của nhà đầu tư đó
- 20% vốn điều lệ đối với một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài
- Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 30%

Tính đến thời điểm ngày 18/08/2015, tổng số lượng cổ phần do nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ tại BIDV là 53.770.795 cổ phần, chiếm 1,71% vốn điều lệ.

7. Các loại thuế có liên quan

7.1. Thuế đối với BIDV

- Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

  BIDV áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo các quy định của pháp luật về thuế GTGT hiện hành.

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp

  Theo thông tư số 78/2014/TT-BTC Hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 18 tháng 06 năm 2014, mức thuế thu nhập doanh nghiệp BIDV phải chịu là 22% trên tổng lợi nhuận chịu thuế. Mức thuế này sẽ được giảm xuống 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

- Thuế khác:

  Ngoài thuế GTGT và thuế Thu nhập doanh nghiệp, BIDV thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

7.2. Thuế đối với hoạt động giao dịch chứng khoán

- Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ban hành ngày 21/11/2007 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 thì Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm Thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (trong đó có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán).

Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức, cổ tức): 5%
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (trong đó có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
  - Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng
  - Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài;
  - Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.
- Kỳ tính thuế:
  - Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
  - Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

Đối với nhà đầu tư tổ chức

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

*Thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế * Thuế suất*

Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu
- Thuế suất = Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

*Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng * 0,1%*

PHẦN 6. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Tên công ty : Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (BSC)
Trụ sở chính : Tầng 10-11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (84.4) 39352722 Fax: (84.4) 22200669

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ : Lầu 9, Toà nhà 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84.8) 38218886 Fax: (84.8) 38218510

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Tên công ty : Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Địa chỉ : Tầng 12A, Toàn nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại : (84.4) 62883568 Fax: (84.4) 62885678

PHẦN 7. PHỤ LỤC

Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty

Phụ lục III: Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính kiểm toán

Phụ lục IV: Các báo cáo tài chính

Phụ lục V: Các tài liệu liên quan khác

Hà Nội, ngày 2.. tháng 10 năm 2015

Đại diện Tổ chức niêm yết

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

M.S.D.N: 0100150619 - C.T.C.P - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

TRẦN BẮC HÀ
Chủ tịch Hội đồng quản trị

PHAN ĐỨC TÚ
Tổng Giám đốc

VÕ BÍCH HÀ
Trưởng Ban Kiểm soát

TẠ THỊ HẠNH
Kế toán trưởng

Đại diện Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐT&PT VIỆT NAM

S.G.P - 111 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

TRẦN THỊ THU THANH

Phó Tổng Giám đốc